|  |
| --- |
| **UBND TỈNH HƯNG YÊN**  **HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**    **TÀI LIỆU**  **HỘI NGHỊ TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN**  **BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015** |
| **Hưng Yên, tháng 10 năm 2018** |

**DANH MỤC TÀI LIỆU**

**PHẦN I. NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI CƠ BẢN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG PHẦN CHUNG CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015**

**PHẦN II. GIÓI THIỆU MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015**

**Chuyên đề: Những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm sở hữu và Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế**

**Chuyên đề: Những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và Chương các tội phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng**

**PHẦN I**

**NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI CƠ BẢN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI**

**TRONG PHẦN CHUNG CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015**

Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) ra đời đánh dấu một bước tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Để góp phần triển khai, thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đã đặt ra, trong phạm vi chuyên đề này, chúng tôi xin giới thiệu khái quát về những nội dung sửa đổi lớn và những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Phần chung của Bộ luật Hình sự năm 2015.

**I. NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI LỚN CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015**

Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm có 3 phần, 26 chương, 426 điều. So với Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Bộ luật này bãi bỏ 03 điều; giữ nguyên 30 điều; sửa đổi, bổ sung 396 điều, với nhiều nội dung được sửa đổi lớn như sau:

**1. Bộ luật Hình sự năm 2015 tiếp tục thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của Đảng theo tinh thần đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi các quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013.**

***Thứ nhất, Bộ luật Hình sự năm 2015 thể chế hóa chủ trương của Đảng về hạn chế áp dụng hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt ngoài tù***, cụ thể:

- Bộ luật ***quy định*** ***hình phạt tiền là hình phạt chính được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng***. Riêng đối với nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường thì phạt tiền là hình phạt chính ***có thể áp dụng đối với cả tội rất nghiêm trọng***.

- Bộ luật cũng đã ***mở rộng nội hàm của hình phạt cải tạo không giam giữ***, theo đó, trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ với thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Biện pháp này không áp dụng đối với người già yếu, phụ nữ có thai.

- Đối với hình phạt tù, Bộ luật ***khẳng định nguyên tắc không áp dụng hình phạt tù đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý*** (khoản 2 Điều 37), theo đó, tại Phần các tội phạm, số lượng các khoản không quy định hình phạt tù tăng từ 06 khoản (theo Bộ luật hình sự năm 1999) lên hơn 30 khoản.

***Thứ hai,******Bộ luật Hình sự năm 2015 tiếp tục thể chế hóa chủ trương của Đảng và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về hạn chế áp dụng hình phạt tử hình.*** Theo đó, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã xác định rõ tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định.

- Bộ luật đã ***bổ sung các trường hợp không áp dụng hình phạt tử hình, không thi hành án tử hình***. Theo đó, hình phạt tử hình ***không áp dụng đối với người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử***. Đối với người bị kết án tử hình về ***tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn thì không thi hành án tử hình*** đối với họ. Quy định này nhằm góp phần hạn chế việc thi hành hình phạt tử hình trên thực tế và là thúc đẩy việc thu hồi tài sản bị tham nhũng trong các vụ án tham nhũng.

- Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***bỏ hình phạt tử hình ở 08 tội danh*** gồm:

(1) cướp tài sản (Điều 168);

(2) sản xuất, buôn bán hàng cấm là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193);

(3) tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249);

(4) chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252);

(5) phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 303);

(6) chống mệnh lệnh (Điều 394);

(7) đầu hàng địch (Điều 399);

(8) tội hoạt động phỉ (do Bộ luật Hình sự đã bỏ tội danh này).

Như vậy, Bộ luật Hình sự năm 2015 vẫn còn duy trì hình phạt tử hình đối với 18 tội danh trong tổng số 314 tội danh.

***Thứ ba,******Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện với những quy định hết sức chặt chẽ*** nhằm tạo cơ hội cho những phạm nhân tích cực cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án ở các cơ sở giam giữ được sớm trở về với gia đình và tiếp tục chứng tỏ sự cải tạo của mình trong môi trường xã hội bình thường có sự giám sát của chính quyền địa phương và xã hội. Nếu trong thời gian thử thách mà người được tha tù trước thời hạn cố ý vi phạm nghĩa vụ hoặc phạm tội mới thì phải trở lại cơ sở giam giữ để chấp hành tiếp phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành. Quy định này góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về việc giáo dục, cải tạo người phạm tội trong môi trường xã hội.

***Thứ tư,******Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người (Chương XIV) và nhóm các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân (Chương XV) theo hướng tiếp tục tăng cường bảo vệ các quyền con người, quyền công dân*** trên tinh thần Hiến pháp năm 2013 với những chế tài nghiêm khắc; bổ sung một số quy định mới để xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đồng thời, có chính sách xử lý nghiêm khắc hơn đối với các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân.

**2. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em trên tinh thần bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên.**

Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, các tội phạm mà người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng hơn là quy định này không rõ ràng, minh bạch, nên bản thân các em không thể hoặc khó có thể biết được chính xác khi nào thì hành vi do mình thực hiện bị coi là tội phạm. Thực tế cho thấy, những trường hợp trẻ em từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội phạm thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu, còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa... Bản thân các em không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện. Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với các em trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, giúp các em nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân.  
 Kế thừa đồng thời khắc phục những hạn chế của Bộ luật Hình sự năm 1999, ***Bộ luật Hình sự năm 2015*** ***chỉ rõ hơn những tội phạm cụ thể mà người*** ***từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, theo đó, các em chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng ở 28 tội danh trong số 314 tội danh thuộc 04 nhóm tội phạm***:

(1) các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người;

(2) các tội xâm phạm sở hữu;

(3) các tội phạm về ma túy;

(4) các tội xâm phạm an toàn công cộng.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự đối với người chưa thành niên, đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các văn kiện quốc tế về tư pháp người chưa thành niên, phù hợp với xu hướng chung của thế giới, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***cụ thể hóa các điều kiện miễn trách nhiệm hình sự áp dụng riêng cho từng đối tượng người chưa thành niên*** *(người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi)*, đồng thời, ***bổ sung 03 biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp các em được miễn trách nhiệm hình sự***, gồm:

1. Khiển trách;
2. (2) Hòa giải tại cộng đồng;
3. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**3. Bộ luật Hình sự năm 2015 tạo cơ chế bảo vệ và thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

***Thứ nhất,******lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự nước ta, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.***

Đây là điểm mới nổi bật, mang tính đột phá trong chính sách hình sự nước ta, làm thay đổi nhận thức truyền thống về tội phạm và hình phạt. Việc bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân vào Bộ luật Hình sự xuất phát từ yêu cầu cấp bách của thực tiễn và nhằm góp phần khắc phục những bất cập, hạn chế trong việc xử lý các vi phạm pháp luật của pháp nhân trong thời gian qua, nhất là những vi phạm trong các lĩnh vực kinh tế và môi trường, đồng thời tạo điều kiện bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người bị thiệt hại do các vi phạm của pháp nhân gây ra*.*

***Thứ hai,******Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (chương XVIII) theo hướng phi tội phạm hóa đối với 04 tội danh***được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999, gồm:

1. Kinh doanh trái phép;
2. Báo cáo sai trong quản lý kinh tế;
3. Vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;
4. Sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;

Việc loại bỏ 04 tội phạm này khỏi Bộ luật Hình sự nhằm bảo đảm quyền tự do và tự chủ của các chủ thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời phù hợp với tình hình tội phạm thời gian qua. Bên cạnh đó, cùng với việc bổ sung 18 tội danh mới thuộc 08 nhóm tội phạm khác nhau, Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng ***bổ sung 16 tội danh mới trong các lĩnh vực kinh tế để kịp thời đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm này***.

***Thứ ba*, *Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhóm các tội phạm về môi trường****(Chương XIX)*theo hướng ***cụ thể hóa các hành vi phạm tội gây ô nhiễm môi trường***; ***quy định chế tài nghiêm khắc*** đối với các tội phạm về môi trường, trong đó có việc tăng mức phạt tiền (cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung); đồng thời, ***bổ sung thêm 02 tội mới*** (là Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai và Tội vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông).

**4. Bộ luật Hình sự năm 2015 tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả trong tình hình mới, góp phần khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm**

***Thứ nhất,****để bảo đảm phù hợp và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiến mới, Bộ luật Hình sự đã****phi tội phạm hóa đối với 06 tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999***. Đó là các tội:  
(1) Tảo hôn; (2) Kinh doanh trái phép; (3) Báo cáo sai trong quản lý kinh tế;   
(4) Vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;   
(5) Sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;  
(6) Không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, quản chế hành chính.

***Thứ hai,******Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhóm các tội xâm phạm sở hữu (Chương XVI) theo hướng bảo đảm đối xử bình đẳng giữa chính sách xử lý hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước với hành vi xâm phạm tài sản của cá nhân*** theo tinh thần của Hiến pháp 2013; tăng mức phạt tiền bổ sung đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu; đồng thời, cụ thể hóa hành vi phạm tội, bổ sung tình tiết định khung tăng nặng đối với các tội phạm thuộc nhóm này, đặc biệt là cụ thể hóa trường hợp xử lý hình sự đối với hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới mức định lượng tối thiểu 02 triệu đồng nhằm góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, nhất là người nghèo (khoản 1 Điều 173).

***Thứ ba,******Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung một chương riêng (Chương IV) với 07 điều quy định về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự,*** trong đó, tiếp tục duy trì và cụ thể hóa 04 trường hợp như Bộ luật Hình sự năm 1999 gồm: (1) Sự kiện bất ngờ; (2) Phòng vệ chính đáng; (3) Tình thế cấp thiết; (4) Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự). Đồng thời, bổ sung 03 trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự là: (5) Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm pháp; (6) Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; (7) Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên. Nội dung sửa đổi này nhằm tạo hành lanh pháp lý an toàn để khuyến khích người dân an tâm, tích cực tham gia phòng chống tội phạm; tham gia các hoạt động sản xuất, nghiên cứu khoa học có tính chất “đột phá” vì lợi ích chung.

**5. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã thay thế Tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999) bằng một loạt các tội danh cụ thể trong các lĩnh vực kinh tế**

Để bảo đảm tính minh bạch, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, bên cạnh việc ***sửa đổi, bổ sung 15 tội danh có tính chất "cố ý làm trái" trong Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*** của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho phù hợp với tình hình mới, Bộ luật Hình sự năm 2015 còn ***bổ sung thêm 09 tội danh mới trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, bao quát các lĩnh vực thường hay xảy ra vi phạm trong hoạt động quản lý kinh tế để thay thế cho Tội cố ý làm trái***quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng.

**6. Bộ luật Hình sự năm 2015 có những nội dung sửa đổi, bổ sung góp phần tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta**  
***Thứ nhất, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội tham ô, tội nhận hối lộ***  thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng (quy định tại khoản 3 và khoản 4 của các điều 353, 354). Quy định này nhằm khẳng định chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là xử lý đến cùng tội phạm tham nhũng, đồng thời góp phần tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

***Thứ hai, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã mở rộng phạm vi xử lý tội tham nhũng ra cả khu vực tư nhân****.*

 Theo đó, người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà thực hiện hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ thì cũng bị xử lý về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ theo quy định tại các điều 353, 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, người có hành vi đưa hối lộ hoặc môi giới hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức của tổ chức quốc tế công, người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước thì cũng bị xử lý về tội đưa hối lộ hoặc tội môi giới hối lộ theo quy định tại các điều 364, 365 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Quy định này nhằm góp phần tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, đồng thời, cũng nhằm thực thi Công ước quốc tế về chống tham nhũng mà nước ta là thành viên.

**7. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã cụ thể hóa tối đa các tình tiết định tội, định khung có tính chất định tính, trừu tượng trong cấu thành của hầu hết các tội phạm**

Thực hiện khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013, “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật...” và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; trên cơ sở rà soát các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 1999, lựa chọn những nội dung hướng dẫn về các tình tiết này đã được thực tiễn kiểm nghiệm, khẳng định là còn phù hợp nhằm tăng tính minh bạch, rõ ràng, ***Bộ luật Hình sự năm 2015 đã lượng hóa nhiều tình tiết định tính của Bộ luật Hình sự năm 1999*** như: “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”; “số lượng lớn”, “số lượng rất lớn”, “số lượng đặc biệt lớn”; “thu lợi bất chính lớn”, “thu lợi bất chính rất lớn”, “thu lợi bất chính đặc biệt lớn”; “đất có diện tích lớn”, “đất có diện tích rất lớn”, “đất có diện tích đặc biệt lớn”; “giá trị lớn”, “giá trị rất lớn”, “giá trị đặc biệt lớn” bằng các quy định cụ thể trong Bộ luật Hình sự năm 2015.

**8. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung phù hợp nhằm nội luật hóa các qui định có liên quan của điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm**

***Thứ nhất,***Bộ luật Hình sự năm 2015 ***sửa đổi,*** ***bổ sung quy định về chuẩn bị phạm tội theo hướng bổ sung thêm hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm để thực hiện một tội phạm cụ thể***(bên cạnh các hành vi chuẩn bị phạm tội đã được quy định trước đây như: tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm (Điều 14). Quy định này tạo cơ sở pháp lý để chủ động ngăn chặn sớm tội phạm xảy ra, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm, đồng thời phù hợp với tinh thần của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

***Thứ hai*,** Bộ luật Hình sự năm 2015 ***sửa đổi, bổ sung cơ bản cấu thành của Tội mua bán người và Tội mua bán người dưới 16 tuổi***theo tinh thần Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.[[2]](http://vks.haugiang.gov.vn/luat-to-chuc-vkstc-cac-dao-luat-tu-phap/nhung-noi-dung-sua-doi-lon-va-diem-moi-cua-bo-luat-hinh-su-nam-2015-74.html" \l "_ftn2" \o ")  
***Thứ ba*,** Bộ luật Hình sự năm 2015 ***bổ sung Tội bắt cóc con tin (Điều 301) và Tội cướp biển***(Điều 302) trên cơ sở các quy định của Công ước chống bắt cóc con tin năm 1979 và Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982.  
***Thứ tư*,** Bộ luật Hình sự năm 2015 ***sửa đổi, bổ sung Tội rửa tiền***(Điều 324) nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu, các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về phòng, chống rửa tiền, trong đó đặc biệt chú ý là việc bổ sung chủ thể thực hiện tội phạm là pháp nhân thương mại.

          Ngoài ra, ***Bộ luật Hình sự năm 2015 có những điều chỉnh về mặt kỹ thuật lập pháp theo hướng nâng cao tính minh bạch***trong các quy định của Bộ luật Hình sự; bảo đảm tính thống nhất về mặt kỹ thuật giữa Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự và giữa Bộ luật Hình sự với các luật khác.

**II. NHỮNG NỘI DUNG MỚI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG PHẦN CHUNG CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015**

**1. Về Tội phạm (Chương III)**

***Chương III của Bộ luật Hình sự năm 2015 có 12 điều*** *(từ Điều 8 đến Điều 19)* quy định về chế định tội phạm, bao gồm: khái niệm tội phạm; phân loại tội phạm; cố ý phạm tội; vô ý phạm tội; tuổi chịu trách nhiệm hình sự; phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác; chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; đồng phạm; che giấu tội phạm; không tố giác tội phạm. ***So với Bộ luật Hình sự năm 1999, có 04 điều được giữ nguyên*** *(gồm: Điều 10. Cố ý phạm tội; Điều 11. Vô ý phạm tội; Điều 15. Phạm tội chưa đạt và Điều 16. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội);* ***01 điều được bổ sung mới là Điều 9 về phân loại tội phạm*** (được tách từ khoản 2 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999) ***và 07 điều được sửa đổi một cách căn bản***, với những nội dung cụ thể như sau:

***Điều 8. Khái niệm tội phạm***

Khoản 1 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự****hoặc pháp nhân thương mại****thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm****quyền con người****, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa****mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự****”*.

Về cơ bản, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã kế thừa khái niệm tội phạm quy định tại Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đồng thời có ***bổ sung hai nội dung liên quan đến chủ thể tội phạm và khách thể***mà tội phạm xâm hại, cụ thể: (1) cùng với việc bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại vào Bộ luật Hình sự thì trong khái niệm về tội phạm cũng đã ***bổ sung chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại***; (2) Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***xác định rõ một trong những khách thể mà tội phạm xâm hại là “quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân”***nhằm thể hiện tinh thần của Hiến pháp 2013 là đề cao và bảo vệ hơn nữa quyền con người, quyền công dân.

***Điều 9. Phân loại tội phạm***

Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về phân loại tội phạm được tách ra từ khoản 2 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và cơ bản vẫn giữ nguyên cách phân loại tội phạm dựa trên tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, theo đó, tội phạm được phân chia thành bốn loại:

1. tội phạm ít nghiêm trọng;
2. tội phạm nghiêm trọng;
3. tội phạm rất nghiêm trọng;
4. tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Việc phân loại tội phạm theo cách này giúp các nhà làm luật có thể thực hiện được nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự ngay trong luật và đây cũng chính là điều kiện để có thể cá thể hoá trách nhiệm hình sự trong luật và trong thực tiễn áp dụng, đồng thời, là cơ sở để áp dụng các biện pháp ngăn chặn, để tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và các thời hạn tố tụng cũng như quy định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng.  
Tuy nhiên, cần lưu ý là ***Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có sự khác biệt trong cách quy định về mức cao nhất của khung hình phạt đối với mỗi loại tội so với Bộ luật Hình sự năm 1999***. Cụ thể là, theo Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ít nghiêm trọng là đến 03 năm tù, tội nghiêm trọng là đến 07 năm tù và tội rất nghiêm trọng là đến 15 năm tù. Quy định này rất không rõ ràng vì chỉ quy định điểm cuối mà không quy định điểm bắt đầu để xác định mức cao nhất của khung hình phạt đối với mỗi loại tội, dẫn đến cách hiểu khác nhau, gây khó khăn cho việc xác định loại tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng hay rất nghiêm trọng. (Ví dụ, khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định mức phạt tù đến 05 năm tù; khoản 2 Điều 113 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định mức phạt tù đến 10 năm tù. Nếu theo cách quy định mức cao nhất của khung hình phạt như trên thì không rõ các trường hợp phạm tội này thuộc loại tội nào). Để góp phần khắc phục bất cập nêu trên, đồng thời tăng tính rõ ràng, minh bạch của Bộ luật, Điều 9 đã***quy định rõ điểm bắt đầu để xác định mức cao nhất của khung hình phạt***đối với mỗi loại tội, làm cơ sở để xác định loại tội phạm, theo đó:

- Tội ít nghiêm trọng là tội có mức cao nhất của khung hình phạt là phạt tiền hoặc phạt cải tạo không giam giữ mà không có hình phạt tù hoặc là phạt tù đến 03 năm;

- Tội nghiêm trọng là tội có mức cao nhất của khung hình phạt nằm trong khoảng từ trên 03 năm đến 07 năm tù;

- Tội rất nghiêm trọng là tội có mức cao nhất của khung hình phạt nằm trong khoảng từ trên 07 năm đến 15 năm tù;

- Tội đặc biệt nghiêm trọng là tội có mức cao nhất của khung hình phạt nằm trong khoảng từ trên 15 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân hoặc tử hình.  
 Quy định này phân định rõ ranh giới giữa các loại tội, đồng thời, phù hợp với cách quy định các khung hình phạt trong từng tội danh trong Bộ luật Hình sự.  
 Nhằm triển khai thống nhất các quy định của Bộ luật Hình sự 2015 về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***bổ sung khoản 2 Điều 9 Bộ luật Hình sự quy định phân loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại.*** Theo đó, tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện cũng được phân thành 04 loại, cũng dựa trên tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các khung hình phạt tương ứng tại 33 điều luật quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong phần các tội phạm cụ thể.

***Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự***

Căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của người dưới 18 tuổi, trên cơ sở quán triệt quan điểm nhân đạo hóa và tăng tính hướng thiện của chính sách hình sự đối với lứa tuổi này trên tinh thần vì lợi ích tốt nhất của các em, quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về ***tuổi chịu trách nhiệm hình sự đã được sửa đổi một cách cơ bản theo hướng thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi, đặc biệt là đối với lứa tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi***.

Điều luật này có hai điểm mới đáng chú ý:

***Thứ nhất*,** khoản 1 Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tiếp tục kế thừa quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về trách nhiệm hình sự của người từ đủ 16 tuổi trở lên, theo đó, *“Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm”*, đồng thời, đã ***bổ sung quy định loại trừ: “trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác” để loại trừ trường hợp điều luật quy định chủ thể đặc biệt***nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa quy định của phần chung và quy định trong phần các tội phạm cụ thể.

***Thứ hai*,** so với Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***thu hẹp đáng kể phạm vi trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, đồng thời chỉ rõ những tội danh mà các em phải chịu trách nhiệm hình sự.***Quy định này thể hiện chính sách hướng thiện đối với trẻ em theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em trên tinh thần bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên, đồng thời, góp phần nâng cao tính minh bạch của Bộ luật Hình sự, qua đó nâng cao tính giáo dục, phòng ngừa tội phạm đối với các em ở độ tuổi này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về 28 tội danh được nêu tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật.

***Điều 13. Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác***

Điều 13 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“Người phạm tội trong tình trạng* ***mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình****do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự”*.

Về cơ bản, quy định này vẫn kế thừa quy định tại Điều 14 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng có hai điểm mới cần chú ý:

***Một là*,** ***thay cụm từ “phạm tội trong tình trạng say”***rất chung chung trong Bộ luật Hình sự năm 1999 ***bằng các dấu hiệu cụ thể hơn***. Đó là *“phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”*.

***Hai là*,** ngoài trường hợp phạm tội do rượu hoặc chất kích thích mạnh khác như Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***bổ sung trường hợp phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi do “bia”*** - loại đồ uống có cồn mà khi sử dụng nó có thể dẫn đến làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội - thì người phạm tội cũng vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.  
Quy định này đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải trưng cầu giám định về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội để xác định vấn đề trách nhiệm hình sự của họ.

***Điều 14. Chuẩn bị phạm tội***

Về cơ bản, quy định tại khoản 1 Điều 14 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã kế thừa quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về chuẩn bị phạm tội, nhưng ***có ba điểm mới rất quan trọng***:

***Thứ nhất*,**Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***mở rộng nội hàm khái niệm “chuẩn bị phạm tội” bao gồm cả hành vi “thành lập, tham gia nhóm tội phạm”***, trừ một số trường hợp hành vi này đã cấu thành một tội phạm cụ thể quy định tại Điều 109 (tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân), điểm a khoản 2 Điều 113 (tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân) và điểm a khoản 2 Điều 299 (tội khủng bố) của Bộ luật Hình sự.

***Thứ hai*,**theo Bộ luật Hình sự năm 1999 thì phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối hành vi chuẩn bị phạm tội là khá rộng, bao gồm chuẩn bị phạm *bất cứ tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng nào*được quy định trong Bộ luật Hình sự. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***thu hẹp đáng kể phạm vi xử lý hình sự đối với người có hành vi chuẩn bị phạm tội***, ***theo đó, người có hành vi chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm 24 tội danh thuộc 04 nhóm tội phạm*** *(các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu và các tội xâm phạm an toàn công cộng)*[[4]](http://vks.haugiang.gov.vn/luat-to-chuc-vkstc-cac-dao-luat-tu-phap/nhung-noi-dung-sua-doi-lon-va-diem-moi-cua-bo-luat-hinh-su-nam-2015-74.html" \l "_ftn4" \o "). Đây là một điểm mới đáng chú ý của chế định chuẩn bị phạm tội trong Bộ luật. Việc quy định này giúp cho người dân hoặc những người không am hiểu sâu trong lĩnh vực pháp luật có thể biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt, từ đó, góp phần cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên cơ sở quy định này, lần đầu tiên, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định một khung hình phạt riêng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội ngay trong điều luật quy định về từng tội danh cụ thể.

***Thứ ba,*** Bộ luật Hình sự năm 2015 ***quy định về trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi đối với hành vi chuẩn bị phạm tội*** ***đối với một trong hai tội danh là tội giết người và tội cướp tài sản***.

***Điều 17. Đồng phạm***

Về cơ bản, Bộ luật Hình sự năm 2015 kế thừa hoàn toàn quy định về đồng phạm tại Điều 20 của Bộ luật Hình sự 1999, đồng thời, có ***bổ sung thêm một quy định mới “Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành”*** (khoản 4 Điều 17).

Theo khoa học Luật hình sự hiện nay, những người đồng phạm bao gồm: người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức và người thực hành. Trong đó, ***Người tổ chức*** là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Người tổ chức có thể có những hành vi như: khởi xướng việc tội phạm; vạch kế hoạch thực hiện tội phạm cũng như kế hoạch che giấu tội phạm; rủ rê, lôi kéo người khác cùng thực hiện tội phạm; phân công trách nhiệm cho những người đồng phạm khác để thống nhất thực hiện tội phạm; điều khiển hành động của những người đồng phạm; đôn đốc, thúc đẩy người đồng phạm khác thực hiện tội phạm; người giúp sức là người tạo điều kiện về vật chất hoặc tinh thần cho việc thực hiện tội phạm; người xúi giục là tác giả tinh thần của tội phạm; ***Người thực hành***, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, trong một vụ án đồng phạm, người tổ chức và người thực hành được coi là có vai trò quyết định dẫn đến hành vi phạm tội có thực hiện được hay không. Tuy nhiên, từ thực tiễn cho thấy, đôi khi người thực hành lại có hành vi vượt quá, không thực hiện đúng như những gì đã bàn với đồng phạm trước đó. Nếu buộc những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá này thì có nghĩa là buộc họ phải chịu trách nhiệm về những cái mà họ không biết, không có lỗi. Vì vậy, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định trong trường hợp này phải loại trừ trách nhiệm cho các đồng phạm để tránh việc quy tội khách quan.

***Điều 18. Che giấu tội phạm***

Quy định tại khoản 1 Điều 18 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã kế thừa toàn bộ nội dung quy định về che giấu tội phạm của Bộ luật Hình sự năm 1999.  
Điểm mới của điều luật này là đã ***bổ sung thêm khoản 2 quy định về việc loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự***. Điều đó có nghĩa là: ***Thứ nhất***, ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng mà che giấu tội phạm cho nhau thì về nguyên tắc không phải chịu trách nhiệm hình sự; chỉ trong trường hợp tội đã phạm là một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự thì những người này mới phải chịu trách nhiệm hình sự; ***Thứ hai***, trường hợp những người này che giấu tội phạm cho người khác thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự bình thường.  
Quy định này nhằm làm cho Bộ luật Hình sự phù hợp hơn với tâm lý và truyền thống đạo lý gia đình của người Việt Nam, theo đó, thông thường những người trong gia đình luôn có xu hướng che giấu, bao che cho hành vi sai phạm của những người ruột thịt, người vợ, người chồng của mình vì họ không muốn cho người thân của mình phải chịu cảnh tù giam cầm, tù tội.

***Điều 19. Không tố giác tội phạm***

Bên cạnh việc tiếp tục kế thừa quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về không tố giác tội phạm, Điều 19 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã ***bổ sung quy định về trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người bào chữa trong trường hợp không tố giác tội phạm***. Theo đó, khoản 3 Điều 19 quy định: “*Người không tố giác là người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa*”.

**2. Về Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự (Chương V)**

***Chương V gồm có 3 điều*** quy định về hai vấn đề: *Một là*, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (các điều 27, 28); *Hai là*, căn cứ miễn trách nhiệm hình sự (Điều 29).

Nhìn chung, Bộ luật Hình sự năm 2015 kế thừa toàn bộ quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điểm mới của chương này là ***mở rộng thêm trường hợp không áp dụng thời hiệu đối với một số tội*** (trong đó có tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ nếu thuộc trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng). Ngoài ra, Bộ luật còn ***quy định trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự theo hướng rõ ràng hơn, chặt chẽ hơn***, cụ thể:

So với Điều 25 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có những thay đổi như sau:

***Thứ nhất*,** ***tên điều luật được đổi thành "Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự"***. Việc đổi tên điều luật này nhằm phù hợp và phản ánh rõ nội dung của điều luật.

***Thứ hai*,**điều luật ***phân định rõ hai loại căn cứ miễn trách nhiệm hình sự***:

(1) căn cứ để đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 1 Điều 29);

(2) căn cứ để có thể được miễn trách nhiệm hình sự (các khoản 2, 3 Điều 29).

Cần lưu ý là theo khoản 1 Điều 25 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì trường hợp *"do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa"* là một trong những căn cứ để đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự, nhưng theo Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp này được chuyển thành căn cứ để có thể được miễn trách nhiệm hình sự (điểm a khoản 2 Điều 29), tức là trong trường hợp này, cơ quan tiến hành tố tụng phải cân nhắc, xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định miễn hay không miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo.

***Thứ ba*,** khoản 1 Điều 25 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định *“Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, nếu khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”*. Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã kế thừa quy định này nhưng thể hiện lại rõ hơn theo hướng ***cụ thể hóa khái niệm “do chuyển biến của tình hình” bằng khái niệm “do có sự thay đổi chính sách, pháp luật”***, theo đó, trong trường hợp vụ án đang trong quá trình điều tra, truy tố hoặc xét xử, nhưng do có sự thay đổi chính sách, pháp luật mà làm cho hành vi phạm tội đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa thì người phạm tội sẽ được miễn trách nhiệm hình sự.

Sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa có thể là: (1) Bộ luật Hình sự đã phi tội phạm hóa đối với hành vi đó; (2) Tuy hành vi phạm tội vẫn còn quy định trong Bộ luật Hình sự do chưa kịp sửa đổi, bổ sung nhưng pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực đó đã có sự thay đổi dẫn đến hành vi đó không còn bị nghiêm cấm nữa. Việc đưa ra xử lý người có hành vi phạm tội này sẽ không phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

***Thứ tư*,** Bộ luật đã ***bổ sung thêm 02 căn cứ để có thể được miễn trách nhiệm hình sự***, bao gồm:

- Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa (điểm b khoản 2 Điều 29);

- Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 3 Điều 29).

***Thứ năm*,** ***quy định chặt chẽ hơn căn cứ miễn trách nhiệm hình sự đối với trường hợp người phạm tội tự thú trước khi hành vi phạm tội bị phát giác***. Theo đó, người phạm tội không chỉ tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, mà còn phải là người đã lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt được Nhà nước và xã hội thừa nhận mới được xem xét miễn trách nhiệm hình sự (điểm c khoản 2 Điều 29).

**3. Về Các biện pháp tư pháp (Chương VII)**

***Chương VII. Các biện pháp tư pháp gồm có 04 điều***(từ Điều 46 đến Điều 49) quy định về các biện pháp tư pháp. Điểm mới cơ bản nhất của chương này là việc bổ sung các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Còn các nội dung khác cơ bản vẫn giữ như quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 (ví dụ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015). Cụ thể như sau:  
***Điều 47. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm***

          Về cơ bản, nội dung điều luật này vẫn kế thừa nhiều quy định tại Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chỉ có vài sửa đổi nhỏ về nội dung và kỹ thuật nhằm thể hiện chính xác, cụ thể và khoa học hơn như sau:

***Thứ nhất,****về nội dung*: ***Bổ sung 02 đối tượng vật, tiền liên quan đến tội phạm sẽ bị tịch thu*** sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy, đó là: (i) *khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội* và (ii) *vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ*để đảm bảo sự đầy đủ, chính xác cũng như đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn áp dụng pháp luật. Đồng thời, bên cạnh hình thức xử lý đối với vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm là "tịch thu sung vào ngân sách nhà nước" như quy định tại Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 47 cũng đã bổ sung thêm hình thức xử lý nữa, đó là *"tịch thu tiêu hủy"* tại khoản 1 để đảm bảo sự đầy đủ, chính xác và bao quát thực tiễn xử lý vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.  
***Thứ hai,****về kỹ thuật*: Khoản 1 Điều 47 đã ***thay cụm từ "sung quỹ nhà nước" bằng cụm từ "sung vào ngân sách nhà nước"***để đảm bảo sự chính xác trong cách sử dụng thuật ngữ. Đồng thời tại khoản 3 Điều 47 đã bỏ cụm từ "sung quỹ nhà nước" để đảm bảo sự linh hoạt trong xử lý vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm bị tịch thu (có thể bị sung vào ngân sách nhà nước hoặc có thể bị tiêu hủy, tùy thuộc vào đặc điểm, tính chất của từng loại vật, tiền).

**4. Về Quyết định hình phạt (Chương VIII)**

***Chương VIII Quyết định hình phạt gồm 10 điều, được thiết kế thành hai mục***:

(1) Quy định chung về Quyết định hình phạt, gồm 04 điều *(từ Điều 50 đến Điều 53);*

(2) Quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể, gồm 06 Điều *(từ Điều 54 đến Điều 59)*.

***So với Bộ luật Hình sự năm 1999 thì số lượng các điều luật trong chương này không thay đổi, chỉ được sắp xếp, thiết kế lại thành hai mục rõ ràng hơn.***

          Thực tiễn xét xử cũng như quan điểm hướng thiện, bảo vệ quyền con người, bảo vệ những người yếu thế trong xã hội bằng pháp luật hình sự đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung thêm các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mở rộng phạm vi áp dụng đối với các trường hợp quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Mặt khác các vướng mắc trong áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng đòi hỏi phải sửa đổi theo hướng minh bạch, rõ ràng để vừa tháo gỡ vướng mắc vừa thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật.

***Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,*** so với Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, thì Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 có một số sửa đổi, bổ sung như sau:

***Thứ nhất,*** ***bổ sung các tình tiết giảm nhẹ*** trách nhiệm hình sự sau đây:

- Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (điểm đ);

          - Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra (điểm l);

          - Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng (điểm p);  
          - Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ (điểm x).

***Thứ hai,*** ***sửa đổi tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q*** ***khoản 1***Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo hướng tạo thêm cơ hội hơn cho người phạm tội được áp dụng tình tiết giảm nhẹ. Theo đó, tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm" tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi thành *"người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án"* tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Thứ ba,*** một số tình tiết giảm nhẹ được quy định ghép trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã gây tranh cãi và không thống nhất về nhận thức là một hay nhiều tình tiết giảm nhẹ. Để góp phần khắc phục bất cập này, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có gắng ***tách riêng từng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quy định thành những điểm khác nhau***; đối với một số ít các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định chung trong cùng một điểm thì Bộ luật đã sử dụng từ “hoặc” thay cho dấu phẩy (,) trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để phân biệt. Ví dụ: điểm a khoản 1 Điều 51 (*người phạm tội đã ngăn chặn hoặc giảm bớt tác hại của tội phạm)* hoặc điểm b khoản 1 Điều 51 *(người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả)*.  
***Thứ tư,*** khoản 2 Điều 51 ***bổ sung thêm tình tiết "đầu thú"***, theo đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, những phải ghi rõ lý do trong bản án. Việc bổ sung quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, khuyến khích những người phạm tội đang trốn tránh ra đầu thú để được hưởng khoan hồng và giúp Nhà nước tiết kiệm chi phí phục vụ cho việc điều tra, truy nã và sớm kết thúc vụ án.  
***Về Điều 52. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự,***so với Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có một số sửa đổi, bổ sung như sau:

***Thứ nhất*,** ***sửa cụm từ ‘phạm tội đối với trẻ em’*** ***thành ‘phạm tội đối với người dưới 16 tuổi’***; sửa ***‘người già’ thành ‘người đủ 70 tuổi trở lên’*** (điểm i).  
***Thứ hai*, *bỏ các tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng*** vì đây là các tình tiết định tội, định khung hình phạt mang tính chất định tính và trừu tượng. Các tình tiết này đã được lượng hóa cụ thể trong các tội phạm và khi đã là tình tiết định tội, định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng nữa.

***Thứ ba,*** ***bổ sung đối tượng bị xâm hại là "người khuyết tật hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức"*** vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó, người phạm tội nếu phạm tội đối với người khuyết tật hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức sẽ bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

***Thứ tư*,** ***bỏ tình tiết xâm phạm tài sản của Nhà nước***. Tuy nhiên, trong Phần thứ hai “Các tội phạm” tình tiết này vẫn là tình tiết định tội, định khung hình phạt của một số tội. Ví dụ, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015).  
***Thứ năm*,** một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định ghép trong một điểm của khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được tách ra và quy định thành các điểm riêng trong khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ví dụ như các tình tiết: Phạm tội 02 lần trở lên *(điểm g)*; tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm *(điểm h)*; dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội *(điểm m)*; dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội *(điểm n)*.

***Thứ sáu*,** sửa tình tiết: “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” thành “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” *(điểm o)*.

***Chú ý***: ***Khác với các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án không được coi các tình tiết khác là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự***. Ví dụ: Bị cáo quanh co, chối tội, không chịu nhận tội, không thành khẩn khai nhận tội, không ăn năn, hối cải hoặc không khai báo. Tòa án không được coi đó là thái độ “ngoan cố” để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

          Về cơ bản, nội dung của các tình tiết giảm nhẹ hoặc các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đã được hướng dẫn tại điểm c Mục 5 hoặc Mục 6 của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối với các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại các điểm đ, l, p, x của khoản 1 Điều 51 hoặc điểm k của khoản 1 Điều 52 thì các Thẩm phán cần nghiên cứu thêm Luật người cao tuổi, Luật Người khuyết tật để hiểu sâu hơn về các quy định mới này.

          Tóm lại, các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt. Áp dụng thừa, thiếu, không đúng nội dung của các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ sẽ dẫn đến quyết định hình phạt không chính xác và sẽ đặt bản án vào nguy cơ bị sửa, thậm chí bị hủy nếu việc áp dụng các tình tiết này tùy tiện, không có căn cứ.

***Điều 54. Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng***có một số sửa đổi, bổ sung như sau:

***Thứ nhất*,** nội dung quy định tại khoản 1 điều này cơ bản kế thừa Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng có ***chỉnh sửa về mặt kỹ thuật*** cho rõ hơn theo hướng: *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật này”*.

***Thứ hai*,** ***bổ sung mới khoản 2 của điều luật quy định về trường hợp Tòa án quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất*** ***của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung liên kề***, theo đó, *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể”*. Đây là một quy định rất mới nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn xét xử của Tòa án đối với những trường hợp người phạm tội lần đầu là người giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án đồng phạm, nhưng bị truy tố và xét xử ở khung hình phạt nặng cùng với các đồng phạm khác. Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, thì dù có xem xét, khoan hồng tối đa, Tòa án cũng chỉ được phép áp dụng hình phạt trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khung hình phạt được áp dụng và hình phạt đó vẫn là quá nghiêm khắc.

          Tuy nhiên, khi áp dụng khoản 2 của điều luật này cần lưu ý là người được áp dụng cũng phải thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 của điều luật tức là họ cũng phải có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Thứ ba,*** khoản 3 Điều này được thiết kế trên tinh thần tách quy định tại đoạn cuối Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 về việc Tòa án quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang loại hình phạt khác nhẹ hơn, nhưng cụ thể và rõ ràng hơn: *“Trong trường hợp có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, nhưng điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án”*.

**5. Về Xóa án tích (Chương X)**

Xóa án tích được quy định tại ***Chương X của Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm 5 điều*** luật *(từ Điều 69 đến Điều 73)*quy định các vấn đề liên quan đến xoá án tích, các trường hợp không bị coi là có án tích. So với Bộ luật Hình sự 1999, về cơ cấu, số lượng và tên các điều luật không có gì thay đổi. Trong chương này có 04 điều *(Điều 69. Xoá án tích; Điều 70. Đương nhiên được xoá án tích; Điều 71. Xoá án tích theo quyết định của Toà ánvà Điều 73. Cách tính thời hạn để xoá án tích)*được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở các điều tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999 và có 01 điều *(Điều 72. Xoá án tích trong trường hợp đặc biệt)* được giữ nguyên như quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999.  
***Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi cơ bản chế định xóa án tích cho người bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng, ổn định để làm ăn, sinh sống***. Nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào các vấn đề sau đây:

(1) Quy định rõ những trường hợp người bị kết án không bị coi là có án tích;

(2) Rút ngắn thời hạn để được xóa án tích;

(3) Xác định thời điểm để tính thời hạn xóa án tích sớm hơn so với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999;

(4) Bỏ quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận xoá án tích đối với người được đương nhiên xoá án tích, đồng thời, giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp Phiếu lý lịch tư pháp xác nhận "không có án tích”, nếu họ có đủ điều kiện do luật định;

(5) Bổ sung quy định về xóa án tích trong trường hợp phạm nhiều tội. Cụ thể:

***Điều 71. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án***

          Điều này quy định về điều kiện xoá án tích đối với người bị kết án về các tội quy định tại Chương XIII (các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và Chương XXIV (các tội phá hoạt hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh).  
          Cũng tương tự như quy định về đương nhiên xóa án tích, những nội dung mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 về xóa án tích theo quyết định của Tòa án tập trung vào ba vấn đề sau:

***Thứ nhất,******bổ sung cách tính thời hạn xóa án tích****đối với người bị kết án phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ , phạt tù có thời hạn nhưng hưởng án treo* nhằm khắc phục hạn chế của Bộ luật Hình sự năm 1999 là chưa quy định trường hợp này (điểm a khoản 2 Điều 71).

***Thứ hai, rút ngắn thời hạn để Toà án xem xét, quyết định xóa án tích*** từ các mức 3 năm, 07 năm và 10 năm giảm xuống với các mức tương ứng là 03 năm, 05 năm và 7 năm. Theo quy định tại Điều 71 thì trong thời hạn sau đây, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo mà người bị kết án chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới:

- 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;- 03 năm trong trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

- 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

- 07 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

***Thứ ba, xác định rõ thời điểm để tính thời hạn xóa án tích*** là kể từ thời điểm chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo.

**6. Về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Chương XII)**

Theo Bộ luật Hình sự năm 2015, chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại ***Chương XII gồm 18 điều luật*** *(từ Điều 90 đến Điều 107) và* chia thành 05 mục:

- Mục 1. Quy định chung về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, gồm 02 điều quy định về áp dụng Bộ luật Hình sự và các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội;

- Mục 2. Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, gồm 04 điều quy định về điều kiện áp dụng, nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục;

- Mục 3. Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, gồm 02 điều quy định về điều kiện áp dụng, nghĩa vụ của người chấp hành án và việc chấm dứt trước thời hạn giáo dục tại trường giáo dưỡng;

- Mục 4. Hình phạt, gồm 04 điều quy định về các hình phạt, điều kiện áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội;

-Mục 5. Quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích, gồm 06 điều quy định về cách thức tổng hợp hình phạt, mức hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, phạm nhiều tội hay tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; giảm mức hình phạt đã tuyên; điều kiện áp dụng chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện và vấn đề xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi.

So với Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Chương XII của Bộ luật Hình sự năm 2015 có những nội dung sửa đổi, bổ sung mới sau đây:

***Một là, về thuật ngữ***, Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sử dụng thuật ngữ “người chưa thành niên” để chỉ đối tượng là người dưới 18 tuổi, thuật ngữ “trẻ em” để chỉ đối tượng là người dưới 16 tuổi, đồng thời, có sự phân hoá trong chính sách xử lý đối với trẻ em và người chưa thành niên là người phạm tội cũng như quy định xử lý nặng hơn khi đối tượng bị xâm hại là trẻ em, người chưa thành niên trong một số cấu thành tội phạm cụ thể (ví dụ: tội giết người, tội mua bán trẻ em, ....). Tuy nhiên, ***Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sử dụng thuật ngữ “người dưới 18 tuổi” thay cho thuật ngữ “người chưa thành niên” và “người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi” thay cho thuật ngữ “trẻ em”***,...

***Hai là, về nội dung***, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự đối với người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi) phạm tội nhằm bảo đảm sự phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về tăng cường bảo vệ người chưa thành niên, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội được ghi nhận tại các Nghị quyết số 48/NQ-TW và số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em và các chuẩn mực pháp lý quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên.

Nội dung sửa đổi, bổ sung về chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội tập trung vào các vấn đề sau đây:

(1) Tiếp tục hoàn thiện quy định về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội;

(2) Bổ sung các biện pháp giám sát, giáo dục trong trường hợp người dưới 18 tuổi được miễn trách nhiệm hình sự;

(3) Hoàn thiện hệ thống chế tài đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng tăng cường khả năng áp dụng các chế tài không tước tự do;

(4) Bổ sung các chế định pháp lý về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt, miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại;

(5) Hoàn thiện quy định về xoá án tích đối với người chưa thành niên bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các em tái hoà nhập cộng đồng. Cụ thể:

***a)Về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 91)***  
Điều luật này sửa đổi, bổ sung Điều 69 Bộ luật Hình sự 1999 theo hướng ghi nhận đầy đủ hơn một số nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội đã được quy định tại Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan vừa bảo đảm tăng cường hiệu quả giáo dục, phục hồi đối với người chưa thành niên phạm tội, vừa thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các cam kết quốc tế bảo vệ, giáo dục trẻ em nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng, là một nỗ lực tiếp theo trong việc làm hài hòa hệ thống pháp luật quốc gia với Công ước Quyền trẻ em.  
Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều này tập trung vào 03 vấn đề sau đây:

***Thứ nhất,******bổ sung nguyên tắc “Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội*** ***phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi”*** (khoản 1 Điều 91). Đây là nguyên tắc định hướng cho cán bộ tiến hành tố tụng khi quyết định lựa chọn biện pháp xử lý cụ thể đối với người chưa thành niên, nhằm tìm ra biện pháp phù hợp nhất đối với các em. Nội dung của nguyên tắc này là đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân, khi tiến hành một hoạt động liên quan đến việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cần bảo đảm rằng quyết định đó là tốt nhất cho trẻ em trong mối quan hệ hài hòa với các lợi ích khác cũng như bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

***Thứ hai,*** trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên, khoản 2 Điều 91 của ***Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người dưới 18 tuổi phạm tộithuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả*** ***thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục***:

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ trường hợp quy định tại các điều: Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật này;

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật tức là phạm tội rất nghiêm trọng thuộc một trong 28 tội danh mà Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định đối tượng này phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại các điều: Điều 123 (tội giết người); Điều 134, các khoản 4, 5 và khoản 6 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi); Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy);

- Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án.

Như vậy, so với Bộ luật Hình sự 1999, khoản 2 Điều 91 Bộ luật Hình sự 2015 đã ***mở rộng đối tượng được miễn trách nhiệm hình sự đối với cả người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi***, quy định cụ thể điều kiện miễn trách nhiệm hình sự, đồng thời bổ sung quy định về việc áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục đối với các em được miễn trách nhiệm hình sự nhằm bảo đảm tính khả thi cũng như hiệu quả áp dụng của chế định pháp lý này.

***Một số điểm cần lưu ý khi miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 91***:

*Một là,* việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục có thể được áp dụng ở bất kỳ thời điểm nào của quá trình tố tụng đối với vụ án, bất kể ở giai đoạn điều tra, truy tố, hay xét xử và do cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ việc có thẩm quyền áp dụng. Để bảo đảm lợi ích tốt nhất đối với người chưa thành niên, sớm đưa các em ra khỏi vòng tố tụng, cần xem xét, áp dụng miễn trách nhiệm hình sự càng sớm càng tốt.

*Hai là,* quy định này không loại trừ việc người dưới 18 tuổi được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi họ có đủ điều kiện quy định tại Điều này. Một điểm khác biệt giữa hai chế định miễn trách nhiệm hình sự này là miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 29 đồng nghĩa với việc trả tự do hoàn toàn cho người được miễn trách nhiệm hình sự, trong khi đó, người được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 91 sẽ phải chịu sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức trong một thời hạn nhất định tuỳ từng trường hợp cụ thể. Do đó, chỉ miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Thứ ba,****khoản 4 và khoản 5 Điều 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng tiếp cận phù hợp hơn trong chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội*.

Công ước Quyền trẻ em khẳng định nguyên tắc: *“Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em… phải là biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất”*. Như vậy, cách tiếp cận của Công ước trong việc áp dụng chế tài đối với người chưa thành niên là ưu tiên áp dụng các biện pháp không giam giữ. Các biện pháp mang tính giam giữ và hình phạt tù chỉ được áp dụng khi không còn cách nào khác. Tuy nhiên, theo cách quy định tại khoản 4 Điều 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999 *"Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Toà án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này"* thì lại thể hiện theo hướng ngược lại, nghĩa là trước tiên Toà án phải cân nhắc việc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, chỉ trong trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt thì mới áp dụng biện pháp tư pháp - với tính chất là những biện pháp thay thế hình phạt, nhân đạo hơn đối với người bị kết án.

Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Hình sự 2015 đã thể hiện lại nguyên tắc này theo hướng phù hợp hơn với tinh thần của Công ước về Quyền trẻ em, theo đó, khi xét xử người dưới 18 tuổi, Tòa án trước hết phải cân nhắc khả năng áp dụng việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục hoặc khả năng áp dụngbiện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với các em và chỉ khi xét thấy việc áp dụng các biện pháp này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa thì mới áp dụng hình phạt đối với các em. Đồng thời, khoản 6 của điều này cũng quy định rõ Toà án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa và với thời hạn thích hợp ngắn nhất (khoản 6 Điều 91).

***b) Về các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự***

Khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự 1999 quy định việc miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên trong trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng mà gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục. Tuy nhiên, chế định này cũng bộc lộ nhiều bất cập, ví dụ: thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục cũng như vai trò của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại cộng đồng, các biện pháp hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng còn nhiều hạn chế. Hơn nữa, trên thực tế việc miễn trách nhiệm hình sự đồng nghĩa với việc trả tự do vô điều kiện mà không áp dụng bất kỳ các biện pháp giáo dục, phòng ngừa nào, điều này dẫn đến một thực tế là người chưa thành niên có thể tiếp tục tái phạm. Đây là lý do hạn chế việc áp dụng chế định này trong thực tiễn.

Để góp phần khắc phục những bất cập này, đồng thời thực hiện chủ trương nhân đạo hóa, tăng tính hướng thiện trong chính sách xử lý hình sự, nhất là đối với đối tượng cần bảo vệ đặc biệt là người chưa thành niên theo hướng sớm đưa các em ra khỏi vòng tố tụng khi có điều kiện để tránh những tác động tiêu cực không cần thiết, *Bộ luật Hình sự năm 2015, đã bổ sung một mục (Mục 2) với 04 điều quy định về 03 biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp các em được miễn trách nhiệm hình sự* theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Hình sự, trong đó có *02 biện pháp hoàn toàn mới là khiển trách và hòa giải tại cộng đồng*, còn 01 biện pháp là giáo dục tại xã, phường thị trấn được chuyển từ biện pháp tư pháp (theo Bộ luật Hình sự năm 1999) thành một trong những biện pháp giám sát, giáo dục khi được miễn trách nhiệm hình nhằm tăng khả năng áp dụng các biện pháp có lợi hơn cho người chưa thành niên trong thực tiễn. Đây là các biện pháp mang tính giáo dục - phòng ngừa xã hội được áp dụng nhằm mục đích chính là giúp cho các em nhận rõ được lỗi lầm, có thái độ ăn năn hối cải, khắc phục sai phạm. Cụ thể như sau:

***Về Điều 93. Khiển trách***

Khiển trách là một trong ba biện pháp giám sát, giáo dục có thể được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi được miễn trách nhiệm hình sự nhằm giúp họ nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ để sửa chữa lỗi lầm, khắc phục hậu quả và cải tạo để trở thành người có ích. Điều 93 quy định việc áp dụng biện pháp khiển trách như sau:

*Thứ nhất, về đối tượng áp dụng*: Khiển trách chỉ áp dụng đối với: (1) người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự; (2) người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

*Thứ hai, về thẩm quyền, thủ tục áp dụng*: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án có thẩm quyền quyết định áp dụng và thực hiện việc khiển trách. Việc khiển trách đối với người phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người phạm tội.

*Thứ ba, về nghĩa vụ của người bị khiển trách*: Để tăng cường hiệu quả phòng ngừa tái phạm, khoản 3 Điều 93 quy định cụ thể các nghĩa vụ mà người bị khiển trách phải thực hiện như tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham giá các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp. Thời gian thực hiện các nghĩa vụ này từ 3 tháng đến 01 năm tuỳ từng trường hợp cụ thể.

***Về Điều 94. Hoà giải tại cộng đồng***

Điều 94 quy định về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng cũng như nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng.  
*Thứ nhất, về đối tượng áp dụng*: Hòa giải chỉ áp dụng đối với: (1) người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng  hoặc tội nghiêm trọng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự; (2) người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

*Thứ hai, về thẩm quyền, thủ tục áp dụng*: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án có thẩm quyền quyết định áp dụng và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hòa giải tại cộng đồng khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

*Thứ ba, về nghĩa vụ của người dược áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng*: Người dược áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau: xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại; tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham giá các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp. Cơ quan có thẩm quyền ấn định thời điểm xin lỗi và thời gian thực hiện các nghĩa vụ này từ 3 tháng đến 01 năm tuỳ từng trường hợp cụ thể.

***Về Điều 95. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn***

Điều 95 quy định điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng và nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.  
*Thứ nhất, về đối tượng áp dụng*: Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với: (1) người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự; (2) người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

*Thứ hai, về thẩm quyền, thủ tục áp dụng*: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn từ 01 năm đến 02 năm và giao người được miễn trách nhiệm hình sự cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc giám sát, giáo dục.

*Thứ ba, về nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn*: Người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải thực hiện các nghĩa vụ: chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động; chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn; không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép; tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp.

*Thứ tư, về việc chấm dứt thời hạn giám sát, giáo dục*: Để khuyến khích người được giám sát, giáo dục cải tạo tốt, khoản 3 Điều 95 của Bộ luật Hình sự quy định trường hợp người được giáo dục đã chấp hành một phần hai thời hạn, có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục, cơ quan đã áp dụng biện pháp này có thể quyết định chấm dứt thời hạn giám sát, giáo dục.

***c) Về biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng***

Mục 3 gồm 2 điều (Điều 96 và Điều 97) quy định về áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và việc chấm dứt trước thời hạn biện pháp này. Điểm mới về biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội là theo Bộ luật Hình sự năm 2015 thì chỉ còn 01 biện pháp tư pháp, đồng thời tên biện pháp tư pháp này được đổi từ ”đưa vào trường giáo dưỡng” thành ”giáo dục tại trường giáo dưỡng” cho phù hợp hơn.

Về bản chất của biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, điều kiện áp dụng, thủ tục áp dụng, hậu quả pháp lý cũng như việc chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cơ bản được giữ nguyên như quy định của Bộ luật Hình sự 1999 về biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

***d) Về hệ thống hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội***

Mục 4 gồm 04 điều *(từ Điều 98 đến Điều 101)* quy định về các hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Về cơ bản các quy định này của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có gì thay đổi so với quy định của Bộ luật Hình sự 1999.

          Riêng hình phạt cải tạo không giam giữ (Điều 100) đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể hóa và mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt này đối với cả trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý, phạm tội nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng và trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nhằm tăng cường khả năng áp dụng chế tài không tước tự do đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

**e*) Về việc quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xóa án tích***

          Nội dung sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt và xóa án tích tập trung vào các điều khoản sau đây:

***Điều 107. Xóa án tích***

Xóa án tích đối với người chưa thành niên bị kết án theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 bao gồm hai hình thức như đối với người đã thành niên. Đó là đương nhiên được xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án. So với người đã thành niên phạm tội thì các quy định này chỉ có một điểm khác là ***thời hạn đương nhiên xóa án tích đối với người chưa thành niên thấp hơn so với người đã thành niên***.

Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng liên quan đến quy định về xoá án tích đối với người chưa thành niên:

*Thứ nhất,* quy định rõ 03 trường hợp người chưa thành niên bị kết án được coi là không có án tích (khoản 1):

(1) người bị kết án là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;

(2) người bị kết án là người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý;

(3) người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

*Thứ hai,* quy định người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chỉ áp dụng hình thức đương nhiên xoá án tích (khoản 2).

*Thứ ba,* quy định rõ điều kiện để người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi được đương nhiên xoá án tích là không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới (khoản 2):

- 06 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

- 01 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

- 02 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;  
- 03 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm./.

**PHẦN II**

**GIÓI THIỆU MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ**

**CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015**

**CHUYÊN ĐỀ**

**NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU VÀ CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ**

**I. NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU**

**1. Những điểm mới sửa đổi, bổ sung cơ bản của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm sở hữu**

Các tội xâm phạm sở hữu thuộc Chương XVI của BLHS năm 2015, gồm có 13 điều (*từ Điều 168 đến Điều 180*). So với BLHS năm 1999, Chương XVI của BLHS năm 2015 không tăng, giảm số điều luật nhưng có nhiều điểm được sửa đổi, bổ sung cơ bản như sau:

***Thứ nhất,*** để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và yêu cầu thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng đối với nhiệm vụ cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, và thể chế hóa được những quan điểm mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế hóa trong Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2002, cụ thể là các chủ trương về hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

***Thứ hai,*** sửa đổi, bổ sung nhằm góp phần khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng công cụ sắc bén đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, như: cụ thể hóa các dấu hiệu gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng quy định trong BLHS 1999 theo hướng quy định cụ thể mức thiệt hại về sức khỏe, mức độ ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc mức trị giá tài sản bị xâm hại; bổ sung thêm đối tượng tài sản bị xâm hại là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là di vật, cổ vật có giá trị dưới mức định lượng thì vẫn bị xử lý hình sự; bổ sung tình tiết định khung tăng nặng đối với một số tội danh; quy định cụ thể tội phạm đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội ở một số tội danh.

Ngoài ra, Chương này còn sửa đổi, bổ sung cấu thành tội phạm của một số tội để phù hợp với tình hình mới như tội sử dụng trái phép tài sản; tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản. Đồng thời, điều chỉnh mức hình phạt cho phù hợp với tính chất tội phạm và tình hình thực tiễn đấu tranh phòng, chống một số tội phạm.

**2. Những điểm mới sửa đổi, bổ sung cụ thể trong các điều luật**

***Điều 168.******Tội cướp tài sản***

- Về cấu thành tội phạm

Điều luật đã thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ ***“tổn thương cơ thể”***; cụ thể hóa tình tiết định khung “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các tình tiết ***“Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ”, “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”***; bỏ các tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” ở khoản 3, khoản 4 của điều luật; bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng mới là ***“Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”*** ở khoản 3, ***“gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên”, “Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp”*** ở khoản 4; Bổ sung trường hợp chuẩn bị phạm tội ở khoản 5 là ***“Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”***.

- Về hình phạt: Điều luật giữ nguyên hình phạt chính ở các khoản 1, 2, 3 và hình phạt bổ sung ở khoản 6; bỏ hình phạt tử hình ở khoản 4.

Về việc bỏ hình phạt tử hình đối với tội cướp tài sản, trong quá trình xây dựng dự án BLHS (sửa đổi), có quan điểm cho rằng, tội cướp tài sản là một trong ba tội phạm nghiêm trọng nhất của Chương các tội phạm xâm phạm sở hữu. Do đó, đề nghị giữ nguyên hình phạt tử hình đối với tội này. Tuy nhiên, việc bỏ hình phạt tử hình đối với tội danh này được đề xuất trên cơ sở xem xét về bản chất của tội phạm.

Theo dấu hiệu khách quan của cấu thành tội phạm thì hành vi cướp tài sản là hành vi dùng vũ lực hoặc bằng các hành động khác tấn công nạn nhân làm cho nạn nhân không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, khi thực hiện tội phạm, người phạm tội có thể gây ra các hậu quả khác như thiệt hại tính mạng, sức khỏe cho nạn nhân.Tuy nhiên, xét về bản chất của tội phạm thì đây là tội xâm phạm quyền sở hữu của người khác, đối tượng chính bị xâm hại ở đây là tài sản. Mục đích thực hiện hành vi của người phạm tội là chiếm đoạt tài sản. Do đó, việc gây thương tích hoặc làm chết người khi thực hiện hành vi cướp không nằm trong ý định chủ quan của người phạm tội. Hơn nữa, không phải mọi trường hợp phạm tội cướp tài sản đều gây chết người, do vậy, việc áp dụng hình phạt tù chung thân đối với tội phạm này là đủ nghiêm khắc. Trong trường hợp người phạm tội có ý định tước đoạt sinh mạng của nạn nhân thì có thể xử lý về tội giết người với khung hình phạt cao nhất là tử hình. Do đó, BLHS năm 2015 đã bỏ hình phạt tử hình áp dụng đối với tội này.

***Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản***

- Điều luật đã thay cụm từ “thương tật”, “sử dụng vũ khí” bằng cụm từ ***“tổn thương cơ thể” “dùng vũ khí”*** cho chính xác, phù hợp với thực tiễn và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng :

+ Các tình tiết “Đối với trẻ em”, “Đối với nhiều người” bằng các tình tiết *“Đối với người dưới 16 tuổi”, “Đối với 02 người trở lên”*;

+ Tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng tình tiết *“Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”* ở khoản 2;

+ Bỏ tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng” ở khoản 3;

- Bổ sung tình tiết *“*Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe *hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi* của nạn nhân mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* 61% trở lên*”* ở khoản 4.

- Bổ sung khoản 5 quy định xử lý đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, theo đó, *“Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”*.

***Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản***

Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*** và bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ***“Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ”*** ở khoản 2; cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”*** ở khoản 3; tình tiết “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp”*** ở khoản 4.

***Điều 171. Tội cướp giật tài sản***

Điều luật đã thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ ***“tổn thương cơ thể”*** cho chính xác, phù hợp với thực tiễn và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*** và bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ***“Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ”*** ở khoản 2; cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”*** ở khoản 3; cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp”*** và bổ sung tình tiết “G***ây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên”*** ở khoản 4.

***Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản***

- Về cấu thành tội phạm

Điều luật đã cụ thể hóa và làm rõ các tình tiết định tội “gây hậu quả nghiêm trọng” ở khoản 1 Điều 137 của BLHS năm 1999 bằng “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*, cụ thể hóa tình tiết “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản” bằng “Đã bị kết án *về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này”* và bổ sung trong cấu thành cơ bản đối tượng *tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”* mặc dù có giá trị dưới 2.000.000 đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự theo khoản 1 nếu đáp ứng các điều kiện khác trong cấu thành tội phạm.

- Cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng:

+ Tại khoản 2: Cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản là hàng cứu trợ”*;

+ Tại khoản 3: Cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng tình tiết *“Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”*;

+ Tại khoản 4: Cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết *“Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp”*.

- Về hình phạt: Điều luật đã bổ sung hình phạt “*cải tạo không giam giữ đến 03 năm”* ở khoản 1; bỏ hình phạt *“tù chung thân”* ở khoản 4; tăng mức hình phạt tiền bổ sung lên *10.000.000 đồng* (theo Điều 137 của BLHS năm 1999 là 5.000.000 đồng).

***Điều 173. Tội trộm cắp tài sản***

- Về cấu thành tội phạm

Điều luật đã cụ thể hóa và làm rõ các tình tiết định tội “gây hậu quả nghiêm trọng” ở khoản 1 của Điều 138 BLHS năm 1999 bằng “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*, cụ thể hóa tình tiết “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản” bằng “Đã bị kết án *về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này,* chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”* và bổ sung trong cấu thành cơ bản đối tượng *tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là di vật, cổ vật* mặc dù có giá trị dưới 2.000.000 đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự theo khoản 1 nếu đáp ứng các điều kiện khác trong cấu thành tội phạm.

- Cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng:

+ Tại khoản 2: Cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng tình tiết “*Tài sản là bảo vật quốc gia”.*

+ Tại khoản 3: Cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng “*Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”*;

+ Tại khoản 4: Cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết “*Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp”*.

- Về hình phạt: Điều luật đã *bỏ hình phạt tù chung thân ở khoản 4.*

***Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản***

- Khoản 1 Điều luật đã cụ thể hóa và làm rõ các tình tiết định tội “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*, cụ thể hóa tình tiết “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản” bằng “Đã bị kết án *về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này”* và bổ sung trong cấu thành cơ bản đối tượng *tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ* mặc dù có giá trị dưới 2.000.000 đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự theo khoản 1 nếu đáp ứng các điều kiện khác trong cấu thành tội phạm.

- Điều luật đã cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng:

+ Bỏ tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng” ở khoản 2;

+ “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”*** ở khoản 3;

+ “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết ***“Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp”*** ở khoản 4.

***Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***

- Về cấu thành tội phạm:

+ Khoản 1 Điều luật đã thay từ “có” bằng cụm từ *“thực hiện”*; bỏ “gây hậu quả nghiêm trọng”, cụ thể hóa tình tiết “đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản” bằng “đã bị kết án về *tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này”* và bổ sung trong cấu thành cơ bản đối tượng *tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ* mặc dù có giá trị dưới 4.000.000 đồng vẫn có thể bị xử lý hình sự theo khoản 1 nếu đáp ứng các điều kiện khác trong cấu thành tội phạm.

+ Để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, điểm a khoản 1 Điều luật đã bổ sung tình tiết “*hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả”.* Như vậy, đối với các trường hợp thực hiện hành vi vay, mượn, thuê tài sản của người khác và đến thời hạn phải trả lại tài sản, mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng chây ỳ cố tình không trả thì là chiếm đoạt tài sản và đối tượng có thể bị xử lý hình sự ngay mà không cần phải chứng minh tình tiết “bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản” như quy định của BLHS năm 1999.

+ Điều luật đã bỏ các tình tiết định khung “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” ở các khoản 2, 4 Điều 140 của BLHS năm 1999; bổ sung tình tiết định khung “*Có tính chất chuyên nghiệp”* ở khoản 2, đồng thời, cụ thể hóa tình tiết “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng tình tiết “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”*.

- Về hình phạt: Điều luật đã nâng mức tối thiểu của hình phạt tù ở khoản 1 lên thành 06 tháng (hiện hành là 03 tháng); giảm mức tối thiếu và tối đa của hình phạt tù ở khoản 2 còn là “*05 năm đến 12 năm”* (hiện hành 07 năm đến 15 năm) ở khoản 3; bỏ hình phạt tù chung thân ở khoản 4.

### *Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản*

- Về cấu thành tội phạm

Để phù hợp với thực tiễn áp dụng và bảo đảm tính thống nhất với Luật di sản văn hóa, Điều luật đã bổ sung đối tượng bị chiếm giữ trái phép là “di vật” ở khoản 1 và cụ thể hóa tình tiết “cổ vật, vật có giá trị lịch sử, văn hóa có giá trị đặc biệt” bằng tình tiết ***“bảo vật quốc gia”*** ở khoản 2.

- Về hình phạt: Điều luật đã bổ sung hình phạt tiền “***từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”,*** giảm mức tối đa của hình phạt cải tạo không giam giữ xuống còn ***02 năm*** (hiện hành là 03 năm.

***Điều 177****.* ***Tội sử dụng trái phép tài sản***

- Về cấu thành tội phạm

Điều luật đã điều chỉnh nâng mức tối thiểu giá trị tài sản bị sử dụng trái phép để xử lý hình sự lên thành *“100.000.000 đồng”* (theo Điều 142 BLHS năm 1999 là 50.000.000 đồng) và bổ sung tình tiết “đã bị *xử lý kỷ luật hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 219 và Điều 220 của Bộ luật này”* ở khoản 1.

- Cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng:

+ Tại khoản 2: Cụ thể hóa tình tiết “Phạm tội nhiều lần”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng các tình tiết *“Phạm tội 02 lần trở lên”*, “*Tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”* và bổ sung tình tiết *“Tài sản là bảo vật quốc gia”*;

+ Tại khoản 3: Cụ thể hóa trường hợp “Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng trường hợp *“Phạm tội sử dụng trái phép tài sản trị giá 1.500.000.000 đồng trở lên”*.

- Về hình phạt: Điều luật đã nâng mức tối thiểu của hình phạt tiền ở khoản 1 lên 10.000.000 đồng (theo Điều 142 BLHS năm 1999 là 5.000.000 đồng); khoản 2 Điều luật đã bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính với mức phạt *từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng* và giảm mức tối thiểu của hình phạt tù xuống còn 01 năm (theo Điều 142 BLHS năm 1999 là 02 năm).

***Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản***

- Về cấu thành tội phạm

Khoản 1 Điều luật đã phân hóa loại tài sản để có sự phân hóa chính sách xử lý hình sự phù hợp đối với người hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

“a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

Khoản 2 Điều luật đã sửa đổi tình tiết định khung “Dùng chất nổ, chất cháy nổ” thành tình tiết “Dùng chất nguy hiểm về cháy, nổ” cho phù hợp với Luật phòng cháy, chữa cháy; bổ sung tình tiết “***Tài sản là bảo vật quốc gia”.***

Điều luật đã bỏ các tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” ở các khoản 2, 3, 4 Điều 143 của BLHS năm 1999 .

- Về hình phạt: Điều luật đã bổ sung hình phạt tiền (***từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng)*** ở khoản 1; giảm mức hình phạt tù tối thiểu và tối đa ở khoản 3 xuống còn từ ***05 năm đến 10 năm*** (hiện hành từ 07 năm đến 15 năm); bỏ hình phạt tù chung thân và giảm mức hình phạt tù tối thiểu ở khoản 4 xuống còn ***10 năm*** (hiện hành là 12 năm).

***Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản******của Nhà nước****,* ***cơ quan****,* ***tổ chức****,* ***doanh nghiệp***

- Về cấu thành tội phạm

Điều luật đã bổ sung khách thể của tội phạm là tài sản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vào tên điều luật và cấu thành của tội phạm; nâng mức thiệt hại của tài sản trong cấu thành cơ bản ở khoản 1 lên thành “từ ***100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”*** (hiện hành từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng***;*** nâng mức thiệt hại của tài sản trong cấu thành tăng nặng ở khoản 2 lên thành “từ ***500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng” (***hiện hành là từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng)***, ở khoản 3 là “2.000.000.000 đồng trở lên”*** (hiện hành là 500.000.000 đồng trở lên).

- Về hình phạt: Điều luật đã bổ sung hình phạt cảnh cáo, bỏ hình phạt tù ở khoản 1; giảm mức hình phạt tù còn “từ ***01 năm đến 05 năm”*** ở khoản 2 (hiện hành là từ 02 năm đến 07 năm) ***và*** từ ***05 năm đến 10 năm ở khoản 3*** (hiện hành là từ 07 năm đến 15 năm). Do đã bổ sung đối tượng là tài sản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nên trong hình phạt bổ sung, khoản 4 Điều luật đã bỏ cụm từ “quản lý tài sản của Nhà nước” và bổ sung hình phạt “***cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định”*** từ 01 năm đến 05 năm.

***Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản***

Điều luật đã tăng mức tối thiểu của hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng thành “100.000.000 đồng”, bỏ hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm ở khoản 1; bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm và giảm mức tối thiểu của hình phạt tù ở khoản 2 từ 01 năm xuống còn 03 tháng.

**II. NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ**

Chương XVIII - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của BLHS năm 2015 đã thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương, đường lối của Đảng thể hiện trong các văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020, đặc biệt là chủ trương: "Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", "Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế". Việc sửa đổi, bổ sung chương XVIII nhằm xây dựng BLHS phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước sau Hiến pháp năm 2013, phát huy hơn nữa vai trò của BLHS với tư cách là công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta;

Việc sửa đổi, bổ sung chương này còn nhằm bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, đặc biệt là tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, bảo đảm mọi người được sống trong một môi trường an toàn, lành mạnh; đồng bộ với các luật, bộ luật đã được ban hành cũng như các luật, dự luật đang được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới như các luật về quyền con người, quyền công dân.

So với Chương XVI của BLHS năm 1999*,* thì Chương XVIII của BLHS năm 2015 được cơ cấu lại khoa học và hợp lý hơn. Theo đó, chương này được chia thành 03 mục, mỗi mục là một nhóm tội phạm; cụ thể:

- Mục 1 “Các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại” gồm 12 điều luật (từ Điều 188 đến Điều 199), quy định 18 tội danh (trong đó có 06 điều luật quy định 01 tội danh, 06 điều luật quy định ghép 02 tội danh).

- Mục 2 “Các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm” gồm 17 điều luật (từ Điều 200 đến Điều 216), quy định 25 tội danh (trong đó có 14 điều luật quy định 01 tội danh, 01 điều luật quy định ghép 03 tội danh, 02 điều luật quy định ghép 04 tội danh).

- Mục 3 “Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế” gồm 19 điều luật (từ Điều 217 đến Điều 234), quy định 19 tội danh.

Việc sửa đổi, bổ sung Chương XVIII BLHS năm 2015 tập trung vào 06 nội dung cơ bản, đó là: (i) bổ sung chủ thể là pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự; (ii) bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với một số tội phạm; (iii) tách một số tội phạm ghép thành những tội danh độc lập đối với một số tội phạm; (iv) phi hình sự hóa đối với một số tội phạm; (v) thay thế tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng bằng những tội phạm cụ thể; (vi) hình sự hóa một số hành vi phạm tội trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán và (vii) cụ thể hóa một số tình tiết định tính, định lượng làm căn cứ định tội hoặc định khung hình phạt.

**1. Phi hình sự hóa đối với một số tội phạm**

Với sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế sâu, rộng của nền kinh tế, trước những đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì một số quy định của BLHS về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế hiện nay không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế đất nước. Do vậy, BLHS năm 2015 đã phi hình sự hóa đối với 02 tội phạm được quy định tại BLHS năm 1999, đó là tội kinh doanh trái phép (Điều 159); Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167); Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); Tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (Điều 178) với những lý do sau:

- Việc phi hình sự hóa hành vi báo cáo sai trong quản lý kinh tế (Điều 167) xuất phát từ yêu cầu phát huy được tính năng động của các cơ quan, doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra. Bên cạnh đó, việc loại bỏ các tội danh này trong BLHS năm 2015 góp phần đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, phù hợp của chính sách hình sự trong việc xử lý người phạm tội, đảm bảo sự chuẩn xác, thống nhất trong chính sách xử lý hình sự. Góp phần tích cực vào việc bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân như đã được khẳng định tại Hiến pháp 2013. Đây chính là một trong những đòi hỏi để thực hiện chiến lược cải cách tư pháp mà Nghị quyết 49/NQ-TW đã đề ra.

- Phi hình sự hóa tội kinh doanh trái phép (Điều 159) xuất phát từ thực tế hiện nay, những lĩnh vực cấm kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư năm 2014 thu hẹp lại, theo đó Nhà nước chỉ cấm kinh doanh một số lĩnh vực cụ thể và những lĩnh vực này đã được quy định tại một số điều luật cụ thể của BLHS các tội phạm liên quan đến sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm; ma túy; vũ khí; buôn bán người.... Bên cạnh đó, với những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện mà vi phạm đã bị xử phạt hành chính là đủ sức răn đe. Riêng một số lĩnh vực khác thì BLHS đã có quy định cụ thể như tội vận chuyển hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, hoặc một số tội phạm trong lĩnh vực đất đai, bảo hiểm, buôn bán vũ khí, phóng xạ... Do đó, việc duy trì tội kinh doanh trái phép trong BLHS là không còn phù hợp và cần thiết trong thực tế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay.

- Phi hình sự hóa Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); Tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (Điều 178).

**2. Bổ sung chủ thể là pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm**

BLHS năm 2015 đã quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại. Đây là quy định mới tiến bộ, phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của việc bảo vệ và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế quy định buộc pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 22 điều luật (quy định 30 tội danh), gồm: Tội buôn lậu (Điều 188); Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189); Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190); Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 195); Tội đầu cơ (Điều 196); Tội trốn thuế (Điều 200); Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 203); Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán (Điều 209); Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 210); Tội thao túng thị trường chứng khoán (Điều 211); Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213); Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216); Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217); Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225); Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226); Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (Điều 227); Tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản (Điều 232); và Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234).

Cũng như hầu hết các tội danh khác có quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại của Bộ luật hình sự năm 2015, việc quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại đối với các tội trong chương này là vô cùng cần thiết và phù hợp, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế thị trường, xu hướng hội nhập, yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và xử lý tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

**3. Bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với một số tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế**

Với chủ trương mở rộng áp dụng hình phạt tiền được nêu tại Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, BLHS năm 2015 đã bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với hầu hết các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, chỉ trừ 06 tội danh không quy định hình phạt tiền là hình phạt chính, đó là tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả (Điều 207); tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, công cụ chuyển nhượng giả, các giấy tờ có giá giả khác (Điều 208); tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai (Điều 229); tội vi phạm các quy định về quản lý rừng (Điều 233).

**4. Cụ thể hóa một số tình tiết định tính, định lượng làm căn cứ định tội hoặc định khung hình phạt**

Để đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của các dấu hiệu định tính, định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc dấu hiệu định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, các điều luật của chương này đã cố gắng cụ thể hóa tương đối đầy đủ, rõ ràng các dấu hiệu định tính, định lượng như thu lợi bất chính lớn, thu lợi bất chính rất lớn, thu lợi bất chính đặc biệt lớn tại tất cả các điều luật của Chương XVIII có quy định dấu hiệu này (17 điều luật) hoặc dấu hiệu gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (các Điều 194, 197, từ Điều 201 đến Điều 215...). Đặc biệt, yếu tố cấu thành cơ bản của hầu hết các tội phạm thuộc chương này đã được cụ thể hóa, như đối với các tội mới được bổ sung vào Chương này (từ Điều 116 đến Điều 222) hoặc một số tội danh hiện hành (Điều 194, 198, các Điều từ 201 đến 204, Điều 207, 208, các Điều từ 227 đến 229).

**5. Sửa đổi, bổ sung tội buôn lậu, tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; tách một số tội phạm ghép thành những tội danh độc lập đối với một số tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế**

a) Để phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn và bảo đảm quy định của Hiến pháp năm 2013, ngoài khu vực biên giới, Điều 188 (Tội buôn lậu), Điều 189 (Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới) của BLHS năm 2015 đã bổ sung việc buôn bán, vận chuyển từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái quy định của pháp luật cũng cấu thành các tội phạm này. Các điều luật cũng bỏ các tình tiết hàng cấm có số lượng lớn, rất lớn, đặc biệt lớn; cụ thể hóa các tình tiết thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn; xác định rõ vật phẩm thuộc di tích là Di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị; bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng như Vật phạm pháp là bảo vật quốc gia, Có tổ chức; bổ sung khoản 6 về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại.

b) BLHS hiện hành quy định một số tội phạm ghép thuộc chương các tội xâm phạm quản lý kinh tế. Với những quy định này thì những hành vi có tính chất, mức độ nguy hiểm khác nhau nhưng lại có chung chính sách xử lý hình sự. Đây là một trong những vướng mắc được nhiều Bộ, ngành và địa phương phản ánh qua các báo cáo tổng kết, các cuộc khảo sát, hội thảo, hội nghị về việc sửa đổi, bổ sung BLHS. Do vậy, để đảm bảo việc phân hóa trách nhiệm hình sự, Chương XVIII BLHS năm 2015 đã tách những tội phạm ghép này thành nhiều tội danh độc lập với chính sách xử lý khác nhau, đảm bảo phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cụ thể:

- Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hành cấm quy định tại Điều 155 BLHS năm 1999 được tách thành 02 tội danh độc lập trong BLHS năm 2015, đó là tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190) và tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191);

***+ Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190)***

Điều luật được chia thành 05 khoản:

Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật hình sự:

“a) Sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 50 kilôgam đến dưới 100 kilôgam hoặc từ 50 lít đến dưới 100 lít;

b) Buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao;

c) Sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;

d) Sản xuất, buôn bán hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

đ) Sản xuất, buôn bán hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

e) Sản xuất, buôn bán hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Ngoài các tình tiết định khung tăng nặng như BLHS năm 1999, khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “Hàng phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc thu lợi bất chính rất lớn” của BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 100 kilôgam đến dưới 300 kilôgam hoặc từ 100 lít đến dưới 300 lít”, “Thuốc lá điếu nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao”, “Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam”, “Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng” và bổ sung thêm tình tiết “Buôn bán qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điếu nhập lậu”; khoản 3 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết hàng phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn hoặc thu lợi bất chính lớn” bằng tình tiết “Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên”, “Thuốc lá điếu nhập lậu 4.500 bao trở lên”, “Pháo nổ 120 kilôgam trở lên”, “Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên”, “Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 700.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: để cá thể hóa hình phạt đối với tội phạm này phù hợp với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Điều luật đã tăng mức hình phạt tiền và tù ở khoản 1 là “phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm” (hiện hành là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm); khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 3 quy định hình phạt tù từ 08 năm đến 15 năm; khoản 4 đã tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” (hiện hành là từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng).

***+ Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191)***

Điều luật được chia thành 05 khoản:

Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật hình sự:

“a) Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 50 kilôgam đến dưới 100 kilôgam hoặc từ 50 lít đến dưới 100 lít;

b) Thuốc lá điếu nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3.000 bao;

c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;

d) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

đ) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

e) Hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Ngoài các tình tiết định khung tăng nặng như BLHS năm 1999, khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “Hàng phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc thu lợi bất chính rất lớn” của BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng từ 100 kilôgam đến dưới 300 kilôgam hoặc từ 100 lít đến dưới 300 lít”, “Thuốc lá điếu nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao”, “Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam”, “Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng” và bổ sung thêm tình tiết “Vận chuyển qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điếu nhập lậu”; khoản 3 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết hàng phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn hoặc thu lợi bất chính lớn” bằng tình tiết “Thuốc bảo vệ thực vật mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng 300 kilôgam trở lên hoặc 300 lít trở lên”, “Thuốc lá điếu nhập lậu 4.500 bao trở lên”, “Pháo nổ 120 kilôgam trở lên”, “Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên”, “Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính 700.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: để cá thể hóa hình phạt đối với tội phạm này phù hợp với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Điều luật đã tăng mức hình phạt tiền và giảm hình phạt tù ở khoản 1 là “phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” (hiện hành là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm); khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm; khoản 3 quy định hình phạt tù phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 4 đã tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” (hiện hành là từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng).

***- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192)***

Điều luật được chia thành 05 khoản:

So với điều luật cũ, khoản 1 điều luật mới quy định rõ, cụ thể đối tượng sản xuất, buôn bán hàng giả. Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194 và 195 của Bộ luật hình sự, thì bị xử lý hình sự:

“a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.”

Ngoài các tình tiết định khung tăng nặng như BLHS năm 1999, khoản 2 Điều luật đã sửa đổi, bổ sung tình tiết “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ một trăm năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng” và cụ thể hóa các tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng”, “thu lợi bất chính lớn” của BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Làm chết người”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng” và bổ sung tình tiết “Buôn bán qua biên giới”.

Khoản 3 của Điều luật đã sửa đổi, bổ sung tình tiết “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên” bằng các tình tiết “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên”; cụ thể hóa tình tiết “Thu lợi bất chính rất lớn hoặc đặc biệt lớn” bằng tình tiết “Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên”; “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Làm chết 02 người trở lên”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên”, “Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: để cá thể hóa hình phạt đối với tội phạm này phù hợp với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Điều luật đã bổ sung hình phạt chính là hình phạt tiền “từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng” và tăng mức hình phạt tù ở khoản 1 “tù từ 01 năm đến 05 năm” (hiện hành là tù từ 06 tháng đến 05 năm); khoản 2 “05 năm đến 10 năm” (hiện hành là 03 năm đến 10 năm); khoản 4 tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” (hiện hành là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng).

- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh quy định tại Điều 157 BLHS năm 1999 được tách thành 02 tội danh độc lập của BLHS năm 2015, gồm có tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); và tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc phòng bệnh, thuốc chữa bệnh (Điều 194).

***+ Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193)***

Điều luật được chia thành 05 khoản:

So với Điều luật cũ, khoản 1 Điều luật mới đã bổ sung đối tượng của tội sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm.

Ngoài các tình tiết định khung tăng nặng như BLHS năm 1999, khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” của BLHS năm 1999 và bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng: “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và “Buôn bán qua biên giới”.

Khoản 3 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng” và bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng: “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, “Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”, “Làm chết người”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%”.

Khoản 4 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” và bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng: “Thu lợi bất chính 1.500.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên”, “Làm chết 02 người trở lên”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên”.

Khoản 6 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: để cá thể hóa hình phạt đối với tội phạm này phù hợp với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Điều luật đã giảm mức hình phạt tù ở khoản 1 “đến 05 năm” (hiện hành là 07 năm); khoản 2 “đến 10 năm” (hiện hành là 12 năm); khoản 3 tù từ 10 năm đến 15 năm (hiện hành là 12 năm đến 20 năm); khoản 4 “tù *từ* *15 năm* *đến* 20 năm hoặc tù chung thân”; khoản 5 tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” (hiện hành là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng).

***+ Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194)***

Điều luật được chia thành 05 khoản:

So với Điều luật cũ, khoản 1 giữ nguyên như quy định của BLHS năm 1999; khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” của BLHS năm 1999 và bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng: “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và bổ sung tình tiết “Buôn bán qua biên giới”.

Khoản 3 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng” và bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng: “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, “Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng”, “Làm chết người”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”.

Khoản 4 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” và bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng: “Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên”, “Làm chết 02 người trở lên”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên”, “Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: Điều luật giữ nguyên hình phạt chính như hiện hành; khoản 5 tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” (hiện hành là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng).

***- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi (Điều 195)***

Điều luật được chia thành 06 khoản:

So với Điều luật cũ, khoản 1 Điều luật mới quy định cụ thể cách xác định hàng giả và cụ thể hóa các tình tiết “số lượng lớn”, “gây hậu quả nghiêm trọng” làm căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với người sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

“a) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng hoặc dưới 30.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

c) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.”

Ngoài các tình tiết định khung tăng nặng như BLHS năm 1999, khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa các tình tiết “Hàng giả có số lượng rất lớn” và “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” của BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”, “Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và bổ sung tình tiết “Buôn bán qua biên giới”.

Khoản 3 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “hàng giả có số lượng đặc biệt lớn”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng”, “Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng”.

Khoản 4 của Điều luật mới được bổ sung với các tình tiết định khung tăng nặng “Gây thiệt hại về tài sản 3.000.000.000 đồng trở lên”, “Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 6 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: Điều luật đã tăng hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 1 lên “từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng”; nâng mức khởi điểm hình phạt tù ở khoản 2 lên 05 năm, khoản 3 lên 10 năm; bổ sung khoản 4 với hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm; khoản 5 tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” (hiện hành là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng).

***- Tội đầu cơ (Điều 196)***

Điều luật được chia thành 05 khoản:

So với Điều luật cũ, khoản 1 Điều luật mới đã xác định loại hàng hóa cũng như cụ thể hóa các tình tiết “số lượng lớn”, “thu lợi bất chính lớn”, “gây hậu quả nghiêm trọng” để làm căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với người lợi dụng tình hình khan hiếm hoặc tạo ra sự khan hiếm giả tạo trong tình hình thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc tình hình khó khăn về kinh tế mua vét hàng hóa thuộc danh mục mặt hàng bình ổn giá hoặc thuộc danh mục hàng hóa được Nhà nước định giá nhằm bán lại để thu lợi bất chính thuộc một trong các trường hợp sau đây:

“a) Hàng hoá trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

b) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.”

Ngoài các tình tiết định khung tăng nặng như BLHS năm 1999, khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa các tình tiết “Hàng đầu cơ có số lượng rất lớn”, “Thu lợi bất chính rất lớn”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” của BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “Hàng hóa trị giá từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng”, “Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”, “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”.

Khoản 3 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “Hàng đầu cơ có số lượng đặc biệt lớn”, “Thu lợi bất chính đặc biệt lớn”, bằng các tình tiết “Hàng hóa trị giá 3.000.000.000 đồng trở lên”, “Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: Điều luật đã tăng hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 1 lên “từ 30.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng”; bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 2 là “phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng và giảm mức tối đa hình phạt tù ở khoản 2 xuống còn 07 năm; bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 3 là “phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng và giảm mức tối thiểu hình phạt tù ở khoản 3 xuống còn 07 năm; khoản 4 tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng” (hiện hành là từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng).

***- Tội quảng cáo gian dối (Điều 197)***

So với quy định của BLHS năm 1999, Điều 197 BLHS năm 2015 đã bỏ tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” và hình phạt tù “từ 06 tháng đến 03 năm” ở khoản 1.

***- Tội lừa dối khách hàng (Điều 198)***

Khoản 1 Điều luật đã bổ sung thêm loại hình hàng hóa là “cung cấp dịch vụ” để xử lý trách nhiệm hình sự. Người nào trong việc mua, bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mà cân, đong, đo, đếm, tính gian hàng hóa, dịch vụ hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

“a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Thu lợi bất chính từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.”

Khoản 2 Điều luật đã bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng “Có tổ chức”, “Có tính chất chuyên nghiệp”, “Dùng thủ đoạn xảo quyệt”, “Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên”.

Về hình phạt: Điều luật đã tăng hình phạt tiền là hình phạt chính “từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” và bỏ hình phạt tù “từ 06 tháng đến 03 năm” ở khoản 1; bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 2 là “phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng và giảm mức hình phạt tù ở khoản 2 xuống còn “từ 01 năm đến 05 năm”; khoản 3 tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” (hiện hành là từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng) và bổ sung hình phạt cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***- Tội vi phạm quy định về cung ứng điện (Điều 199)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

So với Điều luật cũ, khoản 1 Điều luật mới đã cụ thể hóa các tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” làm căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với người có trách nhiệm mà đóng điện, cắt điện, từ chối cung cấp điện trái quy định của pháp luật hoặc trì hoãn việc xử lý sự cố điện không có lý do chính đáng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

“a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

d) Đã bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa các tình tiết “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” của BLHS năm 1999 bằng các tình tiết “Làm chết người”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%”, “Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”.

Khoản 3 của Điều luật mới được bổ sung trên cơ sở phân hóa trách nhiệm hình sự và cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Làm chết 02 người trở lên”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên”, “Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên”.

Về hình phạt: Điều luật đã tăng hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 1 lên “từ 30.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng”; bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 2 là “phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Trên cơ sở phân hóa hình phạt, khoản 2 có hình phạt tù “từ 01 năm đến 05 năm”, khoản 3 có hình phạt tù “từ 03 năm đến 07 năm”; khoản 4 tăng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền lên từ “10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” (hiện hành là từ 2.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng).

**6. Thay thế tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165) bằng những tội phạm cụ thể**

Để nền kinh tế thị trường của một quốc gia phát triển lành mạnh, năng động thì cần phải khai thác mọi tiềm năng sẵn có và phát huy hết nguồn lực của mỗi cá nhân, tổ chức qua đó thúc đẩy mọi chủ thể trong xã hội phát huy, tìm tòi, sáng tạo, làm giàu cho bản thân và cho đất nước. Muốn làm được điều này, Nhà nước cần xây dựng hành lang pháp lý để người dân được quyền làm những điều pháp luật không cấm. Với tinh thần đó, thì việc duy trì tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng không đáp ứng được yêu cầu trên. Tội này được coi như là một cái túi để xử lý tất cả những trường hợp mà cơ quan tố tụng không thể hoặc không muốn xử lý người phạm tội về những tội phạm khác. Điều này vô hình chung đã làm cho mọi cá nhân, tổ chức không dám đi đầu, phát huy sáng kiến thúc đẩy sản xuất kinh doanh vì sợ vướng vào tội này. Điều này lại càng nghiêm trọng hơn khi hệ thống pháp luật về quản lý kinh tế của ta đang trong quá trình hoàn thiện, tính ổn định không cao, nên việc tiếp tục duy trì tội này trong BLHS thực sự là một rào cản rất lớn cho quá trình phát triển kinh tế, là cơ sở để các cơ quan tố tụng áp dụng nguyên tắc tương tự - vốn là điều cấm kỵ trong một nền tư pháp hiện đại – để xử lý các hành vi mà BLHS chưa dự liệu trước.

Việc không quy định thành một tội riêng hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng mà thay vào đó, BLHS năm 2015 đã bổ sung một số tội danh mới (mang đặc trưng của tội cố ý làm trái) vào từng lĩnh vực cụ thể. BLHS năm 2015 đã quy định 41 tội danh xâm phạm trật tự quản lý kinh tế thuộc 3 nhóm lĩnh vực: 1) sản xuất, kinh doanh, thương mại; 2) thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; 3) lĩnh vực kinh tế khác. Bên cạnh đó, BLHS cũng có một số điều khoản mang tính chất ”cố ý làm trái” trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Ngoài ra, trong chương các tội phạm về chức vụ cũng đã quy định một số tội danh liên quan đến hành vi “cố ý làm trái” của người có chức vụ, quyền hạn như: tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

BLHS năm 2015 đã có nhiều tội danh mang tính cố ý làm trái để thay thế cho tội danh cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (như: lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm...), đồng thời làm rõ cấu thành tội phạm của những tội phạm đã có sẵn như: trốn thuế, các tội trong lĩnh vực quản lý đất đai, bảo vệ tài nguyên rừng... Ngoài ra, BLHS năm 2015 cũng đã bổ sung các tội danh sau đây để thay thế cho Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng. Đây là những cơ sở pháp lý để xử lý những hành vi phạm tội cố ý làm trái trong từng lĩnh vực cụ thể, mà không quy định thành một tội riêng như hiện nay.

***- Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại cho người khác từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng:

“a) Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;

b) Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường doanh nghiệp không phải là các bên của thỏa thuận;

c) Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh khi các bên tham gia thỏa thuận có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan 30% trở lên thuộc một trong các trường hợp: thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, dịch vụ; thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư; thỏa thuận áp đặt cho doanh nghiệp khác điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ hoặc buộc doanh nghiệp khác chấp nhận nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng.”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường hoặc vị trí độc quyền”, “Thu lợi bất chính 3.000.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho người khác 5.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 3 quy định về hình phạt bổ sung.

+ Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; khoản 3 quy định hình phạt bổ sung là “phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

***- Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản (Điều 218)***

Điều luật được chia thành 03 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng:

“a) Lập danh sách khống về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá;

b) Lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản;

c) Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động bán đấu giá tài sản”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Có tổ chức”, “Thu lợi bất chính 200.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho người khác 300.000.000 đồng trở lên”, “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”; khoản 3 quy định *về hình phạt bổ sung*.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; khoản 3 quy định hình phạt bổ sung là “phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

***- Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí (Điều 219)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước mà vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, gây thất thoát, lãng phí từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Vì vụ lợi”, “Có tổ chức”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, “Gây thất thoát, lãng phí từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với tình tiết “gây thất thoát, lãng phí 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

***- Tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 224 của Bộ luật này:

“a) Vi phạm quy định về quyết định chủ trương đầu tư;

b) Vi phạm quy định về lập, thẩm định chủ trương đầu tư;

c) Vi phạm quy định về quyết định đầu tư chương trình, dự án;

d) Vi phạm quy định về tư vấn, thiết kế chương trình, dự án.”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Vì vụ lợi”, “Có tổ chức”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với tình tiết “gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

***- Tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm:

“a) Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán;

b) Dụ dỗ, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;

c) Để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán;

d) Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước thời hạn lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán;

đ) Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên nhằm bỏ ngoài sổ kế toán tài sản, nguồn vốn, kinh phí của đơn vị kế toán”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Vì vụ lợi”, “Có tổ chức”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với tình tiết “gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

***- Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 222)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm:

“a) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu;

b) Thông thầu;

c) Gian lận trong đấu thầu;

d) Cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu;

e) Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn đến nợ đọng vốn của nhà thầu;

g) Chuyển nhượng thầu trái phép”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Vì vụ lợi”, “Có tổ chức”, “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với tình tiết “gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

***- Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, làm thất thoát tiền thuế phải nộp từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm:

“a) Thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế, xoá nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt, hoàn thuế không đúng quy định của Luật quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật về thuế;

b) Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế không đúng quy định của Luật Quản lý thuế và quy định khác của pháp luật về thuế”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Vì vụ lợi”, “Có tổ chức”,“Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Làm thất thoát tiền thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với tình tiết “gây thất thoát tiền thuế 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

***- Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 224)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm:

“a) Quyết định đầu tư xây dựng không đúng quy định của Luật xây dựng;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, điều chỉnh dự toán, nghiệm thu công trình sử dụng vốn của Nhà nước trái với quy định của Luật xây dựng;

c) Lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng;

d) Dàn xếp, thông đồng làm sai lệch kết quả lập dự án, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình”

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Vì vụ lợi”, “Có tổ chức”,“Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Làm thất thoát tiền thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với tình tiết “gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

***- Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Điều 230)***

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm:

“a) Vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường về đất, hỗ trợ và tái định cư;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về bồi thường về tài sản, về sản xuất kinh doanh.”

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác”, “Có tổ chức”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, “Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với tình tiết “gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 12 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

**7. Sửa đổi, bổ sung các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; hình sự hóa một số hành vi phạm tội trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán**

***a) Các tội phạm trong lĩnh vực bảo hiểm***

Mặc dù Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung ngày 20-11-2014) đã quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội (tại các điều 134, 135, 136 và 137) như: (1) các hành vi vi phạm pháp luật về đóng bảo hiểm xã hội (không đóng bảo hiểm xã hội, đóng không đúng thời gia quy định, đóng không đúng mức quy định, đóng không đúng số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội); (2) các hành vi vi phạm pháp luật về thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội (cố tình gây khó khăn hoặc cản trở việc hưởng bảo hiểm xã hội của người lao động, không cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc không trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động); (3) các hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng tiền đóng và quỹ bảo hiểm xã hội (sử dụng tiền đóng và quỹ bảo hiểm xã hội trái quy định của pháp luật, báo cáo sai sự thật, cung cấp sai lệnh thông tin, số liệu tiền đóng và quỹ bảo hiểm xã hội); (4) các hành vi vi phạm pháp luật về lập hồ sơ để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (gian lận, giả mạo hồ sơ, cấp giấy chứng nhận, giám định sai). Từ các quy định này, Chính phủ đã ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, trong đó quy định những chế tài xử lý hành chính đối với những hành vi vi phạm này. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội trong những năm gần đây có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của người lao động. Một vấn đề nổi cộm vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là tình trạng chậm đóng, nợ đọng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động ngày càng gia tăng với số tiền lớn xảy ra ở hầu hết các tỉnh, thành trên cả nước. Nghiêm trọng có nhiều đơn vị nợ đóng bảo hiểm cho người lao động trong thời gian dài, có trường hợp doanh nghiệp chiếm dụng tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của hàng trăm nghìn người lao động, dẫn đến việc họ không được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế kịp thời. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thì tình trạng lợi dụng kẽ hở của pháp luật và thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm cũng xuất hiện ngày càng phổ biến. Qua thực tiễn, vi phạm xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, nhưng tập trung nhiều vào hai lĩnh vực chủ yếu là bảo hiểm phi nhân thọ (bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm hàng hóa...) và bảo hiểm nhân thọ.

Mặc dù có thể vận dụng một số quy định của BLHS để xử lý đối với hành vi gian lận bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và hành vi trục lợi trong kinh doanh bảo hiểm hội. Tuy nhiên, do lĩnh vực bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và kinh doanh bảo hiểm có những đặc thù. Việc gian lận, trục lợi trong lĩnh vực này có tính chất tương đối phổ biến, không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích chính đáng của người lao động, người tham gia bảo hiểm mà còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho sự ổn định và phát triển của chính sách an sinh xã hội, ảnh hưởng đến chính sách thu hút đầu tư để phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế thị trường và hội nhập thì việc bảo đảm sự ổn định và phát triển của chính sách an sinh xã hội, bảo vệ lực lượng lao động trong xã hội là một yêu cầu tất yếu. Nền công nghiệp ngày càng phát triển, đất đai dùng vào sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp dần đã tạo ra một lực lượng lao động làm công ăn lương dồi dào. Điều này đòi hỏi phải có chính sách an sinh xã hội tốt để đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng của người lao động, bảo đảm sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Do vậy, BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm 04 tội danh liên quan đến lĩnh vực này, đó là:

*- Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213)*

Điều luật được chia thành 05 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tiền bảo hiểm từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị xử lý hình sự:

“a) Thông đồng với người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm để giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật;

b) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin để từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;

c) Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm;

d) Tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm trừ trường hợp luật quy định khác.”

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Có tổ chức”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Chiếm đoạt số tiền bảo hiểm từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”, “Tái phạm nguy hiểm”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Chiếm đoạt số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại 1.000.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

+ Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

*- Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp (Điều 214)*

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây, chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng mà không thuộc trường hợp quy định tại một trong các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này:

“a) Lập hồ sơ giả hoặc làm sai lệch nội dung hồ sơ bảo hiểm xã hội, hồ sơ bảo hiểm thất nghiệp lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội;

b) Dùng hồ sơ giả hoặc hồ sơ đã bị làm sai lệch nội dung lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.”

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Có tổ chức”, “Có tính chất chuyên nghiệp”, “Chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Tái phạm nguy hiểm”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp 500.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

*- Tội gian lận bảo hiểm y tế (Điều 215)*

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây, chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại từ 20.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng mà không thuộc trường hợp quy định tại một trong các điều 174, 353 và 355 của Bộ luật này:

“a) Lập hồ sơ bệnh án, kê đơn thuốc khống hoặc kê tăng số lượng hoặc thêm loại thuốc, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật, chi phí giường bệnh và các chi phí khác mà thực tế người bệnh không sử dụng;

b) Giả mạo hồ sơ, thẻ bảo hiểm y tế hoặc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế được cấp khống, thẻ bảo hiểm y tế giả, thẻ đã bị thu hồi, thẻ bị sửa chữa, thẻ bảo hiểm y tế của người khác trong khám chữa bệnh hưởng chế độ bảo hiểm y tế trái quy định”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Có tổ chức”, “Có tính chất chuyên nghiệp”, “Chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt”, “Tái phạm nguy hiểm”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Chiếm đoạt tiền bảo hiểm y tế 500.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

*- Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216)*

Điều luật được chia thành 04 khoản:

+ Khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định việc xử lý hình sự đối với người có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ 06 tháng trở lên thuộc một trong những trường hợp sau đây, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm:

“a) Trốn đóng bảo hiểm từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

b) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 10 người đến dưới 50 người lao động”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Trốn đóng bảo hiểm từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”, “Trốn đóng bảo hiểm cho từ 50 người đến dưới 200 người”, “Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này”; khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với các tình tiết định khung: “Trốn đóng bảo hiểm 1.000.000.000 đồng trở lên”, “Trốn đóng bảo hiểm cho 200 người trở lên, “Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này”; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

+ Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm, khoản 2 quy định hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng năm đến 03 năm, khoản 3 quy định hình phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

***b) Các tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán***

Luật chứng khoán năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung ngày 24-11-2010) đã quy định các hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán ở các điều từ 121 đến 130, đồng thời Luật cũng quy định các hành vi này có thể bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, do pháp luật hình sự Việt Nam không quy định tội phạm và hình phạt trong luật chuyên ngành, mà phải do Bộ luật hình sự quy định, nên hiện nay các hành vi như: (1) giả mạo hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và giả mạo hồ sơ niêm yết chứng khoán; (2) hành vi tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán trái quy định của Luật chứng khoán; (3) hành vi tạo dựng, tuyên truyền thông tin sai sự thật, cố ý cung cấp tài liệu giả, làm giả, làm sai lệch hoặc tiêu hủy tài liệu giao dịch để lừa đảo, dụ dỗ khách hàng mua bán chứng khoán tuy rất nguy hiểm và xảy ra nhiều trong thực tiễn nhưng rất khó xử lý về mặt hình sự. Điều này dẫn đến hệ quả là không đảm bảo tính răn đe, cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc mà thực tiễn đã đặt ra, BLHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, cụ thể là:

*- Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán (Điều 209)*

+ Để phù hợp với thực tiễn áp dụng và quy định của các văn bản pháp luật chuyên ngành, khoản 1 Điều luật đã thay cụm từ “sự thật liên quan đến việc” bằng cụm từ “thông tin trong hoạt động”; cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng một trong các trường hợp:

“a) Gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;

b) Thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán mà còn vi phạm”.

+ Khoản 2 đã cụ thể hóa tình tiết “Thu lợi bất chính lớn”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên”.

+ Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 quy định giảm mức hình phạt tù tối thiểu xuống còn 03 tháng (hiện hành là 06 tháng); bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 2 là “phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng”; tăng hình phạt bổ sung là tiền “từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng” (hiện hành là từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng).

*- Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 210)*

+ Để phù hợp với thực tiễn áp dụng và luật hóa một số hướng dẫn của các văn bản dưới luật còn phù hợp, khoản 1 đã cụ thể hóa tình tiết “thu lợi bất chính lớn” bằng tình tiết “*thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu từ từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”*

+ Khoản 2 đã cụ thể hóa tình tiết “Thu lợi bất chính rất lớn hoặc đặc biệt lớn”, “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 1.500.000.000 đồng trở lên”.

+ Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 quy định tăng mức hình phạt tiền “từ *500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng” (hiện hành là từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng), bỏ “hình phạt cải tạo không giam giữ”*; bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 2 là “phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng”; tăng hình phạt bổ sung là tiền “từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng” (hiện hành là từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng).

*- Tội thao túng thị trường chứng khoán (Điều 211)*

Để thuận lợi trong quá trình áp dụng và bảo đảm tính thống nhất với Luật chứng khoán, khoản 1 Điều luật đã quy định cụ thể các hành vi thao túng giá chứng khoán gây hậu quả nghiêm trọng bằng một trong những hành vi sau đây *thu lợi bất chính từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng*:

*“a) Sử dụng một hoặc nhiều tài khoản giao dịch của mình hoặc của người khác hoặc thông đồng với nhau liên tục mua, bán chứng khoán nhằm tạo ra cung, cầu giả tạo;*

*b) Thông đồng với người khác đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch hoặc thông đồng với nhau giao dịch mua bán chứng khoán mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu chỉ luân chuyển giữa các thành viên trong nhóm nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo;*

*c) Liên tục mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường;*

*d) Giao dịch chứng khoán bằng hình thức cấu kết, lôi kéo người khác liên tục đặt lệnh mua, bán chứng khoán gây ảnh hưởng lớn đến cung cầu và giá chứng khoán, thao túng giá chứng khoán;*

*đ) Đưa ra ý kiến một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua phương tiện thông tin đại chúng về một loại chứng khoán, về tổ chức phát hành chứng khoán nhằm tạo ảnh hưởng đến giá của loại chứng khoán đó sau khi đã thực hiện giao dịch và nắm giữ vị thế đối với loại chứng khoán đó;*

*e) Sử dụng các phương thức hoặc thực hiện các hành vi giao dịch khác để tạo cung cầu giả tạo, thao túng giá chứng khoán.”*

+ Khoản 2 đã cụ thể hóa tình tiết “Thu lợi bất chính lớn”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Thu lợi bất chính 1.500.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên”.

+ Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 quy định tăng mức hình phạt tiền “từ *500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng” (hiện hành là từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng), bỏ “hình phạt cải tạo không giam giữ”*; bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính ở khoản 2 là “phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng”; tăng hình phạt bổ sung là tiền “từ 50.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng” (hiện hành là từ 10.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng).

*- Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 212)*

Đây là điều luật mới được bổ sung, khoản 1 quy định việc xử lý hình sự đối với người làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán thu lợi bất chính từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho nhà đầu tư từ 1.500.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng.

Khoản 2 quy định các tình tiết định khung tăng nặng: “Thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho nhà đầu tư 3.000.000.000 đồng trở lên”, “Có tổ chức”, “Tái phạm nguy hiểm”.

Về hình phạt: khoản 1 quy định “phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”, khoản 2 quy định “phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”, khoản 3 quy định về hình phạt bổ sung “phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

***c) Các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng***

Hành vi gian lận thuế thời gian gần đây cũng có diễn biến hết sức phức tạp cả về số lượng, tính chất và quy mô. Tuy nhiên, hiện tại chúng ta mới xử lý hành vi trốn thuế theo tội trốn thuế, chứ chưa có cơ sở pháp lý để xử lý hành vi gian lận thuế. Để hạn chế bất cập, khó khăn mà thực tiễn đã đặt ra và đáp ứng tình hình mới, BLHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung các tội trong lĩnh vực thuế, cụ thể là:

*- Tội trốn thuế (Điều 200)*

Trên cơ sở các hướng dẫn của Thông tư liên tịch và các văn bản chuyên ngành, khoản 1 Điều luật đã xác định cụ thể hành vi trốn thuế là một trong các hành vi sau:

*a) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;*

*b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;*

*c) Không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hoá đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hoá, dịch vụ đã bán;*

*d) Sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;*

*đ) Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn;*

*e) Khai sai với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan;*

*g) Cố ý không kê khai hoặc khai sai về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;*

*h) Cấu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hoá;*

*i) Sử dụng hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế.”*

Khoản 2 quy định bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng: “Có tổ chức”, “Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”, “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”, “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Tái phạm nguy hiểm”.

Khoản 6 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 quy định “phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm” (hiện hành là phạt tiền từ một lần đến 05 lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm), khoản 2 quy định “phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm”, khoản 3 quy định “phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”, khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung “phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

*- Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (Điều 201)*

Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thực thi và phù hợp với thực tiễn, khoản 1 của Điều luật đã lấy mức lãi suất, số tiền thu lợi bất chính để xác định hành vi cho vay lãi nặng, cụ thể là: trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này thì bị xử lý hình sự theo khoản 1 Điều luật. Khoản 2 đã cụ thể hóa tình tiết “thu lợi bất chính lớn” bằng tình tiết “thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên”.

Về hình phạt: khoản 1 quy định “phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm” (hiện hành là phạt tiền từ 01 lần đến 10 lần số tiền lãi hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm), khoản 2 bổ sung hình phạt tiền “từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng”, khoản 3 quy định về hình phạt bổ sung “phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

*- Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả (Điều 202)*

Khoản 1 đã làm rõ tem giả, vé giả với số lượng lớn là “Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng từ 15.000 đến dưới 30.000 đơn vị”, “Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và bổ sung tình tiết “Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng”; khoản 2 bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng “Tem giả, vé giả không có mệnh giá có số lượng 30.000 đơn vị trở lên”, “Tem giả, vé giả có mệnh giá có tổng trị giá 200.000.000 đồng trở lên”, “Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên”.

Về hình phạt: khoản 1 quy định “phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”, khoản 2 quy định “phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”, khoản 3 quy định về hình phạt bổ sung “phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

*- Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 203)*

Khoản 1 đã bỏ tình tiết định tội “hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” và cụ thể hóa tình tiết “với số lượng lớn” bằng tình tiết “ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng”, khoản 2 đã cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng “có số lượng rất lớn hoặc đặc biệt lớn”, “thu lợi bất chính lớn”, “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên”, “Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 100.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

Về hình phạt: khoản 1 giữ nguyên hình phạt như quy định của BLHS năm 1999; bổ sung hình phạt tiền ở khoản 2 “phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng”, giảm mức phạt tiền tối đa ở hình phạt bổ sung ở khoản 3 xuống còn 50.000.000 đồng (hiện hành là 100.000.000 đồng).

*- Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 204)*

Khoản 1 đã bỏ tình tiết định tội “hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” và cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các tình tiết “gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước hoặc cho người khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”; để phù hợp với thực tiễn áp dụng, khoản 2 đã bỏ tình tiết “có tổ chức” và cụ thể hóa tình tiết định khung “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết “Gây thiệt hại 500.000.000 đồng trở lên”.

Về hình phạt: khoản 1 đã tăng mức tối đa của hình phạt cải tạo không giam giữ lên 3 năm (hiện hành là 2 năm) và bỏ hình phạt tù; bổ sung hình phạt tiền ở khoản 2 “phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng” và giảm hình phạt tù xuống là “tù từ 06 tháng đến 03 năm”; hình phạt bổ sung ở khoản 3 được giữ nguyên như hiện hành.

*- Tội lập quỹ trái phép (Điều 205)*

Để phù hợp với thực tiễn áp dụng, điều luật đã không lấy giá trị của quỹ trái phép làm căn cứ định tội, định khung hình phạt như quy định của BLHS năm 1999 mà lấy giá trị thiệt hại cho tài sản của nhà nước do hành vi lập quỹ trái quy định của pháp luật gây ra để làm căn cứ định tội và định khung hình phạt.

*- Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 206)*

Trên cơ sở các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản liên quan, Điều luật đã quy định cụ thể các vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng. Khoản 1 Điều luật quy định về việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại cho người khác về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng:

“a) Cấp tín dụng cho trường hợp không được cấp tín dụng, trừ trường hợp cấp dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;

b) Cấp tín dụng không có bảo đảm hoặc cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;

c) Vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

d) Cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm khi thẩm định giá để cấp tín dụng đối với trường hợp phải có tài sản bảo đảm;

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng;

e) Cấp tín dụng vượt giới hạn so với vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan, trừ trường hợp có chấp thuận của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

g) Vi phạm quy định của pháp luật về góp vốn, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, điều kiện cấp tín dụng;

h) Phát hành, cung ứng, sử dụng phương tiện thanh toán không hợp pháp; làm giả chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán; sử dụng chứng từ thanh toán, phương tiện thanh toán giả;

i) Kinh doanh vàng trái phép hoặc kinh doanh ngoại hối trái phép;

k) Tiến hành hoạt động ngân hàng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng.”

Về hình phạt: Để phù hợp với thực tiễn và có chính sách xử lý phù hợp, khoản 1 đã tăng mức hình phạt tiền, giảm mức hình phạt tù “phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”; khoản 2 quy định “phạt tù từ 03 năm đến 07 năm”, khoản 3 quy định “phạt tù từ 07 năm đến 12 năm”, khoản 4 quy định “phạt tù từ 12 năm đến 20 năm”, khoản 5 quy định hình phạt bổ sung “người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

*- Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả (Điều 207)*

Điều luật đã không quy định hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành ngân phiếu giả, công trái giả mà hành vi này sẽ bị xử lý hình sự theo những tội danh khác, cụ thể hóa các trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng bằng các tình tiết “tiền giả có trị giá tương ứng từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”, “tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên”; bổ sung khoản 4 về việc xử lý hình sự người chuẩn bị phạm tội.

Về Hình phạt: Điều luật giữ nguyên như quy định của BLHS năm 1999.

*- Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác (Điều 208)*

Ngoài Séc còn có nhiều công cụ chuyển nhượng khác cũng cần được bảo vệ và xử lý nghiêm đối với hành vi làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành các công cụ chuyền nhượng giả. Do vậy, Điều luật đã thay cụm từ “séc giả” bằng cụm từ “công cụ chuyển nhượng giả”; cụ thể hóa các trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng bằng các tình tiết “công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng”, “công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”, “công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác có trị giá tương ứng từ 300.000.000 đồng trở lên”.

**8. Về một số tội phạm khác**

***- Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225)***

Để phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình áp dụng, khoản 1 Điều luật đã bổ sung các tình tiết “thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”, “gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”; bổ sung các tình tiết định khung “Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan 500.000.000 đồng trở lên”, “Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

***- Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226)***

Để phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình áp dụng, khoản 1 Điều luật đã bổ sung các tình tiết “thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”, “gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” “hàng hóa vi phạm trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”; bổ sung các tình tiết định khung “Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý 500.000.000 đồng trở lên”, “Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên”.

Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

***- Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (Điều 227)***

Khoản 1 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng một trong những trường hợp sau đây:

“a) Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Khoản 2 đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước, dầu khí hoặc khoáng sản khác 500.000.000 đồng trở lên”, “Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên”, “ Gây sự cố môi trường”, “Làm chết người”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên”; bổ sung tình tiết “Có tổ chức”

Khoản 4 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

***- Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai (Điều 229)***

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS năm 1999 còn phù hợp, khoản 1 Điều luật đã bỏ tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng và xác định cụ thể đất có diện tích lớn hoặc có giá trị lớn là “Đất trồng lúa có diện tích từ 5.000 mét vuông (m2) đến dưới 30.000 mét vuông (m2); đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 50.000 mét vuông (m2); đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 40.000 mét vuông (m2)”, “Đất có giá trị quyền dụng đất được quy thành tiền từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp”;

Khoản 2 đã cụ thể hóa đất có diện tích rất lớn hoặc có giá trị rất lớn là “Đất trồng lúa có diện tích từ 30.000 mét vuông (m2) đến dưới 70.000 mét vuông (m2); đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích từ 50.000 mét vuông (m2) đến dưới 100.000 mét vuông (m2); đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích từ 40.000 mét vuông (m2) đến dưới 80.000 mét vuông (m2)”, “Đất có giá trị quyền dụng đất được quy thành tiền từ 2.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng đối với đất nông nghiệp hoặc từ 5.000.000.000 đồng đến dưới 15.000.000.000 đồng đối với đất phi nông nghiệp”; cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”.

Khoản 3 đã cụ thể hóa đất có diện tích đặc biệt lớn hoặc có giá trị đặc biệt lớn là “Đất trồng lúa có diện tích 70.000 mét vuông (m2) trở lên; đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có diện tích 100.000 mét vuông (m2) trở lên; đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp có diện tích 80.000 mét vuông (m2) trở lên”, “Đất có giá trị quyền sử dụng đất được quy thành tiền 7.000.000.000 đồng trở lên đối với đất nông nghiệp hoặc 15.000.000.000 đồng trở lên đối với đất phi nông nghiệp”.

Về hình phạt: Điều luật giữ nguyên như quy định của BLHS năm 1999.

***- Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ (Điều 231)***

Khoản 1 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng tình tiết “gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng”, khoản 2 đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng tình tiết “Gây thiệt hại hoặc thất thoát tiền, hàng cứu trợ 300.000.000 đồng trở lên”, “Gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội”.

***- Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản (Điều 232)***

+ Khoản 1 quy định việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này:

“a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m3) đến dưới 30 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m3) đến dưới 20 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 07 mét khối (m3) đến dưới 15 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng từ 15 mét khối (m3) đến dưới 30 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m3) đến dưới 20 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 07 mét khối (m3) đến dưới 15 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối (m3) đến dưới 10 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng từ 10 mét khối (m3) đến dưới 20 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối (m3) đến dưới 10 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 03 mét khối (m3) đến dưới 08 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 01 mét khối (m3) đến dưới 03 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA từ 01 mét khối (m3) đến dưới 02 mét khối (m3) tại rừng sản xuất, từ 0,5 mét khối (m3) đến dưới 1,5 mét khối (m3) tại rừng phòng hộ hoặc từ 0,5 mét khối (m3) đến dưới 01 mét khối (m3) tại rừng đặc dụng;

i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 1,5 mét khối (m3) đến dưới 03 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 10 mét khối (m3) đến dưới 20 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ loài thực vật rừng thông thường;

l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 600.000.000 đồng;

m) Khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép gỗ hoặc thực vật rừng ngoài gỗ có khối lượng hoặc trị giá dưới mức quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm l khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

+ Điều luật đã phân khoản 2 Điều 175 BLHS năm 1999 thành 02 khoản, khoản 2 đã cụ thể hóa trường hợp rất nghiêm trọng là một trong các trường hợp sau đây:

“a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng từ 40 mét khối (m3) đến dưới 80 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 30 mét khối (m3) đến dưới 50 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m3) đến dưới 30 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng từ 30 mét khối (m3) đến dưới 60 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 15 mét khối (m3) đến dưới 30 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m3) đến dưới 20 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 10 mét khối (m3) đến dưới 20 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 08 mét khối (m3) đến dưới 15 mét khối (m3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 03 mét khối (m3) đến dưới 10 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA từ 02 mét khối (m3) đến dưới 04 mét khối (m3) tại rừng sản xuất, từ 1,5 mét khối (m3) đến dưới 03 mét khối (m3) tại rừng phòng hộ hoặc từ 01 mét khối (m3) đến dưới 02 mét khối (m3) tại rừng đặc dụng;

i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 03 mét khối (m3) đến dưới 06 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m3) đến dưới 40 mét khối (m3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 40 mét khối (m3) đến dưới 80 mét khối (m3) gỗ loài thực vật rừng thông thường;

l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá từ 600.000.000 đồng đến dưới 1.200.000.000 đồng”.

+ Khoản 3 Điều luật đã cụ thể hóa trường hợp đặc biệt nghiêm trọng là một trong các trường hợp sau đây:

“a) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng 80 mét khối (m3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 50 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên 40 mét khối (m3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 30 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

 c) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng trồng 60 mét khối (m3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 40 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên 30 mét khối (m3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 20 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

đ) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng trồng 40 mét khối (m3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 20 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên 15 mét khối (m3) trở lên gỗ loài thực vật thông thường hoặc 10 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

g) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá 200.000.000 đồng trở lên; thực vật rừng thông thường ngoài gỗ trị giá 400.000.000 đồng trở lên;

h) Khai thác trái phép gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA 04 mét khối (m3) trở lên tại rừng sản xuất, 03 mét khối (m3) trở lên tại rừng phòng hộ hoặc 02 mét khối (m3) trở lên tại rừng đặc dụng;

i) Khai thác trái phép thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá 120.000.000 đồng trở lên;

k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép 06 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 40 mét khối (m3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 80 mét khối (m3) trở lên gỗ loài thực vật rừng thông thường;

l) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép loài thực vật rừng ngoài gỗ trị giá 1.200.000.000 đồng trở lên”.

+ Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

***- Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng (Điều 233)***

+ Khoản 1 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” là thực hiện một trong các hành vi sau đây:

“a) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật từ 20.000 mét vuông (m2) đến dưới 25.000 mét vuông (m2) đối với rừng sản xuất; từ 15.000 mét vuông (m2) đến dưới 20.000 mét vuông (m2) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 15.000 mét vuông (m2) đối với rừng đặc dụng;

b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 12.500 mét vuông (m2) đối với rừng sản xuất; từ 7.500 mét vuông (m2) đến dưới 10.000 mét vuông (m2) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 5.000 mét vuông (m2) đến dưới 7.500 mét vuông (m2) đối với rừng đặc dụng;

c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật này;

d) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng, cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật hoặc cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này và các điểm từ điểm a đến điểm l khoản 1 Điều 232 của Bộ luật này nhưng đã bị xử lý kỷ luật về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm”.

+ Khoản 2 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng” là một trong các trường hợp sau:

“c) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật từ 25.000 mét vuông (m2) đến dưới 40.000 mét vuông (m2) đối với rừng sản xuất; từ 20.000 mét vuông (m2) đến dưới 30.000 mét vuông (m2) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 15.000 mét vuông (m2) đến dưới 25.000 mét vuông (m2) đối với rừng đặc dụng;

d) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật từ 12.500 mét vuông (m2) đến dưới 17.000 mét vuông (m2) đối với rừng sản xuất; từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 15.000 mét vuông (m2) đối với rừng phòng hộ hoặc từ 7.500 mét vuông (m2) đến dưới 12.000 mét vuông (m2) đối với rừng đặc dụng;

đ) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm l khoản 2 Điều 232 của Bộ luật này”.

+ Khoản 3 Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” là một trong các trường hợp sau:

“a) Giao rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng trái pháp luật 40.000 mét vuông (m2) trở lên đối với rừng sản xuất; 30.000 mét vuông (m2) trở lên đối với rừng phòng hộ hoặc 25.000 mét vuông (m2) trở lên đối với rừng đặc dụng;

b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng trái pháp luật 17.000 mét vuông (m2) trở lên đối với rừng sản xuất; 15.000 mét vuông (m2) trở lên đối với rừng phòng hộ hoặc 12.000 mét vuông (m2) trở lên đối với rừng đặc dụng;

c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 232 của Bộ luật này”.

***- Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234)***

+ Đây là tội danh mới được bổ sung nhằm thực hiện đầy đủ các khuyến nghị của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều luật có 06 khoản, khoản 1 là cấu thành cơ bản quy định về việc xử lý hình sự đối với người thực hiện một trong các hành vi sau đây:

“a) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

c) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thu lợi bất chính hoặc trị giá dưới mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”.

+ Khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng gồm các tình tiết: “Có tổ chức”, “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”, “Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm”, “Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm”, “Vận chuyển, buôn bán qua biên giới”, “Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác trị giá từ 700.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng”, “Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Tái phạm nguy hiểm”.

+ Khoản 3 quy định về cấu thành định khung tăng nặng, với các tình tiết: “Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc của động vật hoang dã khác trị giá 1.500.000.000 đồng trở lên”, “Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên”.

+ Khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

+ Khoản 5 quy định về việc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này.

***- Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp (Điều 217a)***

Điều luật được chia thành 3 khoản:

Khoản 1 quy định việc xử lý hình sự đối với người tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 và Điều 290 của Bộ luật này:

“a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

c) Gây thiệt hại cho người khác từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.”

Khoản 2 quy định các tình tiết định khung tăng nặng “Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên”, “Gây thiệt hại cho người khác 1.500.000.000 đồng trở lên”, “Quy mô mạng lưới người tham gia 100 người trở lên”.

Khoản 3 quy định hình phạt bổ sung

Về hình phạt: khoản 1 quy định phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm; khoản 2 quy định phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; khoản 3 quy định hình phạt bổ sung phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**CHUYÊN ĐỀ**

**NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CHƯƠNG CÁC TỘI**

**XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA**

**CON NGƯỜI VÀ CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG**

Ngày 20-6-2017, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 về việc thi hành đạo luật này và 03 đạo luật khác có liên quan (Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13).

Có thể nói, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015) đánh dấu một bước tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Để góp phần triển khai, thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đã đặt ra, trong phạm vi chuyên đề này, chúng tôi xin giới thiệu khái quát những điểm mới sửa đổi, bổ sung trong Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và Chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.

**I. NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI**

***Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người gồm có 34 điều*** (từ Điều 123 đến Điều 156). Chương này bảo vệ quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe, nhân phẩm, danh sự của con người. ***So với Bộ luật hình sự năm 1999, Chương này của Bộ luật hình sự năm 2015 tăng 03 điều và có nhiều điểm được sửa đổi, bổ sung cơ bản*** như sau:

**1. Bảo đảm xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, nhất là đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội, cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung có tính chất định tính, trừu tượng (như hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, nhiều người, nhiều lần, ...) trong cấu thành của các tội phạm**

Thực hiện khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013, “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; trên cơ sở rà soát các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; lựa chọn những nội dung hướng dẫn về các tình tiết này đã được thực tiễn kiểm nghiệm, khẳng định là còn phù hợp nhằm tăng tính minh bạch, rõ ràng, ***BLHS năm 2015 đã lượng hóa nhiều tình tiết định tính trong Chương XII của Bộ luật hình sự năm 1999 như: “nhiều người”, “nhiều lần”, “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”; “trẻ em”, “người chưa thành niên”, “để đưa ra nước ngoài” bằng các quy định cụ thể trong Chương XIV của BLHS năm 2015***. Chương này đã ***thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ “tổn thương cơ thể”*** ở hầu hết các điều luật cho phù hợp với thực tiễn và phù hợp với các văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành (Thông tư 20/TT-BYT ngày 12-6-2014 quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần); ***bổ sung nhiều tình tiết định khung tăng nặng mới phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống nhóm tội phạm này, như: “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân”, “Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai”, “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”, “Đối với người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ”, “Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh”, “Làm nạn nhân tự sát”...***

**2. Sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (Điều 134)**

Thực tiễn thời gian qua có nhiều vụ việc người phạm tội ***gây thương tích cho nạn nhân bằng cách tạt axit***. Qua giám định thương tích, có thể tỷ lệ thương tích không lớn nhưng hậu quả để lại cho nạn nhân là vô cùng nghiêm trọng, hủy hoại cuộc sống, tương lai của nạn nhân, gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho họ và người thân trong suốt cuộc đời. Những hành vi này gây hoang mang, bức xúc và bất bình lớn trong nhân dân. Mức hình phạt đối với hành vi này không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khi căn cứ vào tỷ lệ thương tích của nạn nhân. Do vậy, ***Điều 134 BLHS năm 2015 đã bổ sung tình tiết “Dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm”*** và bổ sung tình tiết tăng nặng*“phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt tù, đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc”*, đồng thời, thay từ “thương tật” bằng cụm từ “tổn thương cơ thể”; cụ thể hóa tình tiết “nhiều người”, “phạm tội nhiều lần”, “trẻ em” bằng các tình tiết *“từ 02 người trở lên”, “phạm tội từ 02 lần trở lên”, “đối với 02 người trở lên”, “đối với người dưới 16 tuổi****”***; sửa đổi tình tiết “phụ nữ đang có thai” bằng tình tiết *“phụ nữ mà biết là có thai”* để khẳng định ý thức chủ quan của người phạm tội. Điều luật cũng đã bỏ tình tiết phạm tội nhiều lần đối với cùng một người.

***Cụ thể hóa các tình tiết dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác” bằng các tình tiết cụ thể***, rõ ràng hơn như*: “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%”, “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”, “Làm chết 02 người trở lên”….*

Điều luật cũng ***bổ sung trường hợp chuẩn bị phạm tội ở khoản 6*** là “Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.

***Về hình phạt, để cá thể hóa hình phạt, điều luật đã chia nhỏ khung hình phạt cho hợp lý hơn*** (BLHS năm 1999 có 04 khung hình phạt, BLHS năm 2015 có 06 khung hình phạt) ***và rút ngắn khoảng cách khung hình phạt***. Ví dụ như: ***Khoản 2 đã giảm mức hình phạt tù tối đa từ 07 năm xuống thành 06 năm***; khoản 3 có hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 4 có hình phạt tù từ 07 năm đến 14 năm; khoản 5 có hình phạt tù từ 12 năm đến đến 20 năm hoặc tù chung thân.

**3. Bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với nhiều tội danh và bổ sung việc xử lý hình sự đối với người chuẩn bị phạm tội**

- Thực hiện chủ trương mở rộng áp dụng hình phạt tiền được nêu tại Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị, BLHS năm 2015 đã bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các tội danh quy định ở các điều 135, 136, 138, 139, 155, 156.

- Bổ sung một khoản riêng ở Điều 123 (Tội giết người) và Điều 134 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác) về việc xử lý hình sự đối với người chuẩn bị phạm tội.

**4.** Để phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm và khuyến khích, động viên người dân tham gia phòng chống tội phạm; thống nhất với những quy định ở phần Chung, Điều 136 BLHS năm 2015 đã bổ sung trường hợp ***“vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội”*** và cụ thể hóa tình tiết “giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” bằng tình tiết ***“Phạm tội đối với 02 người trở lên”***.

**5. Mở rộng nội hàm khái niệm “giao cấu” đối với các tội xâm phạm tình dục**

Theo quy định của BLHS năm 1999 thì yếu tố bắt buộc để chứng minh một người phạm tội hiếp dâm, cưỡng dâm là thực hiện việc “giao cấu” với nạn nhân. Tuy nhiên, thế nào là “giao cấu” thì hiện nay chưa được giải thích hoặc hướng dẫn cụ thể nên dẫn đến có cách hiểu chưa thống nhất. Mặt khác, trong thực tiễn hiện nay đã xuất hiện các hành vi quan hệ tình dục phi truyền thống, quan hệ tình dục giữa những người cùng giới tính... Do vậy, để bảo vệ quyền con người trong đó có người đồng tính, bảo đảm phản ánh đúng những yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm tình dục, BLHS năm 2015 đã mở rộng nội hàm khái niệm “giao cấu” trong cấu thành các tội xâm phạm tình dục bằng cách bổ sung trường hợp***“thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*** *đối với các tội xâm phạm tình dục*, đồng thời, ***sửa đổi, bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng đối với nhóm tội này***. Cụ thể:

***- Tội hiếp dâm (Điều 141)***

+ Khoản 1 của Điều luật đã bổ sung hành vi *thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân*;

+ Cụ thể hóa tình tiết “phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người” thành *“phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”*;

+ Thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ *“tổn thương cơ thể”* và bổ sung tình tiết *“gây thương tích”* vào điểm h khoản 2, điểm a khoản 3;

+ Sửa đổi và bổ sung tình tiết định khung tăng nặng *“gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể* từ 31% đến 60%*”* ở khoản 2 và *“gây rối loạn tâm thần và hành vi* của nạn nhân mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* 61% trở lên*”* ở khoản 3.

**- *Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142)***

Theo quy định tại Điều 112 BLHS năm 1999 thì mọi hành vi giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm và phải chịu khung hình phạt cao nhất của tội này, là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Thực tiễn cho thấy, có nhiều trường hợp tuy là trẻ em dưới 13 tuổi nhưng do đã có sự phát triển về thể chất nên các em trưởng thành sớm so với độ tuổi, thêm vào đó, việc giao cấu là thuận tình. Vì vậy, việc quy định mọi trường hợp giao cấu với người dưới 13 tuổi đều phải chịu khung hình phạt cao nhất của điều luật là quá nghiêm khắc và chưa thật sự hợp lý. Để phân hóa chính sách hình sự, khoản 1 Điều 142 của ***BLHS năm 2015 quy định cụ thể hành vi hiếp dâm người dưới 16 tuổi (trẻ em) bao gồm 02 loại hành vi***: (1) Dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ; (2) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.

Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết “phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người” thành “phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”***; thay từ “thương tật” bằng cụm từ “tổn thương cơ thể” và bổ sung tình tiết “gây thương tích” vào điểm c khoản 2, điểm d khoản 3;

Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng *“Gây thương tích*, gây tổn hại cho sức khỏe *hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân* mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* từ 31% đến 60%*”* ở khoản 2 và *“gây rối loạn tâm thần và hành vi* của nạn nhân mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* 61% trở lên*”* ở khoản 3.

***- Tội cưỡng dâm (Điều 143)***

+ Khoản 1 của Điều luật đã bổ sung hành vi *“hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác”*;

+ Cụ thể hóa tình tiết “Cưỡng dâm nhiều lần”, “Cưỡng dâm nhiều người” thành “*Cưỡng dâm 02 lần trở lên”, “Cưỡng dâm 02 người trở lên”;*

+ Thay từ “thương tật” bằng cụm từ *“tổn thương cơ thể”* và bổ sung tình tiết *“gây thương tích”* vào điểm e khoản 2, điểm a khoản 3;

+ Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng *“Gây thương tích*, gây tổn hại cho sức khỏe *hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi* của nạn nhân mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* từ 31% đến 60%*”* ở khoản 2 và “*gây rối loạn tâm thần và hành vi* của nạn nhân mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* 61% trở lên*”* ở khoản 3.

+ Về hình phạt: khoản 1 của Điều luật đã nâng mức hình phạt tù tối thiểu lên thành 01 năm (theo khoản 1 Điều 113 của BLHS năm 1999 là 06 tháng); khoản 3 nâng mức hình phạt tù tối thiều lên thành 10 năm (theo khoản 3 Điều 113 của BLHS năm 1999 là 07 năm).

***- Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144)***

+ Khoản 1 của Điều luật đã ***quy định cụ thể và chi tiết hành vi cưỡng dâm trẻ em*** là *“Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác”*;

+ ***Cụ thể hóa tình tiết “Phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người”*** thành *“Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”*; thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ *“tổn thương cơ thể”* và bổ sung tình tiết *“gây thương tích”* vào điểm c khoản 2, điểm b khoản 3;

+ ***Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng*** *“Gây thương tích*, gây tổn hại cho sức khỏe *hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi* của nạn nhân mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* từ 31% đến 60%*”* ở khoản 2 và *“gây rối loạn tâm thần và hành vi* của nạn nhân mà tỷ lệ *tổn thương cơ thể* 61% trở lên*”* ở khoản 3.

***- Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145)***

+ Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, BLHS năm 2015 đã ***sửa đổi tên tội danh “Giao cấu với trẻ em”*** theo Điều 115 của BLHS năm 1999 ***thành “Tội giao cấu hoặc hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”***, đồng thời, ***bổ sung dấu hiệu định tội “thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*** *với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”* vào cấu thành tội phạm ở khoản 1;

+ ***Cụ thể hóa tình tiết “Cưỡng dâm nhiều lần”, “Cưỡng dâm nhiều người”*** thành *“Cưỡng dâm 02 lần trở lên”, “Cưỡng dâm 02 người trở lên”*; thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ *“tổn thương cơ thể”;*

+ ***Bổ sung tình tiết định khung “gây thương tích”*** vào điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3; bổ sung tình tiết định khung tăng nặng *“Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh”* vào khoản 2.

+ Về hình phạt: Điều luật đã ***bổ sung quy định về hình phạt bổ sung*** ở khoản 4 là “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

**6. Bổ sung Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147) và Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154)**

***- Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147)***

Mặc dù BLHS năm 1999 có quy định tội dâm ô với trẻ em. Tuy nhiên, việc quy định tội dâm ô với trẻ em chưa bao quát hết các hành vi xâm hại tình dục trẻ em xảy ra trên thực tiễn trong thời gian qua. Theo cách hiểu hiện nay về dâm ô thì hành vi dâm ô được coi là hành vi đụng chạm vào những bộ phận nhạy cảm của người phạm tội. Trong thực tiễn còn nhiều trường hợp, người phạm tội ép buộc trẻ em phải biểu diễn các hành vi khiêu dâm, đóng phim khiêu dâm hoặc buộc trẻ em phải xem những hình ảnh khiêm dâm… Đây là những hành vi nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển của trẻ em. Do vậy, BLHS năm 2015 đã ***bổ sung tội danh này với chủ thể của tội phạm phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên***.

Điều luật được thiết kế gồm 04 khoản:

+ Khoản 1 quy định cấu thành cơ bản của tội này, bao gồm các hành vi: “lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức”;

+ Khoản 2 quy định khung tăng nặng với 07 tình tiết định khung: (1) phạm tội có tổ chức; (2) phạm tội 02 lần trở lên; (3) phạm tội đối với 02 người trở lên; (4) phạm tội đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; (5) có mục đích thương mại; (6) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; (7) tái phạm nguy hiểm.

+ Khoản 3 quy định khung tăng nặng đặc biệt với 02 tình tiết định khung: (1) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; (2) làm nạn nhân tự sát”.

+ Khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

Về hình phạt: thể hiện chính sách hình sự nghiêm khắc đối với tội phạm này, Điều luật quy định hình phạt chính là hình phạt tù. Khoản 1 quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 3 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 12 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***- Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154)***

Điều luật được bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong thời gian qua xảy ra những hành vi mua bán, chiếm đoạt mô, bộ phận cơ thể người và bảo đảm tính thống nhất với Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến lấy xác và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều luật được thiết kế gồm 04 khoản, khoản 1 quy định cấu thành cơ bản của tội này là *“mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khác”*; khoản 2 quy định về cấu thành định khung tăng nặng với 06 tình tiết định khung: (1) có tổ chức; (2) vì mục đích thương mại; (3) lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp; (4) phạm tội đối với từ 02 người đến 05 người; (5) phạm tội 02 lần trở lên; (6) gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; khoản 3 quy định khung tăng nặng đặc biệt với 05 tình tiết định khung: (1) có tính chất chuyên nghiệp; (2) gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; (3) phạm tội đối với 06 người trở lên; (4) gây chết người; (5) tái phạm nguy hiểm; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung.

- Về hình phạt: khoản 1 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, khoản 3 quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

**7. Sửa đổi, bổ sung quy định về tội mua bán người và tội mua bán trẻ em để phù hợp với yêu cầu của thực tế và đáp ứng yêu cầu của Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em**

BLHS năm 2015 đã ***sửa đổi cơ bản cấu thành của tội mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi*** trên tinh thần Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Đồng thời, ***tách tội ghép “mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em”*** được quy định tại Điều 120 BLHS năm 1999 ***thành 03 tội danh độc lập*** là tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151), tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152) và tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153) nhằm phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng tội phạm trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Cụ thể:

***- Tội mua bán người (Điều 150)***

Nhằm nội luật hóa các qui định có liên quan của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người, Điều luật đã cụ thể hóa khái niệm mua bán người là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi:

+ Khoản 1 Điều luật đã ***cụ thể hóa khái niệm mua bán người*** là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau:

(1) chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;

(2) chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

(3) tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện các hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người nêu trên.

+ Khoản 2 đã ***cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng*** “Để đưa ra nước ngoài”, “Đối với nhiều người”, “Phạm tội nhiều lần” bằng các tình tiết *“Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước CHXHCN Việt Nam”, “Đối với từ 02 đến 05 người”, “Phạm tội 02 lần trở lên”*, đồng thời, bổ sung mới các tình tiết định khung tăng nặng: (1) vì động cơ đê hèn; (2) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; (3) gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên, trừ trường hợp đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân.

+ Bổ sung mới khoản 3 với 06 tình tiết định khung tăng nặng gồm:

(1) có tính chất chuyên nghiệp (tình tiết này được tách từ khoản 2 Điều 119 của BLHS năm 1999);

(2) đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

(3) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

(4) làm nạn nhân chết hoặc tự sát;

(5) phạm tội đối với 06 người trở lên;

(6) tái phạm nguy hiểm.

+ Về hình phạt: Khoản 1 đã ***nâng mức phạt tù lên*** thành “từ 05 năm đến 10 năm” (theo khoản 1 Điều 119 của BLHS năm 1999 là từ 02 năm đến 07 năm); khoản 2 quy định hình phạt tù từ 08 năm đến 15 năm; khoản 3 quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung theo hướng bổ sung hình phạt “tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” và nâng mức phạt tiền bổ sung lên thành “từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” (theo khoản 3 Điều 119 của BLHS năm 1999 là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng).

***- Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151)***

Đây là tội danh được tách từ tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120 của BLHS năm 1999). Điều luật này đã nội luật hóa các quy định của Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

+ Khoản 1 Điều luật quy định ***cụ thể hóa các hành vi mua bán người dưới 16 tuổi***, bao gồm:

(1)chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

(2) chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

(3) tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người nêu trên.

+ Khoản 2 đã ***cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng*** “Để đưa ra nước ngoài”, “Đối với nhiều trẻ em” thành các tình tiết *“Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, “Đối với từ 02 đến 05 người”*; ***cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng”*** bằng các tình tiết: “Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này”, đồng thời, ***bổ sung mới 04 tình tiết định khung tăng nặng***:

(1) phạm tội 02 lần trở lên;

(2) lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

(3) lợi dụng hoạt động cho nhận con nuôi để phạm tội;

(4) đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ ***Bổ sung mới khoản 3 với 07 tình tiết định khung tăng nặng***, trong đó, các tình tiết “có tổ chức”, “có tính chất chuyên nghiệp”, “tái phạm nguy hiểm” được tách ra từ khoản 2 Điều 120 của BLHS năm 1999 và bổ sung mới 04 tình tiết định khung tăng nặng: (1) *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; (2) đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; (3) “Làm nạn nhân chết hoặc tự sát”; (4) phạm tội đối với 06 người trở lên”*.

+ Về hình phạt: khoản 1 đã ***nâng mức hình phạt tù lên*** thành “từ 07 năm đến 12 năm” (theo khoản 1 Điều 120 của BLHS năm 1999 là tù từ 03 năm đến 10 năm); khoản 2 quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm; khoản 3 quy định hình phạt tù từ 18 năm đến 20 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung theo hướng bổ sung hình phạt “tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” và nâng mức phạt tiền bổ sung lên thành “từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng” (theo khoản 3 Điều 119 của BLHS năm 1999 là từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng).

***- Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152)***

+ Điều luật đã ***sửa đổi cụm từ “trẻ em” thành “người dưới 01 tuổi”*** để phù hợp với thực tiễn, vì trẻ em dưới 01 tuổi mới khó nhận biết để có khả năng đánh tráo tráo được và phù hợp với các quy định của Luật Trẻ em.

+ Khoản 2 ***bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng*** *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp”, “Đối với người dưới 01 tuổi mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng”, “Phạm tội 02 lần trở lên”*.

+ Bổ sung mới khoản 3 với 02 tình tiết định khung tăng nặng là *“Có tính chất chuyên nghiệp” và “Tái phạm nguy hiểm”*. Đây là 02 tình tiết được tách ra từ khoản 2 Điều 120 của BLHS năm 1999.

+ Về hình phạt: để cá thể hóa hình phạt đối với tội phạm này phù hợp với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Điều luật đã ***giảm mức hình phạt tù*** ở khoản 1 xuống còn “từ 02 năm đến 05 năm” (theo khoản 1 Điều 120 của BLHS năm 1999 là từ 03 năm đến 10 năm); khoản 2 quy định mức phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 3 quy định mức phạt tù từ 07 năm đến 12 năm; khoản 4 đã bỏ hình phạt quản chế và nâng mức tối thiểu của hình phạt tiền bổ sung lên thành 10 triệu (theo khoản 3 Điều 120 của BLHS năm 1999 là 05 triệu).

***- Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153)***

+ Để bảo đảm việc áp dụng trong thực tiễn được thống nhất, khoản 1 của Điều luật đã ***cụ thể hóa hành vi chiếm đoạt*** bao gồm *“dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi”*.

+ Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết “Đối với nhiều trẻ em” và tình tiết “Gây hậu quả nghiêm trọng”*** quy định tại khoản 2 Điều 120 của BLHS năm 1999 thành các tình tiết: *“Đối với từ 02 người đến 05 người”* ở khoản 2 và *“Đối với 06 người trở lên”* ở khoản 3; *“Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%”* ở khoản 2 và *“Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên”, “Làm nạn nhân chết”* ở khoản 3.

+ Điều luật cũng ***bổ sung thêm một số tình tiết định khung tăng nặng*** *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp”, “Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng”, “Phạm tội 02 lần trở lên”* ở khoản 2. Điều luật cũng chuyển các tình tiết *“Có tính chất chuyên nghiệp”, “Tái phạm nguy hiểm”* ở khoản 2 Điều 120 của BLHS năm 1999 lên khoản 3 Điều 153 của BLHS năm 2015.

+ Về hình phạt: để cá thể hóa hình phạt đối với tội phạm này phù hợp với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Điều luật đã ***giảm mức hình phạt tù tối đa*** ở khoản 1 xuống còn 07 năm (theo khoản 1 Điều 120 của BLHS năm 1999 là 10 năm); khoản 2 quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 3 quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm; khoản 4 quy định về hình phạt bổ sung đã bỏ hình phạt quản chế và nâng mức tối thiểu của hình phạt tiền bổ sung lên thành 10 triệu đồng (theo khoản 3 Điều 120 của BLHS năm 1999 là 05 triệu đồng).

**8. Những điểm mới sửa đổi, bổ sung cụ thể trong các điều luật khác**

***- Tội giết người (Điều 123)***

Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết giết nhiều người, giết trẻ em*** thành ***“giết từ 02 người trở lên”*** và ***“giết người từ 16 tuổi trở lên”***; thay cụm từ “phạm một tội” thành ***“thực hiện một tội phạm”*** ở điểm e khoản 1.

Về hình phạt: để đảm bảo tính khoa học, phù hợp với thực tiễn, Điều luật đã ***bỏ hình phạt bổ sung “cấm đảm nhiệm chức vụ”***.

***- Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124)***

Trong quá trình xây dựng dự án BLHS (sửa đổi), có ý kiến đề nghị nên cân nhắc sửa tên tội danh này vì tên tội không bao quát hành vi và ở tội giết người, nếu giết trẻ em thì có thể tử hình, còn ở tội này, giết con mới đẻ (cũng là trẻ em) thì hình phạt lại rất nhẹ. Với quan điểm đây là trường hợp đặc biệt, do người mẹ mang nặng đẻ đau và thường bất ổn về tâm sinh lý trong thời gian này và khi gặp hoàn cảnh khách quan đặc biệt hoặc do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu họ mới giết hoặc vứt bỏ con mình nên họ cũng rất đáng thương. Do vậy, điều luật đã giữ nguyên chính sách hình sự đối với tội danh này. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất giữa tên tội danh và nội dung, Điều luật ***bổ sung cụm từ “hoặc vứt bỏ”*** vào tên điều luật; ***tách cấu thành của tội phạm thành 02 khoản*** để phân hóa trách nhiệm hình sự giữa hành vi giết con và hành vi vứt bỏ con dẫn đến hậu quả đứa trẻ bị chết: khoản 1 quy định về hành vi giết con mới đẻ, khoản 2 quy định về hành vi vứt bỏ con mới đẻ; khoản 1, khoản 2 của Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết “mới đẻ” bằng tình tiết* “*do mình* đẻ *ra trong 07 ngày tuổi”****.*

Về hình phạt: để phân hóa trách nhiệm hình sự giữa hành vi giết con mới đẻ và hành vi vứt bỏ con mới đẻ, Điều luật đã ***bỏ hình phạt “cải tạo không giam giữ đến hai năm”*** và quy định phạt tù từ *06 tháng đến 03 năm* đối với hành vi giết con mới đẻ (tăng so với mức phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm theo Điều 94 của BLHS năm 1999); đồng thời giữ nguyên mức hình phạt và loại hình phạt đối với hành vi vứt bỏ con mới đẻ.

***- Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh***

Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết “giết nhiều người*** trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” thành *“phạm tội đối với 02 người trở lên”.*

***- Điều 127. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ***

Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết làm chết nhiều người*** hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác thành các tình tiết định khung tăng nặng: *“làm chết 02 người trở lên”; “Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai”*.

Về hình phạt: Điều luật đã ***tăng mức hình phạt tù*** ở khoản 1 lên thành *“từ 05 năm đến 10 năm”* (theo khoản 1 Điều 97 của BLHS năm 1999 là từ 02 năm đến 07 năm); tăng mức phạt tù tối thiểu ở khoản 2 lên thành 08 năm (theo khoản 2 Điều 97 của BLHS năm 1999 là 07 năm).

***- Tội vô ý làm chết người (Điều 128)***

Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết làm chết nhiều người*** thành *“làm chết 02 người trở lên”*.

Về hình phạt: tại khoản 1 của Điều luật đã ***bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ*** đến 03 năm và ***nâng mức phạt tù tối thiểu lên*** thành 01 năm (theo khoản 1 Điều 98 của BLHS năm 1999 là 06 tháng).

***- Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 129)***

Để phù hợp với các tội phạm khác, điều luât đã ***giảm mức hình phạt tù tối đa*** ở khoản 1 từ 06 năm xuống còn ***05 năm*** và cụ thể hóa tình tiết làm chết nhiều người thành ***“làm chết 02 người trở lên”*** ở khoản 2.

***- Tội bức tử (Điều 130)***

Điều luật đã ***cụ thể hóa tình tiết định khung tăng nặng “làm nhiều người tự sát”*** thành “đối với 02 người trở lên” và bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2 của Điều luật là: “Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai”***.***

***- Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 131)***

Điều luật đã ***cụ thể hóa hành vi “xúi giục làm người khác tự sát hoặc giúp người khác tự sát”*** bằng các hành vi: “Kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tự tước đoạt tính mạng của họ”; “Tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho người khác tự tước đoạt tính mạng của họ”. Khoản 2 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết làm nhiều người tự sát thành “làm 02 người trở lên tự sát”***.***

***- Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132)***

Điều luật đã ***bổ sung khung cấu thành tăng nặng ở khoản 3*** là “Phạm tội dẫn đến hậu quả 02 người trở lên chết, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm”.

***- Tội đe dọa giết người (Điều 133)***

Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “Đối với nhiều người”, “Đối với trẻ em” thành ***“Đối với 02 người trở lên”, “Đối với người dưới 16 tuổi”***; bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ***“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”***. Ngoài ra, khoản 2 cũng làm rõ trường hợp đối với người thi hành công vụ phải là đang thi hành công vụ.

Về hình phạt: Điều luật đã ***nâng mức tối đa của hình phạt cải tạo không giam giữ*** từ 02 năm lên thành 03 năm và nâng mức khởi điểm của hình phạt tù ở khoản 1 từ 03 tháng lên thành 06 tháng.

***- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 136)***

+ Để phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm và khuyến khích, động viên người dân tham gia phòng chống tội phạm cũng như bảo đảm sự thống nhất với Phần Những quy định chung của Bộ luật, Điều 136 của BLHS năm 2015 đã ***bổ sung hành vi “cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%*** *do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội*” vào cấu thành cơ bản ở khoản 1;

+ Thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ *“tổn thương cơ thể”*; cụ thể hóa tình tiết tăng nặng “giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” bằng tình tiết *“Phạm tội đối với 02 người trở lên”*.

+ Phân hóa về tỷ lệ tổn thương cơ thể và dẫn đến chết người để cá thể hóa trách nhiệm hình sự được chính xác như: giới hạn tỷ lệ tổn thương cơ thể đến 60% thì bị xử lý hình sự ở khoản 1; tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên của mỗi người hoặc của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60% thì bị xử lý hình sự ở khoản 2; dẫn đến chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên thì bị xử lý hình sự theo khoản 3.

+ Về hình phạt: khoản 1 của Điều luật đã ***bỏ hình phạt cảnh cáo, hình phạt tù và bổ sung hình phạt tiền***; ***nâng mức tối đa của hình phạt cải tạo không giam giữ*** lên thành 03 năm (theo khoản 1 Điều 106 của BLHS năm 1999 là 02 năm); khoản 2 có hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm; khoản 3 có hình phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

***- Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137)***

+ Điều luật thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ “tổn thương cơ thể” và có sự phân hóa về tỷ lệ tổn thương cơ thể để cá thể hóa trách nhiệm hình sự được chính xác như: giới hạn tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% thì bị xử lý hình sự ở khoản 1; tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên của mỗi người hoặc của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% trở lên thì bị xử lý hình sự ở khoản 2;

+ Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2 “Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ”.

+ Về hình phạt: nâng mức hình phạt tù tối thiểu ở khoản lên thành 06 tháng (theo khoản 1 Điều 107 của BLHS năm 1999 là 03 tháng).

***- Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 138)***

Điều luật thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ *“tổn thương cơ thể”* và có sự phân hóa về tỷ lệ tổn thương cơ thể để cá thể hóa trách nhiệm hình sự được chính xác như: giới hạn tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% thì bị xử lý hình sự ở khoản 1; tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên của mỗi người hoặc của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60 % thì bị xử lý hình sự ở khoản 2; gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên thì bị xử lý hình sự theo khoản 3.

Về hình phạt: ***Khoản 1 của Điều luật đã bỏ hình phạt tù, bổ sung hình phạt tiền và giảm mức hình phạt cải tạo không giam giữ*** xuống còn 01 năm (theo khoản 1 Điều 108 BLHS năm 1999 là 02 năm); khoản 2 bổ sung hình phạt *cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 02 năm,* quy định hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm; khoản 3 bổ sung hình phạt *cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm,* quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

Điều luật đã ***bỏ hình phạt bổ sung “cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định*** từ 01 năm đến 05 năm” đối với người phạm tội này.

***- Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 139)***

Điều luật thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ ***“tổn thương cơ thể”*** và có sự phân hóa về tỷ lệ tổn thương cơ thể để cá thể hóa trách nhiệm hình sự được chính xác như: giới hạn tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% thì bị xử lý hình sự ở khoản 1; tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên của mỗi người hoặc của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60 % thì bị xử lý hình sự ở khoản 2; gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên thì bị xử lý hình sự theo khoản 3.

Về hình phạt: khoản 1 của Điều luật đã ***bổ sung hình phạt tiền*** (từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng) ***và phạt cải tạo không giam giữ*** đến 02 năm, ***giảm mức hình phạt tù tối thiểu và tối đa*** ở khoản 1 xuống còn từ 03 tháng đến 01 năm (hiện hành là 06 tháng đến 03 năm); khoản 2 có hình phạt phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm đến 03 năm hoặcphạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; khoản 3 có hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

***- Tội hành hạ người khác (Điều 140)***

Khoản 1 của Điều luật đã ***bổ sung hành vi “làm nhục người lệ thuộc mình nếu không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 185 của Bộ luật hình sự năm 2015”***; sửa đổi và bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2 là: ***“Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ”; “***Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên***”; “Đối với 02 người trở lên”***.

Về hình phạt: khoản 1 của Điều luật đã ***bỏ hình phạt cảnh cáo, nâng mức hình phạt cải tạo không giam giữ*** từ 01 năm lên thành 03 năm; khoản 2 có hình phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

***- Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146)***

Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2 “Phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người”, “gây hậu quả nghiêm trọng” thành các tình tiết ***“Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”, “***Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%***”***; bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ***“Phạm tội có tổ chức”*** ở khoản 2. Khoản 3 của Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc dặc biệt nghiêm trọng” bằng các tình tiết “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên***”*** và ***“làm nạn nhân tự sát”.***

***- Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148)***

+ Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn là trong một số trường hợp nạn nhân đã biết về tình trạng nhiễm HIV của người bị HIV nhưng vẫn tự nguyện quan hệ tình dục nên khoản 1 Điều 148 đã bổ sung quy định loại trừ đối với trường hợp “nạn nhân đã biết về tình trạng nhiễm HIV của người bị HIV và tự nguyện quan hệ tình dục”. Theo quy định này thì người biết mình bị nhiễm HIV mà lây truyền HIV cho người khác sẽ không bị xử lý về hình sự;

+ Cụ thể hóa tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2 “Đối với nhiều người”, “Đối với người chưa thành niên” thành các tình tiết *“Đối với 02 người trở lên”, “Đối với người dưới 18 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 145 của Bộ luật này”*;

+ Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng *“Đối với phụ nữ mà biết là có thai”* ở khoản 2.

***- Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149)***

Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết định khung tăng nặng “Đối với nhiều người” thành tình tiết ***“Đối với từ 02 người đến 05 người”*** ở khoản 2 và ***“Đối với 06 người trở lên”*** ở khoản 3; bổ sung tình tiết định khung tăng nặng ***“***Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%***”*** ở khoản 2; bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng: ***“***Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên***”, “Đối với phụ nữ mà biết là có thai”, “Làm nạn nhân tự sát”*** ở khoản 3.

Về hình phạt: Điều luật đã giảm mức hình phạt tối đa ở khoản 1 từ 10 năm xuống thành 07 năm. Khoản 2 được tách thành 02 khoản, khoản 2 có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, khoản 3 có hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

***- Tội làm nhục người khác (Điều 155)***

Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “Phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người” thành ***“Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”;*** bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng ***“Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội”, “***Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%***”*** ở khoản 2; khoản 3 là khoản mới được bổ sung với các tình tiết định khung: ***“***Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên***”, “Làm nạn nhân tự sát”***.

Ngoài ra, khoản 2 cũng làm rõ trường hợp đối với người thi hành công vụ phải là đang thi hành công vụ.

Về hình phạt: khoản 1 của Điều luật đã bỏ hình phạt cảnh cáo, hình phạt tù, bổ sung hình phạt tiền và nâng mức tối đa của hình phạt cải tạo không giam giữ từ 02 năm lên thành 03 năm; giảm mức hình phạt tù tối thiếu và tối đa ở khoản 2 xuống thành “03 tháng đến 02 năm” (hiện hành là tù từ 01 năm đến 03 năm); bổ sung khoản 3 với hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

***- Tội vu khống (Điều 156)***

+ Khoản 1 của điều luật quy định rõ mức độ xúc phạm nhân phẩm, danh dự của hành vi bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật phải đến mức nghiêm trọng thì mới xử lý về hình sự.

+ Khoản 2 đã cụ thể hóa tình tiết “Đối với nhiều người” thành *“Đối với 02 người trở lên”*; tình tiết phạm tội “đối với người thi hành công vụ” thành “đối với người đang thi hành công vụ” (điểm đ khoản 2 Điều 156), đồng thời, bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng *“Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội”, “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%”* .

+ Bổ sung khoản 3 mới với các tình tiết định khung: *“Vì động cơ đê hèn”, “Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên”*.

+ Về hình phạt: Khoản 1 của Điều luật đã bỏ hình phạt cảnh cáo; bổ sung hình phạt tiền và giảm mức hình phạt tù tối đa xuống còn 01 năm (theo khoản 1 Điều 122 của BLHS năm 1999 là 02 năm); khoản 2 đã giảm mức hình phạt tù tối đa xuống còn 03 năm (theo khoản 2 Điều 122 của BLHS năm 1999 là 07 năm); khoản 3 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 4 đã nâng mức phạt tiền bổ sung lên thành “từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” (theo khoản 3 Điều 122 của BLHS năm 1999 là từ 01 triệu đồng đến 10 triệu đồng).

**II. NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CHƯƠNG CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG**

***Chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng gồm 69 điều (tăng 09 điều*** so với BLHS năm 1999), từ Điều 260 đến Điều 329, chia thành 04 mục:

Mục 1 quy định về các tội xâm phạm an toàn giao thông;

Mục 2 quy định về các tội phạm trong lĩnh vực thông tin và mạng viễn thông;

Mục 3 quy định về các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng;

Mục 4 quy định về các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng.

Quán triệt mục tiêu, yêu cầu và quan điểm chỉ đạo xây dựng BLHS, Chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng của BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung với những nội dung mới cơ bản sau đây:

- Một trong những yêu cầu của việc xây dựng BLHS mới là phải bảo đảm tính cụ thể, minh bạch, khả thi của BLHS; do đó, một trong những nội dung mới quan trọng của BLHS năm 2015 nói chung, các quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng tại Chương XXI nói riêng là đã cụ thể hóa cấu thành tội phạm và lượng hóa mức độ thiệt hại, hậu quả của tội phạm, thu lợi bất chính của người phạm tội tại các cấu thành tội phạm;

- Bổ sung, tội phạm hóa một số hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội mới xuất hiện xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và thực hiện các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên;

- Tách một số điều luật quy định tội phạm ghép thành các điều luật quy định tội phạm đơn để phân hóa, bảo đảm công bằng về chính sách hình sự, nâng cao tính khoa học về trong kỹ thuật lập pháp;

- Thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng thể hiện trong Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 48-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW, đặc biệt là chủ trương: “Đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ” đối với một số loại tội phạm, cũng như quy định ở nhiều chương khác của BLHS năm 2015, các quy định của Chương XXI cũng được sửa đổi theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền.

**1. Về các tội xâm phạm trật tự giao thông (Mục 1)**

Các tội xâm phạm trật tự giao thông được quy định tại Mục 1 của Chương này gồm 26 điều (tăng 03 điều so với BLHS năm 1999), từ Điều 260 đến Điều 285.

Cũng như BLHS năm 1999, các tội xâm phạm trật tự giao thông quy định về các tội phạm trên cả 04 lĩnh vực giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường không. Tuy nhiên, so với BLHS năm 1999, quy định về các tội phạm này trong BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung với những điểm mới là:

- Cụ thể hóa định lượng hậu quả của tội phạm tại các điều khoản. Trong BLHS năm 1999, nhiều điều luật quy định: “Gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” là dấu hiệu cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quán triệt yêu cầu xây dựng BLHS lần này là phải bảo đảm tính cụ thể, minh bạch, khả thi nên các điều luật của BLHS năm 2015 quy định về các tội phạm nói chung, các điều luật quy định về các tội xâm phạm trật tự giao thông nói riêng đã lượng hóa cụ thể thiệt hại, hậu quả thay cho các tình tiết chưa cụ thể, rõ ràng nêu trên. Việc lượng hóa được thực hiện trên cơ sở pháp điển hóa Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của BLHS (Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC) về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông, đó là:

+ Ngoài những dấu hiệu định tội, định khung hình phạt khác thì gây thiệt hại tính mạng, sức khỏe cho người khác, gây thiệt hại về tài sản của người khác thuộc khoản 1 là:

\* Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

\* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

\* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

\* Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

+ Ngoài những dấu hiệu định tội, định khung hình phạt khác thì gây thiệt hại tính mạng, sức khỏe cho người khác, gây thiệt hại về tài sản của người khác thuộc khoản 2 là:

\* Làm chết 02 người;

\* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

\* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

\* Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

+ Ngoài những dấu hiệu định tội, định khung hình phạt khác thì gây thiệt hại tính mạng, sức khỏe cho người khác, gây thiệt hại về tài sản của người khác thuộc khoản 3 là:

\* Làm chết 03 người trở lên;

\* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

\* Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

\* Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

+ Thiệt hại thuộc khoản 4 là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.

+ Trong nhiều điều luật quy định về các tội xâm phạm trật tự giao thông của BLHS năm 1999 quy định trách nhiệm hình sự đối với trường hợp thực hiện hành vi vi phạm có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời, nay BLHS năm 2015 thay bằng quy định tại điều luật.

+ Nhiều điều luật của Mục này trong BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung mô tả cụ thể cấu thành tội phạm như Điều 263. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ; Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

+ BLHS năm 2015 tách một số điều luật của BLHS năm 1999 quy định tội phạm ghép thành các điều luật quy định tội phạm đơn:

+ Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ (Điều 205 BLHS năm 1999) thành: tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều 263) và tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều 264).

+ Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường sắt (Điều 211 BLHS năm 1999) thành: tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường sắt (Điều 270) và tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường sắt (Điều 271).

+ Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy (Điều 215 BLHS năm 1999) thành: tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường thủy (Điều 275) và tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường thủy (Điều 276).

Mục đích của việc tách điều luật là để quy định cụ thể cấu thành của từng tội phạm và phân hóa trách nhiệm hình sự đối với các loại hành vi phạm tội này: hành vi vi phạm trong điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông có tính chất, mức độ nguy hiểm hơn hành vi vi phạm về giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông.

+ BLHS năm 2015 bổ sung phạt tiền là hình phạt chính đối với tội cản trở giao thông đường bộ (Điều 261); tổ chức đua xe trái phép (Điều 265); đua xe trái phép (Điều 266).

Ngoài những sửa đổi nêu trên, các điều luật trong Chương này cũng có những sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

***- Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ***

So với Điều 202 BLHS năm 1999, Điều 260 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Mở rộng chủ thể của tội phạm: theo quy định của BLHS năm 1999, chủ thể của tội phạm này là người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Tuy nhiên, theo quy định của Luật giao thông đường bộ năm 2008 thì phương tiện giao thông đường bộ gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ (không gồm xe máy chuyên dụng). Quy định như trên dẫn đến không xử lý đối với người điều khiển xe máy chuyên dụng và người đi bộ, người điều khiển, dẫn dắt gia súc vi phạm các quy định trật tự, an toàn giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Do đó, Điều luật này được sửa đổi mở rộng chủ thể của tội phạm. Tên và nội dung của Điều luật được sửa thay quy định: “Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” bằng quy định: “Tham gia giao thông đường bộ” để xử lý đối với người điều khiển xe máy chuyên dụng và người đi bộ, người điều khiển, dẫn dắt gia súc vi phạm các quy định trật tự, an toàn giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 202 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 260 BLHS năm 2015, hành vi vi phạmquy định về tham gia giao thông đường bộ chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Thay đổi khung hình phạt tiền là hình phạt chính tại khoản 1 so với Điều 202 BLHS 1999 từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành: từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và thay đổi mức phạt tù tối thiểu tại khoản 1 là từ 06 tháng theo Điều 202 BLHS năm 1999 lên thành 01 năm.

+ Bổ sung hình phạt tiền bên cạnh hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù theo quy định của Điều 202 BLHS năm 1999 đối với hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ tuy không gây ra hậu quả nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả thuộc trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 202 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Nay Điều 260 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Việc sửa đổi này nhằm bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong áp dụng quy định của Điều luật.

***- Điều 261. Tội cản trở giao thông đường bộ***

So với Điều 203 BLHS năm 1999, Điều 261 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Bổ sung các hành vi: san lấp trái phép các công trình giao thông đường bộ; để trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, đổ chất gây trơn, vật sắc nhọn hoặc các chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy; sử dụng trái phéphành lang an toàn đường bộ khi thi công trên đường bộ để cụ thể hóa và thay thế các hành vi lấn chiếm, chiếm dụng vỉa hè, lòng đường; lấn chiếm hành lang bảo vệ đường bộ; hành vi khác gây cản trở giao thông đường bộ;

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 203 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 261 BLHS năm 2015, hành vi cản trở giao thông đường bộ chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Thay đổi khung hình phạt tiền là hình phạt chính tại khoản 1 so với Điều 203 BLHS năm 1999 là 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thành 30.000.000 đến 100.000.000 đồng và thay đổi mức phạt tù tối thiểu tại khoản 1 là từ 03 tháng theo Điều 203 BLHS năm 1999 lên thành 06 tháng.

+ Bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính tại khoản 2 áp dụng đối với tội phạm nghiêm trọng.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 203 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Nay Điều 261 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Việc sửa đổi này nhằm bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong áp dụng quy định của Điều luật.

***- Điều 262. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật tham gia giao thông***

So với Điều 204 BLHS năm 1999, Điều 262 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Điều luật được sửa đổi theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh. Theo Điều 204 BLHS năm 1999, đối tượng tác động của tội phạm này chỉ là phương tiện cơ giao thông đường bộ, nay theo Điều 262 BLHS năm 2015, ngoài phương tiện cơ giao thông đường bộ còn cả xe máy chuyên dùng. Theo đó, người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 262 BLHS năm 2015 thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều luật này nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 204 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 262 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Thay đổi khung hình phạt tiền là hình phạt chính tại khoản 1 so với Điều 204 BLHS 1999 là: từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành: từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và thay đổi mức phạt tù tối đa tại khoản 1 từ 05 năm xuống 03 năm so với Điều 204 BLHS 1999.

+ Tách khoản 2 Điều 204 BLHS 1999 thành 02 khoản độc lập, theo đó khoản 2 Điều 262 BLHS 2015 quy định cụ thể tình tiết: “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” với khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm; khoản 3 Điều 262 BLHS năm 2015 quy định cụ thể tình tiết: “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” với khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm”. Việc quy định như vậy nhằm phân hóa trách nhiệm hình sự giữa trường hợp phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

***- Điều 263. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ***

So với Điều 205 BLHS năm 1999, Điều 263 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Điều này được tách ra từ tội ghép Điều 205. Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ tại BLHS năm 1999.

+ Tại khoản 1 đã quy định cụ thể các hành vi phạm tội so với quy định của Điều 205 BLHS năm 1999, đó là hành vi của người có thẩm quyền mà biết rõ người không có giấy phép lái xe, không đủ sức khỏe, độ tuổi để điều khiển phương tiện hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật mà vẫn điều động người đó điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều luật.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 205 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 263 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm trong lĩnh vực này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Thay đổi khung hình phạt tiền là hình phạt chính tại khoản 1 so với Điều 205 BLHS năm 1999 là từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thành: từ 20.000.000 đến 100.000.000 đồng.

***- Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ***

So với Điều 205 BLHS năm 1999, Điều 264 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Điều này được tách ra từ tội ghép quy định tại Điều 205 BLHS năm 1999: Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

+ Khoản 1 Điều 264 BLHS năm 2015 được sửa theo hướng quy định cụ thể các hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm so với quy định của Điều 205 BLHS năm 1999, đó là hành vi giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiệntham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều luật. Việc sửa đổi này để bảo đảm tính minh bạch của Điều luật và thống nhất trong áp dụng pháp luật hình sự.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 205 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 264 BLHS năm 2015, hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Thay đổi mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 quy định tại khoản 1 Điều 205 BLHS năm 1999 thành 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và bỏ hình phạt tù có thời hạn tại khoản 1.

+ Bổ sung phạt tiền là hình phạt chính và thay đổi mức phạt tù: từ 02 năm đến 07 năm xuống thành: từ 06 tháng đến 03 năm tại khoản 2 Điều luật.

+ Thay đổi khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm xuống thành: từ 02 năm đến 07 năm tại khoản 3 Điều luật.

+ Thay thế hình phạt bổ sung của tội phạm này là: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm thành: bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

***- Điều 265. Tội tổ chức đua xe trái phép***

So với Điều 206 BLHS năm 1999, Điều 265 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Ngoài sửa đổi theo hướng quy định cụ thể mức thiệt hại, hậu quả tại từng khoản, Điều 265 BLHS năm 2015 còn cụ thể hóa tình tiết tổ chức đua xe trái phép có quy mô lớn quy định tại khoản 2 Điều 206 BLHS năm 1999 bằng tình tiết tổ chức đua xe trái phép cho từ 10 xe tham gia trở lên trong cùng một lúc hoặc tổ chức 02 cuộc đua xe trở lên trong cùng một lúc.

+ Điều 265 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa các tình tiết định khung hình phạt tại các khoản 2, 3, 4 Điều 206 BLHS năm 1999 “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” bằng các mức thiệt hại, hậu quả cụ thể.

+ Điều 265 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng nâng mức thiệt hại là tình tiết định khung tăng nặng trách hiệm hình sự tại các khoản 2, 3, 4 so với hướng dẫn áp dụng Điều 206 BLHS năm 1999 tại Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC.

+ Thay đổi mức phạt tiền tại khoản 1 so với Điều 206 BLHS 1999: từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành: từ 30.000.000 đến 100.000.000 đồng.

+ Khoản 2: bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính và thay đổi khung hình phạt tù: từ 03 năm đến 10 năm thành từ 04 năm đến 10 năm;

+ Thay đổi mức phạt tiền là hình phạt bổ sung so với Điều 206 BLHS năm 1999 là: từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thành: từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

*-* ***Điều 266. Tội đua xe trái phép***

So với Điều 207 BLHS năm 1999, Điều 266 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Về cấu thành tội phạm có hai nội dung mới:

- Theo Điều 207 BLHS năm 1999, mọi hành vi đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho sức khoẻ, tài sản của người khác đều là hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này, người thực hiện hành vi vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm này nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm. Nay theo Điều 266 BLHS năm 2015, người thực hiện hành vi vi phạm này trong trường hợp gây thiệt hại cho sức khỏe hoặc tài sản của người khác (trừ trường hợp đã bị đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi tổ chức đua xe trái phép hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm), chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây thiệt hại thuộc một trong các trường hợp sau đây: gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

- Theo Điều 207 BLHS năm 1999, nếu như trước đó, người thực hiện hành vi đua xe trái phép (đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ) đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì trong mọi trường hợp, người thực hiện hành vi vi phạm (dù không gây thiệt hại cho người khác) đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm. Nay theo Điều 266 BLHS năm 2015, không chỉ trước đó người thực hiện hành vi phạm đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm mà nếu trước đó người thực hiện hành vi vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tổ chức đua xe trái phép hoặc đã bị kết án về hành vi đua xe trái phép, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đua xe trái phép nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này.

Như vậy, so với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 vừa thu hẹp, vừa mở rộng tội phạm đua xe trái phép.

+ Điều 266 BLHS năm 2015 quy định cụ thể từng mức thiệt hại là dấu hiệu định tội, định khung hình phạt tại từng khoản của Điều luật thay cho các quy định định lượng tương đối (gây thiệt hại nghiêm trọng, gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng...) tại Điều 207 BLHS năm 1999.

+ Thay đổi hình phạt:

Khoản 1: thay mức phạt tiền tối thiểu từ 5.000.000 đồng bằng 10.000.000 đồng và thay mức phạt tù tối thiểu từ 03 tháng lên thành 06 tháng, mức phạt cải tạo không giam giữ tối đa từ 03 năm xuống 02 năm;

Khoản 2: bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính và thay đổi khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm thành từ 03 năm đến 10 năm.

Khoản 3: tăng mức phạt tù tối thiểu từ 05 năm thành 07.

Khoản 5: thay mức phạt tiền bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng lên từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

***- Điều 267. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt***

So với Điều 208 BLHS năm 1999, Điều 267 BLHS năm 2015 có điểm mới:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 208 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 267 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 208 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 267 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Việc sửa đổi này nhằm bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong áp dụng quy định của Điều luật.

+ Thay đổi khung hình phạt tiền (phạt tiền là hình phạt chính) tại khoản 1 từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng thành: từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

***- Điều 268. Tội cản trở giao thông đường sắt***

So với Điều 209 BLHS năm 1999, Điều 268 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Bổ sung một số hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm: xây cống hoặc các công trình khác trái phép qua đường sắt; phá hoại phương tiện giao thông vận tải đường sắt; lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 208 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 268 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 209 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 268 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Việc sửa đổi này nhằm bảo đảm tính khả thi và thống nhất trong áp dụng quy định của Điều luật.

+ Sửa mức hình phạt tiền (phạt tiền là hình phạt chính) tại khoản 1 từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành: 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và thay đổi mức phạt tù tối đa tại khoản 1 là từ 05 năm xuống còn 03 năm.

+ Sửa mức hình phạt tiền (phạt tiền là hình phạt chính) tại khoản 4 từ 3.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thành: từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

***- Điều 269. Tội đưa vào sử dụng phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt không bảo đảm an toàn***

So với Điều 210 BLHS năm 1999, Điều 269 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Bổ sung thiết bị giao thông đường sắt là đối tượng tác động của tội phạm. Theo Điều 210 BLHS năm 1999, đối tượng tác động của tội phạm này là phương tiện giao thông đường sắt, nay theo Điều 269 BLHS năm 2015, đối tượng tác động của tội phạm này không chỉ là phương tiện giao thông đường sắt mà còn là thiết bị giao thông đường sắt. Việc bổ sung như vậy để trách bỏ lọt tội phạm, phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

+ Điều 269 BLHS năm 2015 cụ thể hóa dấu hiệu “Phương tiện giao thông đường sắt rõ ràng không bảo đảm an toàn” quy định tại khoản 1 Điều 210 BLHS năm 1999 bằng các dấu hiệu cụ thể: “Phương tiện, thiết bị không có giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm hoặc có nhưng biết là các phương tiện, thiết bị đó không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn”.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 210 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 269 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 210 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Nay Điều 269 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

+ Sửa hình phạt tiền (phạt tiền là hình phạt chính) tại khoản 1 từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành: từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

***- Điều 270. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt***

So với Điều 211 BLHS năm 1999, Điều 270 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Điều này được tách ra từ Điều 211 BLHS năm 1999 quy định tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường sắt;

+ Quy định cụ thể hơn dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản so với Điều 211 BLHS năm 1999. Khoản 1 Điều 211 BLHS năm 1999 quy định: “Người nào điều động hoặc giao cho người không có giấy phép hoặc bằng lái hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật chỉ huy, điều khiển phương tiện giao thông đường sắt...”, nay Điều 270 BLHS năm 2015 sửa lại là: “Người nào điều động người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm,…”.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 211 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 270 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Sửa hình phạt tiền (phạt tiền là hình phạt chính) từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành: từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tại khoản 1.

***- Điều 271. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt***

So với Điều 211 BLHS năm 1999, Điều 271 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Điều này được tách ra từ Điều 211 BLHS năm 1999 quy định tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường sắt.

+ Khoản 1 được sửa đổi quy định cụ thể hơn cấu thành cơ bản của tội phạm so với quy định của Điều 211 BLHS năm 1999. Khoản 1 Điều 211 BLHS năm 1999 quy định: “Người nào điều động hoặc giao cho người không có giấy phép hoặc bằng lái hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật chỉ huy, điều khiển phương tiện giao thông đường sắt...”, nay khoản 1 Điều 271 BLHS năm 2015 quy định: “Người nào giao cho người không có giấy phép lái tàu hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện giao thông đường sắt gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm,…”.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 211 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 271 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Sửa hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành: từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tại khoản 1.

+ Sửa hình phạt tù tại khoản 1 từ 01 năm đến 05 năm thành: từ 06 tháng đến 03 năm; tại khoản 2 từ 03 năm đến 10 năm thành: từ 02 năm đến 07 năm; tại khoản 3 từ 07 năm đến 15 năm thành: từ 07 năm đến 12 năm.

***- Điều 272. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thuỷ***

So với Điều 212 BLHS năm 1999, Điều 272 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 212 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 272 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 212 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Nay Điều 272 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Hình phạt quy định đối với hành vi phạm tội trong trường hợp này: Điều 212 BLHS năm 1999 quy định phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, này Điều 272 BLHS năm 2015 quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và thay đổi khung hình phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp này là từ 03 năm thành 01 năm.

+ Sửa hình phạt tiền tại khoản 1 từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

***- Điều 273. Tội cản trở giao thông đường thuỷ***

So với Điều 213 BLHS năm 1999, Điều 273 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 213 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 273 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 213 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 273 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

Về hình phạt tiền và cải tạo không giam giữ quy định đối với hành vi phạm tội trong trường hợp này có thay đổi: Điều 213 BLHS năm 1999 quy định phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 01 năm; nay Điều 273 BLHS năm 2015 quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 02 năm, phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

+ Sửa hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tại khoản 1.

***- Điều 274. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường thuỷ không bảo đảm an toàn***

So với Điều 202 BLHS năm 1999, Điều 274 BLHS năm 2015 có điểm mới là:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 214 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 274 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Sửa hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tại khoản 1.

***- Điều 275. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thuỷ***

Điều này được tách ra từ Điều 215 BLHS năm 1999 quy định tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thuỷ. So với Điều 215 BLHS năm 1999, Điều 275 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 215 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 275 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Sửa hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tại khoản 1.

***- Điều 276. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thuỷ***

Điều luật này được tách ra từ Điều 215 BLHS năm 1999 quy định tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thuỷ. So với Điều 215 BLHS năm 1999, Điều 276 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 215 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

Theo Điều 276 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Sửa hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và sửa hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm thành từ 06 tháng đến 03 năm tại khoản 1.

***- Điều 277. Tội vi phạm quy định về điều khiển tàu bay***

So với Điều 216 BLHS năm 1999, Điều 277 BLHS năm 2015 có điểm mới là:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 216 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

+ Bên cạnh tiếp tục quy định như BLHS năm 1999 là hành vi chỉ huy, điều khiển tàu bay mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường không tuy chưa gây ra thiệt hại nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời thì đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Theo Điều 277 BLHS năm 2015, chỉ xem xét trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên. Việc thay đổi như vậy là điều chỉnh theo hướng thu hẹp phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của tội phạm này.

+ Sửa hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tại khoản 1.

***- Điều 278. Tội cản trở giao thông đường không***

So với Điều 217 BLHS năm 1999, Điều 278 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 217 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

+ Theo Điều 273 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 217 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 278 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b, c khoản 3 Điều luật: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

+ Quy định cụ thể hơn hành vi tại điểm d khoản 1 Điều 217 BLHS năm 1999 là: “Cung cấp thông tin sai lạc gây nguy hiểm cho chuyến bay” bằng: “Cố ý cung cấp thông tin sai đến mức gây uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất, an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng”;

+ Sửa hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thành từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tại khoản 1;

+ Thay đổi khung hình phạt tiền khi phạm tội trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả thực tế gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác, nếu không được ngăn chặn kịp thời: từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng thành từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, giảm hình phạt cải tảo không giam giữ xuống còn 02 năm, phạt tù trong trường hợp này giảm xuống từ 03 tháng đến 02 năm.

***- Điều 279. Tội đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay không bảo đảm an toàn***

So với Điều 218 BLHS năm 1999, Điều 279 BLHS năm 2015 có nội dung mới là:

+ Theo Điều 218 BLHS năm 1999 tội danh này là Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường không không bảo đảm an toàn, nay Điều 279 BLHS năm 2015 sửa thành Tội đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay không bảo đảm an toàn. Tương ứng với việc sửa đổi tội danh, nội dung Điều luật cũng được sửa đổi về phạm vi điều chỉnh. Cụ thể là Điều luật được sửa đổi theo hướng thu hẹp các hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm, hay nói cách khác là phi hình sự hóa một số hành vi trong lĩnh vực này. Theo Điều 218 BLHS năm 1999, hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là hành vi của người có trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật của các phương tiện giao thông đường không mà cho đưa vào sử dụng các phương tiện rõ ràng không bảo đảm an toàn kỹ thuật. Nay theo Điều Điều 279 BLHS năm 2015, hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là hành vi của người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc về tình trạng kỹ thuật mà cho phép đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật. Khái niệm “các phương tiện giao thông đường không” có nội hàm rộng hơn khái niệm “tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay”.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 218 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

+ Bên cạnh tiếp tục quy định như BLHS năm 1999 là hành vi đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay không bảo đảm an toàntuy chưa gây ra thiệt hại nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời thì đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Theo Điều 279 BLHS năm 2015, chỉ xem xét trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên. Việc thay đổi như vậy là điều chỉnh theo hướng thu hẹp phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của tội phạm này.

***- Điều 280. Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển tàu bay***

So với Điều 219 BLHS năm 1999, Điều 280 BLHS năm 2015 có những điểm mới là:

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 219 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

+ Bên cạnh tiếp tục quy định như BLHS năm 1999 là hành vi đưa vào sử dụng tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay không bảo đảm an toàntuy chưa gây ra thiệt hại nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời thì đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự, theo Điều 280 BLHS năm 2015, chỉ xem xét trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên. Việc thay đổi như vậy là điều chỉnh theo hướng thu hẹp phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của tội phạm này.

Khoản 3: hạ hình phạt tối thiểu xuống 07 năm.

***- Điều 281. Tội vi phạm quy định về duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông***

So với Điều 220 BLHS năm 1999, Điều 281 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Quy định cụ thể hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm thay cho quy định: “Vi phạm các quy định về duy tu, sửa chữa, quản lý các công trình” tại khoản 1 Điều 220 BLHS năm 1999 bằng các hành vi phạm tội cụ thể: không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về duy tu, bảo dưỡng, quản lý để công trình giao thông không bảo đảm an toàn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật; không khắc phục kịp thời đối với công trình giao thông bị hư hỏng, đe dọa an toàn giao thông; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng biện pháp hướng dẫn, điều khiển giao thông, đặt biển hiệu, cọc tiêu, rào chắn ngăn ngừa tai nạn khi công trình giao thông đã bị hư hại mà chưa kịp hoặc đang tiến hành duy tu, sửa chữa; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về kiểm tra và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên đoạn đường đèo dốc nguy hiểm, đoạn đường có đá lở, đất sụt, nước ngập hoặc trên đoạn đường có nguy cơ không bảo đảm an toàn giao thông; không có biện pháp xử lý kịp thời và biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình giao thông thuộc thẩm quyền quản lý của mình bị hư hỏng; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về đặt tín hiệu phòng vệ khi thi công, sửa chữa công trình giao thông; không thu dọn, thanh thải biển hiệu phòng vệ, rào chắn, phương tiện, vật liệu khi thi công xong; vi phạm quy định khác về duy tu, sửa chữa, quản lý công trình giao thông.

+ Cụ thể hóa các tình tiết định tội, định khung hình phạt: “Gây thiệt hại nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 220 BLHS năm 1999 bằng các tình tiết thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản tại từng khoản của Điều luật.

+ Theo Điều 281 BLHS năm 2015, hành vi vi phạm này chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả thuộc một trong các trường hợp sau đây: làm chết một người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% trở lên; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên.

+ Khoản 4: sửa mức phạt tiền tối thiểu từ 5.000.000 đồng thành 10.000.000 đồng.

***- Điều 282. Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thuỷ***

So với Điều 221 BLHS năm 1999, Điều 282 BLHS năm 2015 sửa quy định cụ thểđịnh lượng hậu quả tại các khoản tăng nặng trách nhiệm hình sự (khoản 2 và 3); cụ thể Điều luật như sau:

+ Khoản 2 ngoài tình tiết phạm tội có tổ chức, sử dụng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm để phạm tội, tái phạm nguy hiểm thì các trường hợp phạm tội gây hậu quả sau đây sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản này:gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; chiếm đoạt tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

+ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều này:làm chết người; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên; chiếm đoạt tài sản 500.000.000 đồng trở lên.

***- Điều 283. Tội điều khiển tàu bay vi phạm các quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Do tính phức tạp của việc lượng hóa hậu quả của cấu thành tội phạm này nên Điều 283 là một trong số ít điều luật của BLHS năm 2015 quy định định lượng hậu quả là dấu hiệu thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm theo cách định lượng tương đối, đó là: “Gây hậu quả nghiêm trọng” “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Đây là cách quy định như BLHS năm 1999.

So với Điều 222 BLHS năm 1999, Điều 283 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Sửa hình phạt tù tối thiểu tại khoản 1 là từ 06 tháng thành 03 tháng.

+ Sửa hình phạt tiền đối với trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng thành từ 300.000.000 đồng đến 1000.000.000 đồng, đặc biệt nghiêm trọngtừ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng thành từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng.

***- Điều 284. Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm các quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

Tương tự như Điều 283 nêu trên, Điều 284 này cũng là một trong số ít các điều của BLHS năm 2015 quy định định lượng hậu quả là dấu hiệu thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm theo cách định lượng tương đối, tương tự như quy định của BLHS năm 1999. Đó là: “Gây hậu quả nghiêm trọng” “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”.

So với Điều 223 BLHS năm 1999, Điều 284 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Quy định cụ thể các hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm so với Điều 223 BLHS năm 1999, đó là các hành vi: chạy quá tốc độ cho phép trong vùng nư­ớc cảng biển; chạy không đúng vùng được phép hoạt động theo quy định; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thủ tục vào cảng, rời cảng, chế độ hoa tiêu, thủ tục neo, đậu, cập cầu, cập mạn, quy định về trật tự vệ sinh, an toàn cháy nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về đi, tránh nhau, vượt nhau, nhường đường trong hoạt động giao thông hàng hải hoặc phương tiện giao thông hàng hải không có, không bảo đảm về còi, chuông, kẻng theo âm lượng quy định; không bảo đảm về đèn hành trình, đèn hiệu theo tiêu chuẩn quy định, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc phát tín hiệu về âm hiệu, tín hiệu ánh sáng.

+ Bỏ hình phạt tù đối với trường hợp phạm tội tại khoản 1 và bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ vào khoản này.

**2. Về các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông (Mục 2)**

Các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông được quy định từ Điều 285 đến Điều 294, gồm 9 điều, tăng 04 điều so với BLHS năm 1999. Các điều mới được bổ sung: Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật; Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng; Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh; Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại.

Mục này có những nội dung chính như sau: ngoài bổ sung 05 điều luật quy định những tội phạm mới, các điều luật khác được sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản theo hướng cụ thể hóa cấu thành tội phạm và định lượng hậu quả, thiệt hại… tại các cấu thành tội phạm và điều chỉnh loại, mức hình phạt ở một số điều, khoản bảo đảm phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới;cụ thể là:

***- Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật***

Đây là điều luật mới so với BLHS năm 1999, hành vi thuộc mặt khách quan của phạm tội là:

+ Sản xuất công cụ, phương tiện, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính, viễn thông, phương tiện điện tử để sử dụng mục đích trái pháp luật;

+ Mua bán công cụ, phương tiện, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính, viễn thông, phương tiện điện tử để sử dụng mục đích trái pháp luật;

+ Trao đổi công cụ, phương tiện, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính, viễn thông, phương tiện điện tử để sử dụng mục đích trái pháp luật;

+ Tặng cho công cụ, phương tiện, phần mềm có tính năng tấn công mạng máy tính, viễn thông, phương tiện điện tử để sử dụng mục đích trái pháp luật;

Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý; mục đích của người phạm tội là sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để bản thân mình hoặc người khác sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

Chủ thể của tội phạm này là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

Hình phạt quy định đối với tội phạm này là phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Mức phạt tiền thấp nhất là 20 triệu đồng, cao nhất là 500 triệu đồng (khoản 1 và khoản 2); cải tạo không giam giữ thấp nhất là 06 tháng, cao nhất là 02 năm (khoản 1); tù có thời hạn thấp nhất là 03 tháng, cao nhất là 12 năm (các khoản 1, 2 và 3).

Ngoài ra các hình phạt chính, người phạm tội còn có thể phải chấp hành các hình phạt bổ sung phạt tiền (từ 30 triệu đồng đến 200 triệu đồng), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (từ 01 năm đến 05 năm).

***- Điều 286. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử***

So với Điều 224 BLHS năm 1999, Điều 286 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Tên điều luật có sự thay đổi so với Điều 224 BLHS năm 1999, cụ thể là điều luật được bỏ cụm từ mạng Internet và thay thế cụm từ: “Thiết bị số” bằng cụm từ: “Phương tiện điện tử”;

+ Quy định cụ thể về định lượng của dấu hiệu hậu quả của hành vi phạm tội, số lượng phương tiện bị nhiễm hoặc số lượng người sử dụng hệ thống thông tin bị nhiễm;

+ Khoản 1: bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm; giảm hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm thành tù từ 06 tháng đến 03 năm;

+ Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với hành vi phạm tội nghiêm trọng tại khoản 2 Điều luật;

+ Khoản 3: tăng mức hình phạt tối thiểu lên thành 07 năm.

***- Điều 287. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử***

So với Điều 225 BLHS năm 1999, Điều 287 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Tên điều luật có sự thay đổi, cụ thể là điều luật đã bỏ cụm từ: “Mạng internet” và thay thế cụm từ: “Thiết bị số” bằng cụm từ: “Phương tiện điện tử”;

+ Quy định cụ thể về định lượng của dấu hiệu thiệt hại về tài sản của tội phạm, “thời gian, số lần làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử”, “thời gian làm đình trệ hoạt động của cơ quan, tổ chức”;

+ Khoản 1: hạ mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm thành tù từ 06 tháng đến 03 năm;

+ Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với hành vi phạm tội nghiêm trọng tại khoản 2 Điều luật;

+ Khoản 3: tăng mức hình phạt tù tối thiểu lên thành 07 năm.

***- Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông***

So với Điều 226 BLHS năm 1999, Điều 288 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Tên điều luật có sự thay đổi, cụ thể là điều luật đã bỏ cụm từ: “Mạng internet”;

+ Quy định cụ thể về định lượng của dấu hiệu: “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”;

+ Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với hành vi phạm tội nghiêm trọng và bổ sung các hành vi sau tại khoản 2 Điều luật này: xâm phạm bí mật cá nhân dẫn đến người bị xâm phạm tự sát; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quan hệ đối ngoại của Việt Nam; dẫn đến biểu tình.

*-* ***Điều 289****.* ***Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác***

So với Điều 226a BLHS năm 1999, Điều 289 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Tên điều luật có thay đổi so với Điều 226a BLHS năm 1999, cụ thể là thay thế cụm từ: “Truy cập bất hợp pháp” bằng cụm từ: “Xâm nhập trái phép”, bỏ cụm từ: “Mạng internet” và thay thế cụm từ: “Thiết bị số” bằng cụm từ: “Phương tiện điện tử”;

+ Quy định cụ thể về định lượng của dấu hiệu: “Thu lợi bất chính”, “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”;

+ Tại khoản 2 Điều luật đã bổ sung quy định: hình phạt tiền là hình phạt chính đối với hành vi phạm tội nghiêm trọng; đối tượng của hành vi phạm tội là trạm trung chuyển internet quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu tên miền và hệ thống máy chủ tên miền quốc gia;

+ Khoản 3: tăng mức hình phạt tù thấp nhất lên thành 07 năm.

***- Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản***

So với Điều 226b BLHS năm 1999, Điều 290 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Tên điều luật có sự thay đổi, cụ thể là điều luật đã bỏ cụm từ: “Mạng internet” và thay thế cụm từ: “Thiết bị số” bằng cụm từ: “Phương tiện điện tử”;

+ Bổ sung các hành vi phạm tội sau: tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ; thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản;

+ Quy định cụ thể về định lượng của dấu hiệu: “Gây hậu quả nghiêm trọng”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”, số lượng thẻ giả;

+ Khoản 1: bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

***- Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng***

+ Đây là điều luật quy định tội danh mới, với hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này gồm:

\* Thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác;

\* Tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác;

\* Trao đổi trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác;

\* Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác;

\* Công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác;

+ Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý; động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

+ Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

+ Hình phạt áp dụng đối với tội phạm này là phạt tiền (thấp nhất là 20 triệu đồng, cao nhất là 500 triệu đồng (các khoản 1, 2 và 3), cải tạo không giam giữ (từ 06 tháng đến 03 năm (khoản 1), phạt tù (từ 03 tháng đến 07 năm (khoản 2 và khoản 3).

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền (từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (từ 01 năm đến 05 năm) hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***- Điều 292. Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông***(Điều luật này đã bãi bỏ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015).

***- Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh***

Đây là điều luật quy định tội danh mới.

+ Hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh vào mục đích khác.

+ Hành vi vi phạm chỉ cấu thành tội phạm nếu gây thiệt hại từ 200 triệu đồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

+ Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý; động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

+ Chủ thể của tội phạm này là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

+ Hình phạt quy định đối với tội phạm này là phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cải tạo không giam giữ từ 06 tháng đến 03 năm, phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

***- Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại***

Đây là điều luật quy định tội danh mới.

+ Hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm là gây nhiễu có hại, cản trở hoạt động bình thường của hệ thống thông tin vô tuyến điện.

+ Hành vi vi phạm nêu trên chỉ cấu thành tội phạm khi gây thiệt hại từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

+ Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý.

+ Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

+ Tội phạm này có hình phạt là: phạt tiền (từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng), cải tạo không giam giữ (từ 06 tháng đến 03 năm) (khoản 1); phạt tù (từ 01 năm đến 05 năm) (khoản 2).

**3. Về các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng (Mục 3)**

Các tội phạm thuộc mục này gồm 23 điều, từ Điều 295 đến Điều 317. Trong đó có 05 điều luật được bổ sung quy định các tội phạm mới và các điều luật khác được sửa đổi, bổ sung theo hướng cụ thể hóa cấu thành tội phạm và lượng hóa thiệt hại, hậu quả… tại từng khoản của điều luật. Các điều luật mới được bổ sung là: Điều 297. Tội cưỡng bức lao động, Điều 301. Tội bắt cóc con tin, Điều 302. Tội cướp biển, Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, Điều 314. Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện.

Những điểm mới của các điều cụ thể là:

***- Điều 295. Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người***

So với Điều 227 BLHS năm 1999, Điều 295 BLHS năm 2015 có điểm mới là cụ thể hóa định lượng hậu quả của tội phạm tại từng khoản của Điều luật, đó là hậu quả gây thiệt hại tính mạng, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của con người, gây thiệt hại về tài sản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính tại khoản 1; tăng mức hình phạt tù tối thiểu tại khoản 1 lên thành 01 năm;

+ Khoản 2: giảm mức hình phạt cao nhất xuống thành 07 năm;

+ Khoản 3: giảm mức hình phạt tối thiểu tại xuống thành 06 năm;

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 227 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 278 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa: “Hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b, c khoản 3 Điều luật: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

***- Điều 296. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi***

So với Điều 228 BLHS năm 1999, Điều 296 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Tên điều luật thay đổi so với Điều 228 BLHS năm 1999, đó là thay thế cụm từ: “Lao động trẻ em” bằng cụm từ: “Người lao động dưới 16 tuổi” để phù hợp với quy định của pháp luật về trẻ em;

+ Cụ thể hóa định lượng hậu quả của tội phạm tại từng khoản của Điều luật, đó là hậu quả gây thiệt hại tính mạng, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của con người, gây thiệt hại về tài sản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

+ Khoản 1: tăng mức hình phạt cải tạo không giam giữ lên thành 03 năm; tăng mức phạt tù tối thiểu lên thành 06 tháng;

+ Khoản 2: tăng mức hình phạt tù thấp nhất lên thành 03 năm;

+ Bổ sung khoản 3 với mức hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

***- Điều 297. Tội cưỡng bức lao động***

Đây là điều luật quy định tội danh mới.

+ Hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc người khác phải lao động.

+ Hành vi vi phạm chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu trước đó người thực hiện hành vi vi phạm đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc gây chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người bị cưỡng bức lao động ở mức độ nhất định.

Cần lưu ý: thiệt hại gây chết người, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người bị cưỡng bức lao động quy định trong Điều luật này không phải là do hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác của người phạm tội gây ra mà các thiệt hại này là do người bị hại vì phải lao động mà dẫn đến hậu quả như vậy (do lao động, gặp tai nạn lao động… mà dẫn đến chết người, thương tích, tổn hại sức khỏe). Trường hợp hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác của người phạm tội dẫn đến hậu quả chết người, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người bị cưỡng bức lao động thì người thực hiện hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng (tội giết người, tội vô ý làm chết người, tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác…) và chịu trách nhiệm hình sự về tội cưỡng bức lao động theo Điều 297 nếu thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm này.

+ Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý; động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

+ Chủ thể của tội phạm này là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi từ đủ 16 trở lên.

+ Tội phạm này có hình phạt là:

\* Khoản 1: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ từ 06 tháng đến 03 năm, phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

\* Khoản 2: phạt tù từ 03 năm đến 07 năm;

\* Khoản 3: phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

***- Điều 298. Tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng***

So với Điều 229 BLHS năm 1999, Điều 298 BLHS năm 2015 có những điểm mới là:

+ Cụ thể hóa dấu hiệu hậu quả của hành vi phạm tội, đó là hậu quả: làm chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một người hoặc nhiều người với tỷ lệ tổn thương cơ thể cụ thể; gây thiệt hại về tài sản có giá trị cụ thể; gây thiệt hai về tài sản tại từng khoản;

+ Khoản 1: tăng mức hình phạt tù tối thiểu lên thành 01 năm; tăng mức hình phạt tiền lên thành 50.000.000 đồng đến 500.000.000đồng;

+ Khoản 3: giảm mức hình phạt tù thành tù từ 07 năm đến 15 năm.

***- Điều 299. Tội khủng bố***

So với Điều 230a BLHS năm 1999, Điều 299 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Bổ sung các hành vi phạm tội quy định tại khoản 2 để phù hợp với Luật phòng, chống khủng bố năm 2013, đó là: thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố; cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố; xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe hoặc chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân;tấn công, xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Quy định cụ thể về hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội khủng bố là bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

+ Bổ sung quy định đối với người phạm tội khủng bố sẽ bị tước một số quyền công dân, tuy nhiên, chưa quy định cụ thể đó là những quyền công dân nào.

***-Điều 300. Tội tài trợ khủng bố***

So với Điều 230b BLHS năm 1999, Điều 300 BLHS năm 2015 có điểm mới là quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với tội phạm này và quy định cụ thể về hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội này (phạt tù từ 01 năm đến 05 năm).

***-Điều 301. Tội bắt cóc con tin***

Đây là điều luật mới bổ sung, hình sự hóa hành vi bắt cóc con tin theo Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin năm 1979.

+ Hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này là: bắt, giữ, giam người khác làm con tin nhằm cưỡng ép một quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân làm hoặc không làm một việc như một điều kiện để thả con tin, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 113 (tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân) và Điều 299 (tội khủng bố) của BLHS năm 2015.

Trường hợp người thực hiện hành vi bắt cóc con tin nhằm chiếm đoạt tài sản thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 169 BLHS năm 2015 nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm.

+ Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Tội phạm hoàn thành khi hành vi phạm tội được thực hiện.

+ Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; mục đích của người phạm tội là nhằm cưỡng ép một quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân làm hoặc không làm một việc, trừ trường hợp hành vi phạm tội cấu thành tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân quy định tại Điều 113 hoặc tội khủng bố quy định tại Điều 299 BLHS năm 2015.

+ Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

Hình phạt: Điều luật quy định bốn khung hình phạt chính: khoản 1, phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; khoản 2, phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 3, phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 4, phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Trường hợp chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

***- Điều 302. Tội cướp biển***

Đây là điều luật mới bổ sung; việc tội phạm hóa hành vi cướp biển là để nội luật hóa Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982 mà nước ta là thành viên, theo đó:

+ Hành vi thuộc mặt khách quan của phạm tội này là:

\* Tấn công tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào;

\* Tấn công hoặc bắt giữ người trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào;

\* Cướp phá tài sản trên tàu biển, phương tiện bay hoặc phương tiện hàng hải khác đang ở biển cả hoặc ở nơi không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào.

Dấu hiệu đặc trưng của tội cướp biển là địa điểm xảy ra tội phạm, đó là ở vùng biển cả hoặc ở vùng biển không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào. Trường hợp hành vi phạm tội nêu trên được thực hiện ở các địa điểm khác, không phải là ở vùng biển cả hoặc ở vùng biển không thuộc quyền tài phán của quốc gia nào thì người thực hiện hành vi phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản quy định tại Điều 168 BLHS năm 2015 nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này.

+ Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

+ Tội cướp biển được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; mục đích của người phạm tội là nhằm chiếm đoạt tài sản.

+ Chủ thể của tội phạm này là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

Về hình phạt: tội phạm này có mức hình phạt thấp nhất là 05 năm tù, cao nhất là tù chung thân, được chia thành 4 khung; đó là:

Khung 1: phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội thuộc khoản 1;

Khung 2: phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng trong các trường hợp thuộc khoản 2;

Khung 3: phạt tù từ 15 năm đến 20 năm đối với các trường hợp phạm tội thuộc khoản 3;

Khung 4: phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân.

Người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

***- Điều 303. Tội phá huỷ công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia***

So với Điều 231 BLHS năm 1999, Điều 303 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Ngoài công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia như quy định của Điều 231 BLHS năm 1999, Điều 303 BLHS năm 2015 bổ sung đối tượng tác động của tội phạm là cơ sở quan trọng về an ninh quốc gia cho đầy đủ đối tượng cần bảo vệ của Điều luật này;

+ Cụ thể hóa dấu hiệu hậu quả của tội phạm, cụ thể là: làm chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một người hoặc nhiều người với tỷ lệ tổn thương cơ thể cụ thể; gây thiệt hại về tài sản có giá trị cụ thể; gây thiệt hai về tài sản tại từng khoản;

+ Quy định cụ thể về hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội là bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

***- Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự***

So với Điều 230 BLHS năm 1999, Điều 304 BLHS năm 2015 có những điểm mới là cụ thể hóa nhiều yếu tố định lượng tại các khoản của Điều luật. Tuy nhiên, do tính phức tạp của đối tượng tác động của tội phạm này nên Điều 304 đã quy định kết hợp cả định lượng tuyệt đối và định lượng tương đối. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản được định lượng tuyệt đối, còn số lượng, trị giá vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sựlà vật phạm pháp được định lượng tương đối (vật phạm pháp có số lượng lớn hoặc giá trị lớn...).

***- Điều 305. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ***

So với Điều 232 BLHS năm 1999, Điều 305 BLHS năm 2015 có điểm mới là quy định cụ thể nhiều yếu tố định lượng tại các khoản của Điều luật. Tuy nhiên, do tính phức tạp của đối tượng tác động của tội phạm này nên cũng tương tự như Điều 304 nêu trên, Điều 305 này cũng quy định kết hợp cả định lượng tuyệt đối và định lượng tương đối. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, khối lượng thuốc nổ được định lượng tuyệt đối, còn số lượng các loại phụ kiện nổlà vật phạm pháp được định lượng tương đối (các loại phụ kiện nổ có số lượng lớn, rất lớn, đặc biệt lớn).

***- Điều 306. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ***

So với Điều 233 BLHS năm 1999, Điều 306 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Điều 306 BLHS năm 2015 bổ sung đối tượng tác động của tội phạm là súng săn, vũ khí thể thao và các vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ để phù hợp với quy định của Luật quản quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

+ So với Điều 233 BLHS năm 1999, Điều 306 này có điểm mới là quy định cụ thể nhiều yếu tố định lượng tại các khoản của Điều luật. Tuy nhiên, do tính phức tạp của đối tượng tác động của tội phạm này nên cũng tương tự như Điều 304 và Điều 305 nêu trên, Điều 306 này cũng quy định kết hợp cả định lượng tuyệt đối và định lượng tương đối. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sảnđược định lượng tuyệt đối, còn số lượng súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, vũ khí khác có tính năng tác dụng tương tự như súng săn, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ được định lượng tương đối (vật phạm pháp có số lượng lớn, rất lớn, đặc biệt lớn);

+ Bổ sung thêm khoản 3 với khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

- **Điều 307. Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**

So với Điều 234 BLHS năm 1999, Điều 307 BLHS năm 2015 có những điểm mới là:

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của tội phạm ở từng khoản của Điều luật (làm chết người, gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, gây thiệt hại về tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân).

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 234 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 307 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b, c khoản 3 Điều luật: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

*-* ***Điều 308. Tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng***

So với Điều 235 BLHS năm 1999, Điều 308 BLHS năm 2015 có điểm mới là:

+ Sửa từ định lượng tương đối (gây thiệt hại nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân);

+ Khoản 1: giảm mức hình phạt tù cao nhất xuống thành 03 năm;

+ Tách tình tiết gâyhậuquảrấtnghiêmtrọnghoặc đặcbiệtnghiêmtrọng thành 02 khoản độc lập.

*-* ***Điều 309. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân***

So với Điều 236 BLHS năm 1999, Điều 309 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Ngoài chất phóng xạ quy định tại Điều 236 BLHS năm 1999, Điều 309 này bổ sung vật liệu hạt nhân là đối tượng tác động của tội phạm này.

+ Sửa từ định lượng tương đối (gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân) và bỏ số lượng vật phạm pháp là dấu hiệu định tội, định khung hình phạt.

+ Bổ sung vận chuyển, mua bán qua biên giới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của tội phạm.

*-* ***Điều 310. Tội vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân***

So với Điều 237 BLHS năm 1999, Điều 310 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

+ Ngoài chất phóng xạ quy định tại Điều 237 BLHS năm 1999, Điều 310 này bổ sung đối tượng tác động của tội phạm gồm cả vật liệu hạt nhân.

+ Bổ sung xử lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân là hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm.

+ Sửa từ định lượng tương đối (gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tại từng khoản của Điều luật.

+ Khoản 1: bỏ hình phạt cải tạo không giam giữ, tăng mức hình phạt tù thành từ 03 năm đến 10 năm;

+ Khoản 2: tăng mức hình phạt tù thành từ 07 năm đến 15 năm;

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 237 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 310 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa: “Hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b, c khoản 3 Điều luật: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

***- Điều 311. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy****,* ***chất độc***

So với Điều 238 BLHS năm 1999, Điều 311 BLHS năm 2015 có những điểm mới là:

+ Bổ sung hành vi vận chuyển, mua bán qua biên giới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của tội phạm này.

+ Quy định cụ thể định lượng của một số hậu quả là tình tiết định khung hình phạt tại các khoản của Điều luật. Tuy nhiên, do tính phức tạp của đối tượng tác động của tội phạm này nên cũng tương tự như một số điều luật nêu trên, Điều 311 này cũng quy định kết hợp cả định lượng tuyệt đối và định lượng tương đối. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sảnđược định lượng tuyệt đối, còn định lượng về số lượng vật phạm pháp (chất cháy, chất độc) được định lượng tương đối (vật phạm pháp có số lượng lớn, rất lớn, đặc biệt lớn).

***- Điều 312. Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc***

So với Điều 239 BLHS năm 1999, Điều 312 BLHS năm 2015 có điểm mới là:

+ Bên cạnh các hành vi vi phạm quy định về quản lý việc sản xuất, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán chất cháy, chất độc như quy định của Điều 239 BLHS năm 1999, Điều 312 BLHS năm 2015bổ sung vi phạm quy định về quản lý việc xử lý chất cháy, chất độc là hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm.

+ Sửa từ định lượng tương đối (gây thiệt hại nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tại từng khoản của Điều luật.

***- Điều 313. Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy***

So với Điều 240 BLHS năm 1999, Điều 313 BLHS năm 2015 có điểm mới là:

+ Sửa từ định lượng tương đối (gây thiệt hại nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tại từng khoản của Điều luật;

+ Khoản 1: tăng mức hình phạt tù tối thiểu lên thành 02 năm;

+ Khoản 2: tăng mức hình phạt tù tối thiểu lên thành 05 năm;

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 240 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy tuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 313 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa: “Hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b hoặc điểm c khoản 3 Điều luật: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

***- Điều 314. Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện lực***

Điều 314 BLHS năm 2015 được bổ sung trên cơ sở Điều 241 BLHS năm 1999. So với Điều 241 BLHS năm 1999, Điều 314 BLHS năm 2015 có điểm mới là:

+ Bổ sung các hành vi sau đây là những hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm: lắp các thiết bị điện hoặc thi công đường điện không bảo đảm an toàn, các hành vi khác gây mất an toàn vận hành công trình điện lực theo quy định của pháp luật;

+ Sửa từ định lượng tương đối (gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tại từng khoản của Điều luật;

+ Khoản 1: tăng mức hình phạt tù cao nhất thành 05 năm;

+ Khoản 2: bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính;

+ Quy định cụ thể định lượng hậu quả của trường hợp phạm tội có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả nguy hại cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời. Theo Điều 241 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện lựctuy chưa gây ra thiệt hại cho xã hội nhưng có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn kịp thời thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu hành vi vi phạm thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa của cấu thành tội phạm này. Điều 314 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng cụ thể hóa “hậu quả đặt biệt nghiêm trọng” bằng những thiệt hại cụ thể có khả năng thực tế xảy ra nếu không được ngăn chặn kịp thời, đó là có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b hoặc điểm c khoản 3 Điều luật: làm chết 03 người trở lên; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

***- Điều 315. Tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế thuốc, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác***

So với Điều 242 BLHS năm 1999, Điều 315 BLHS năm 2015 có điểm mới là sửa từ định lượng tương đối (gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tại từng khoản của Điều luật.

***- Điều 316. Tội phá thai trái phép***

So với Điều 243 BLHS năm 1999, Điều 316 BLHS năm 2015 có điểm mới là sửa từ định lượng tương đối (gây thiệt hại nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiệm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) thành định lượng tuyệt đối (mức thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe của người khác) tại từng khoản của Điều luật.

***- Điều 317. Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm***

So với Điều 244 BLHS năm 1999, Điều 317 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau: nếu như Điều 244 BLHS năm 1999 quy định gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khoẻ của người tiêu dùng là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm, thì nay bên cạnh các dấu hiệu nêu trên (nhưng quy định cụ thể số lượng người bị hại, mức tỷ lệ tổn thương cơ thể của người bị hại), Điều 317 BLHS năm 2015 được bổ sung một số dấu hiệu khác của cấu thành tội phạm để bảo đảm tính khả thi của điều luật, nâng cao hiệu quả phòng, chống loại hành vi phạm tội này đã và đang diễn biến hết sức phức tạp gây hậu quả nghiêm trọng cho tính mạng, sức khỏe con người, sự phát triển kinh tế, xã hội. Đó là định lượng về trị giá của chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bị cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm;định lượng về trị giá thực phẩm được chế biến, cung cấp hoặc bán từ việc sử dụng động vật chết do bệnh, dịch bệnh hoặc động vật bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật; định lượng về trị giáchất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam sử dụng sản xuất thực phẩm; trị giá thực phẩm nhập khẩu, cung cấp hoặc bán có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng;… Đồng thời, quy định của Điều 317 BLHS năm 2015 có sự phân hóa về chính sách hình sự giữa hành vi sử dụng chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bị cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm để sản xuất thực phẩm với hành vi sử dung chất, hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam trong sản xuất thực phẩm để sản xuất thực phẩm; giữa hành vi nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm cấm sử dụng hoặc ngoài danh mục được phép sử dụng với hành vi nhập khẩu, cung cấp hoặc bán thực phẩm có sử dụng chất, hóa chất, phụ gia thực phẩm hoặc chất hỗ trợ chế biến thực phẩm chưa được phép sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam;…

Vấn đề cần lưu ý ở Điều luật này là để bảo đảm thống nhất trong việc áp dụng và tránh tình trạng có thể xảy ra là xử lý hình sự tràn lan các hành vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, Điều 317 BLHS năm 2015 quy định cụ thể lỗi của tội phạm này là cố ý. Người thực hiện tội phạm này phải có lỗi cố ý, trường hợp người thực hiện hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm này nhưng do vô ý thì không cấu thành tội phạm này.

Đồng thời quy định tăng mức hình phạt tù cao nhất đối với tội phạm này lên thành 20 năm.

**4. Về các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng (Mục 4)**

Mục 4 này gồm 12 điều, từ Điều 318 đến Điều 329. Đây là những điều luật đã được quy định trong BLHS năm 1999 nhưng có nhiều sửa đổi, bổ sung như lượng hóa cụ thể hậu quả, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, lượng tiền thu lợi bất chính… tại từng cấu thành tội phạm; sửa đổi một số cấu thành tội phạm để phù hợp với thực tế diễn biến tội phạm, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới…

Những điểm mới cụ thể của các điều luật như sau:

*-* ***Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng***

So với Điều 245 BLHS năm 1999, Điều 318 BLHS năm 2015 có điểm mới là sửa đổi thay dấu hiệu: “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng dấu hiệu: “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” ở cấu thành cơ bản của tội phạm.

***- Điều 319. Tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt***

So với Điều 246 BLHS năm 1999, Điều 319 BLHS năm 2015 có điểm mới là dấu hiệu định khung hình phạt ở khoản 2 Điều 246 BLHS năm 1999: “Gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các dấu hiệu: “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chiếm đoạt hoặc hủy hoại vật có giá trị lịch sử, văn hóa; Vì động cơ đê hèn; chiếm đoạt bộ phận thi thể, hài cốt”; khoản 2 tăng mức hình phạt tù thành từ 02 năm đến 07 năm.

***- Điều 320. Tội hành nghề mê tín, dị đoan***

So với Điều 247 BLHS năm 1999, Điều 320 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Bỏ dấu hiệu: “Gây hậu quả nghiêm trọng” trong cấu thành cơ bản của tội phạm tại khoản 1 Điều 247 BLHS năm 1999;

+ Thay dấu hiệu: “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác” quy định tại khoản 2 Điều 247 BLHS năm 1999 bằng các dấu hiệu: “Thu lợi bất chính 200 triệu đồng trở lên”; “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” quy định tại khoản 2 Điều 320 BLHS năm 2015;

+ Nâng mức hình phạt bổ sung phạt tiền từ 03 triệu đồng đến 30 triệu đồng theo Điều 247 BLHS năm 1999 thành phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng.

*-* ***Điều 321. Tội đánh bạc***

So với Điều 248 BLHS năm 1999, Điều 321 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Về cấu thành tội phạm, so với Điều 248 BLHS năm 1999, Điều 321 BLHS năm 2015 được sửa đổi theo hướng vừa mở rộng, vừa thu hẹp. Thu hẹp ở chỗ: theo Điều 248 BLHS năm 1999, nếu trước đó người thực hiện hành vi đánh bạc trái phép chưa bị kết án và được xóa án tích về tội đánh bạc hoặc về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thì chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu số tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trái phép có trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên, nay theo Điều 321 BLHS năm 2015 thì số tiền hoặc hiện vật đó phải có trị giá từ 5.000.000 đồng trở lên. Mở rộng ở chỗ: theo Điều 248 BLHS năm 1999, trường hợp người thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với số tiền hoặc hiện vật dưới 2.000.000 đồng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu trước đó đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; nay theo Điều 321 BLHS năm 2015, người thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với số tiền hoặc hiện vật dưới 5.000.000 đồng, ngoài trường hợp trước đó đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nhưng nếu trước đó đã bị xử phạt hành chính về hành đánh bạc hoặc hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc;

+ Khoản 1: tăng hình mức hình phạt tiền lên thành từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tăng mức hình phạt tù tối thiểu lên thành 06 tháng;

+ Bổ sung: “Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc khoản 2 Điều luật.

*-* ***Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc***

So với Điều 249 BLHS năm 1999, Điều 322 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Ngoài dấu hiệu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi đánh bạc hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội đánh bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm như quy định tại Điều 249 BLHS năm 1999, Điều 322 BLHS còn bổ sung một số tình tiết là dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm; đó là tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên; sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên; tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên; có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc;

+ Quy định cụ thể tình tiết: “Thu lợi bất chính lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn” tại khoản 2 Điều 249 BLHS năm 1999 bằng dấu hiệu: “Thu lợi bất chính 50 triệu đồng trở lên”;

+ Nâng mức phạt tiền ở khoản 1 từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thành từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

+ Sửa đổi hình phạt bổ sung quy định tại Điều 249 BLHS năm 1999: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản thành người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

***- Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có***

So với Điều 250 BLHS năm 1999, Điều 323 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Quy định cụ thể định lượng tài sản, vật phạm tội tại khoản 2, 3 và 4 của Điều luật;

+ Nâng mức phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng theo khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999 thành từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng;

+ Sửa hình phạt bổ sung quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này” thành: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

*-* ***Điều 324. Tội rửa tiền***

So với Điều 251 BLHS năm 1999, Điều 324 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Theo Điều 251 BLHS năm 1999, hành vi phạm tội rửa tiền là hành vi rửa tiền cho người khác (rửa tiền do người khác phạm tội mà có), nay theo Điều 324 BLHS năm 2015 thì ngoài rửa tiền cho người khác, thì hành vi rửa tiền còn gồm cả rửa tiền cho chính mình (rửa tiền do mình phạm tội mà có);

+ Quy định cụ thể định lượng tiền, tài sản phạm tội, thu lợi bất chính trong các khoản 2, 3 và 4 của Điều luật;

+ Quy định hình phạt cụ thể hình phạt đối với chuẩn bị phạm tội này.

+ Bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với tội phạm này.

***- Điều 325. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp***

So với Điều 252 BLHS năm 1999, Điều 325 BLHS năm 2015 có những điểm mới sau đây:

+ Thay thế cụm từ: “Người chưa thành niên” tại Điều 252 BLHS năm 1999 bằng cụm từ: “Người dưới 18 tuổi”;

+ Hình sự hóa hành vi rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, dùng vũ lực hoặc hành vi khác xúi dục hoặc ép buộc người dưới 18 tuổi hoạt động phạm tội, sống sa đọa (tại khoản 1) và bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại khoản 2: rủ rê, dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc, kích động, xúi giục, đe dọa, uy hiếp, ép buộc, chứa chấp người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

+ Khoản 2: hạ mức hình phạt tù cao nhất từ 10 năm xuống thành 07 năm.

*-* ***Điều 326. Tội truyền bá văn hóa phẩmđồi trụy***

So với Điều 253 BLHS năm 1999, Điều 326 BLHS năm 2015 có điểm mới là quy định cụ thể về định lượng dữ liệu được số hóa; số lượng ảnh, sách in, báo in hoặc vật phẩm khác; số lượng người được phố biến tại từng khoản của Điều luật.

*-* ***Điều 327. Tội chứa mại dâm***

So với Điều 254 BLHS năm 1999, Điều 327 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Bổ sung tình tiết phạm tội gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại khoản 2, khoản 3 của Điều luật;

+ Quy định cụ thể định lượng về thu lợi bất chính tại từng khoản. Đó là: thu lợi bất chính tại khoản 2 là thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; thu lợi bất chính tại khoản 3 là thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; thu lợi bất chính tại khoản 3 là thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.

*-* ***Điều 328. Tội môi giới mại dâm***

So với Điều 255 BLHS năm 1999, Điều 328 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Sửa đổi khoản 1 Điều 255 BLHS năm 1999 để quy định cụ thể hơn hành vi phạm tội và thay đổi về khung hình phạt, đó là: “Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”;

+ Khoản 2: hạ mức hình phạt tù cao nhất từ 10 năm xuống thành 07 năm;

+ Quy định cụ thể định lượng về thu lợi bất chính tại khoản 2 và khoản 3 điều luật.

***- Điều 329. Tội mua dâm người dưới 18 tuổi***

So với Điều 256 BLHS năm 1999, Điều 329 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau:

+ Thay cụm từ: “Mua dâm người chưa thành niên” bằng cụm từ: “Mua dâm người dưới 18 tuổi”;

+ Khoản 2: hạ mức hình phạt tù cao nhất từ 08 năm xuống thành 07 năm;

+ Bỏ tình tiết: “Biết mình bị nhiềm HIV mà vẫn phạm tội” là tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 3 Điều 256 BLHS năm 1999./.

------------------------------------------------